

NĂM THỨ 8 - NGÀY 15-2-64

BACH KHOA

Số tân niên

NGUYỄN-HỮU-DUNG **CHỦ TRƯỞNG TRUNG
LẬP HÓA MIỀN NAM** • ĐỖ-TRỌNG-HUỆ *trà,
lược sử và ý nghĩa* • PHẠM-LƯƠNG-GIANG *Việt-
Nam tham dự hội nghị quốc tế* • NGUYỄN-HIỆN-LÊ
Thomas Edward Lawrence • LỮ - QUỲNH *hôm
nay, ngàn sau* • NGUYỄN-NGU-Í **CUỘC TRANH
ĐẤU CỦA ĐẠI HỌC HUẾ THEO LỜI
THUẬT CỦA GIÁO SƯ LÊ - TUYÊN** •
VŨ - QUỲNH - BANG *bài thơ tuổi nhỏ* • MẠC-LY-
CHÂU *tuổi trẻ hôm nay* • NGUYỄN - THỊ - HOÀNG
ba bài thơ • VÕ - HỒNG *người thứ ba* •
HOÀNG - ĐÔNG - PHƯƠNG *vòng tay học trò* •
NGUYỄN - NGU - Í *còn nao mấy lòng* • HỮU -
PHƯƠNG *kiếp người* • TRÙNG - DƯƠNG *sao
rụng* • **SINH - HOẠT** *triền lãm hội họa của sinh
viên mỹ thuật — Đại hội Văn nghệ của sinh
viên Âm nhạc và Kịch
nghệ — Biển cổ 30-1-1964
(NGUYỄN - NGU - Í thuật)*

171

Thanh thoát

Fine
Dịu dàng

Racée
Tonique

NUOC HOA
NGÔI SAO
EAU
DE
COLOGNE



DESORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S.F. DES DISTILLERIES DE L'INDO-CHINE (D.I.C.)

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE
Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place



NUOC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIÀ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên đề dặt kiểm
soát lại nắp chì giữa gian
bọc ở miệng chai chính gốc
nằm phía trong nắp vận
định ốc còn nguyên vẹn.

DIC

DIP

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghĩ (Bd de la Somme), 87

Điện thoại : 21.549 và 24.547

CHI NHÁNH CHOLON (Agence de Cholon)

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gandot)

Điện thoại : 50.200 và 50.209

KHO HÀNG : HƯ-KHỔ và KHO THƯỜNG

(Entrepôt Frictil et Ordinaire)

300, Đại-lộ Trịnh-Minh-Thổ, Khánh-hội, Saigon

Điện thoại : 24.859

Danh sách điện báo : COMMUBANK



CÁC HÃNG ĐẠI-LÝ THIẾT LẬP TRÊN CÁC THANH
THỊ LỚN KHẮP THẾ GIỚI, CHUYÊN DOANH TẤT CẢ CÁC
NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG : VÀ KIÊM DOANH CÁC NGHIỆP
VỤ HƯ-KHỔ VÀ KHO-THƯỜNG (ĐỂ CHO THÂN CHỦ
ĐƯỢC TIỆN LỢI GỞI TRỮ HÀNG HÓA) ; VÀ CÓ TU
BAO HIỂM CHO THUÊ, MỖI TỶ TIỀN THUÊ MỖI NĂM
TỪ 300 \$ TRỞ LÊN.



Đường bay

HOA - SEN VIỆT - NAM

SAIGON — HONG-KONG

Hai chuyến mỗi tuần: THỨ BA và THỨ BẢY

bằng **PHI-CƠ GẮN MÁY RA-ĐA**

D C 6 B

(All weather radar equipped)



Mỗi thứ Ba: Khởi hành tại SAIGON: 08 g 30

Mỗi thứ Bảy: Khởi hành tại SAIGON: 15 g 00

XIN HỎI CHI TIẾT VÀ LẤY VÉ NƠI CÁC HẸNG DU-LỊCH HAY:

**VIỆT-NAM
HÀNG-KHÔNG**

116 NGUYỄN HUỆ SAIGON.ĐT. 21.624.21.625.21.626

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẠC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M.

Số thương mại Saigon số : 157 B

Q. G. D. B. : 55.826.21.001

C. C. P. SAIGON No 27.04

TRỤ SỞ : 29, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.434/35/36 & 21.018 — Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh : Hàng lang Eden, Saigon

Điện thoại : 23.207

ĐAM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG
MỞ CÁC KHOẢN TÍN DỤNG VỀ
XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG

ĐẠI-DIỆN CÁC NGÂN-HÀNG TRÊN THẾ-GIỚI

BANK OF CHINA

Siège Social TAIPEI - TAIWAN

Capital : 60.000.000 Silver Dollars

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Code : Peterson Internationale 4th Edition

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES
LES GRANDES VILLES DU MONDE

SUCCURSALE DE SAIGON :

11, Bn Chuong Dong

Téléphone : 21.632-21633

AGENCE DE CHOLON :

118, đại lộ Đông-Khánh

Téléphone : 36.266

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCE COMPANY, LTD.

Maritime — Incendie — Automobile — Accidents

*Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,*



DENIS FRERES agréée I.A.T.A
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIÉTÉ ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5.300.000 FRANCS

SIEGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

VIET NAM	SAIGON	AGENCE	: 32, Dai - Lô Hàm - Nghi — Tél : 20.065, 20.066, 20.067.
		BUREAUX	: 178 - 180 - 182, Dương Lê- Thanh - Tôn (Marché cen- tral) — Tél. : 22.142.
		—	: 415 - 417, Duong Hai Ba Trung (Tân-Dinh) — Tél. : 25.172.
	CHOLON	AGENCE	: 386, Dai - lô Đông - Khanh (Cholon) — Tél. : 36.105.
	KHANH-HUNG	AGENCE	: 23, Duong Hoang-Dien.

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG,
KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON

TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

BÁCH

KHOA trong số này

Số 171 ngày 15-2-64

NGUYỄN HỮU DUNG vì đâu có chủ trương trung lập hóa Việt-Nam	3
ĐỖ TRỌNG HUỀ trà, lược sử và ý nghĩa	11
PHẠM LƯƠNG GIANG Việt-Nam tham dự hội nghị quốc tế	17
NGUYỄN HIỂN LÊ danh nhân Thomas Edward Lawrence	29
LỮ QUỲNH hôm nay, ngàn sau (thơ)	30
NGUYỄN-NGU-Í đại học Huế tranh đấu chống chế độ cũ, qua hai giờ nói chuyện với giáo sư Lê Tuyên	37
VŨ QUỲNH BANG bài thơ tuổi nhỏ (thơ)	48
MẠC LY CHÂU tuổi trẻ hôm nay (thơ)	49
NGUYỄN THỊ HOÀNG Mát — Tiếng gọi — Hoang mang (thơ)	50
VÕ HỒNG người thứ ba (truyện ngắn)	51
HOÀNG ĐÔNG PHƯƠNG vòng tay học trò (truyện dài)	61
HỮU PHƯƠNG kiếp người (thơ)	73
NGUYỄN NGU Í còn nao mấy lòng (thơ)	74
TRÙNG DƯƠNG sao rụng (truyện dài)	75
SINH HOẠT triển lãm hội họa của sinh viên mỹ thuật — đệ nhất đại hội Văn nghệ của sinh viên Âm nhạc và Kịch nghệ Sài-Gòn — biến cố ngày 30-1-1964 (Nguyễn-Ngu-Í thuật)	89
	91

BÁCH-KHOA

những bài trong số tới

<i>Lịch-sử và Triết-lý Zen ở Việt-Nam</i>	ĐOÀN-VĂN-AN
<i>Rostow và Marx trong thuyết Tiến-Hóa xã hội</i>	ĐÀO QUANG HUY
<i>Nhiệm-sắc-thề và di-truyền tính</i>	VÕ QUANG YẾN
<i>Lược-khảo về tiểu-thuyết trinh-thám Anh</i>	NGUYỄN-TRẦN-HUÂN
<i>Giao điểm sinh-vật điện-tử</i>	CÔ LIÊU
<i>Đàn hỏa và Xá-Lợi</i>	NGUYỄN VĂN THƯ
<i>Đại-Học Huế với cuộc đấu tranh</i>	
<i>Phật giáo qua hai giờ phỏng vấn giáo sư Lê-Tuyên</i>	NGUYỄN-NGU-Í
<i>Một ngày của Ivan (Dịch A. Soljénit-syne)</i>	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
<i>Đi vào « Sốc »</i>	SƠN NAM
<i>Vì lá cờ Phật</i>	TÚY HỒNG
<i>Đám cưới (truyện ngắn)</i>	Y-UYÊN
<i>Những người chết chưa chôn (truyện ngắn)</i>	YÊN-HY-BA
<i>Một phần sáu mươi (truyện ngắn)</i>	LÊ-TÁT-ĐIỀU

Vì đâu có chủ-trương trung-lập hóa Việt-Nam ?

● NGUYỄN-HỮU-DUNG

(xin xem B.K. số 170)

Kế hoạch của Việt Cộng và
các giải pháp trung lập khác

NHU' đã trình bày trong số trước, Việt-Cộng đã thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam với hai mục đích, một là để thay thế « Ủy-Ban Đặc-Trách Miền Nam » đang chỉ huy trực tiếp mọi lực lượng Cộng-sản và liên hệ tại Nam-Việt, hai là để lừa dư luận quốc tế về nguồn gốc của chiến tranh du kích tại miền Nam. Để tổ chức và lãnh đạo Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, Việt-Cộng đã áp dụng những kỹ thuật được Cộng-sản quốc tế thí nghiệm nhiều rồi.

Trong cuốn sách « Chiến Tranh Nhân Dân, Bộ Đội Nhân Dân » Võ-Nguyên-Giáp đã giải thích như sau tác dụng của một « Mặt Trận Giải Phóng », và sự thành công của Việt-Cộng tại Bắc-Việt :

« Chiến Tranh giải phóng dân tộc Việt-Nam đã thắng lợi vì ta một « Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất » với những cơ sở rộng lớn và tiến bền chắc, tổ chức và lãnh đạo bởi Đảng của giai cấp thợ thuyền Đảng Cộng-sản Đông-Dương cũ và Đảng Lao-Động Việt-Nam bây giờ trung thành với các nguyên tắc Mác-Xít Lê-Ni-Lít, Đảng đã tìm được giải pháp đứng đắn cho các vấn đề tổ chức và lãnh đạo bộ đội nhân dân, chánh quyền nhân dân và Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất ».

Tất nhiên « Mặt Trận Quốc Gia » do Võ Nguyên-Giáp tán thưởng là một tổ chức của Đảng Cộng sản. Có lẽ cũng cần nhắc lại rằng hồi tháng 11 năm 1945, sau khi giải tán Đảng Cộng-Sản Đông-Dương và trước khi thành lập Đảng Lao-Động, tại những vùng do Việt-Cộng cai trị, chỉ có một tổ-chức chính thức do chính Hồ-Chí-Minh đứng tên lãnh đạo : Mặt Trận Liên Việt, tức là « Mặt Trận Quốc-Gia Thống Nhất » dưới một tên khác

và được tuyên truyền như là gồm mọi « người ái quốc chống thực dân Pháp, chống bè lũ phát xít », và không tùy thuộc Cộng-sản (theo lời giới thiệu của Cộng-sản.)

Khi đó, nhiều chính khách Âu-Châu đã coi Hồ-Chí-Minh như một lãnh tụ « quốc-gia », chứ không phải là một lãnh tụ Cộng-sản. Họ càng nhầm, Hồ-Chí-Minh càng khôn khéo. Hồ-Chí-Minh đã thành lập một Chánh-Phủ chỉ gồm có bốn Bộ-Trưởng Cộng-Sản, các Bộ-Trưởng khác đều là độc lập, hoặc thuộc Đảng Xã-Hội, Đảng Dân-Chủ, Đảng Thanh-Niên, Đảng Thanh-Niên Tiền-Phong... cả Đảng Xã-Hội Cấp Tiến!

Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, cũng theo đúng cách thức ấy, và Việt-Cộng đã sắp xếp để có đủ hình-thức giới thiệu Mặt Trận như là gồm đại diện của mọi khuynh hướng chính trị tôn giáo xã hội (sẽ xin nói sau về thành phần lãnh đạo của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.)

Mặt trận Giải Phóng Miền Nam đã thành lập trong kỳ Đại-Hội thứ III của Đảng Lao Động Bắc Việt nhóm họp tại Hà Nội từ ngày 5 tới ngày 10 tháng 9 năm 1960. Trong tờ trình đọc trước Đại-Hội, Lê-Duẩn đã nhân danh Tổng bí thư đảng Lao Động Bắc Việt, báo tin thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam như sau :

Để bảo đảm cho sự thắng lợi hoàn toàn của phong trào cách mạng tại miền Nam, nhân dân miền Nam, dưới sự lãnh đạo của đảng Mác-Xít Lê-Ni-Lít và giai cấp công nhân, phải hành lập một mặt trận gồm công nhân, nông dân và

quân nhân. Mặt trận ấy phải tập hợp tất cả các đảng chính trị và các tổ chức tôn giáo đấu tranh chống bọn Mỹ-Diệm. Mặt trận ấy có mục đích chính lật đổ chế độ Ngô-Đình-Diệm, hủy bỏ Hiến Pháp hiện tại, *Hướng chính sách ngoại giao của miền Nam theo đường lối Trung-Lập*, và thiết lập quan hệ bình thường giữa hai miền, tức là bước đầu để Thống Nhất Hòa Bình...

Theo Lê Duẩn, *Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam là tiền ảnh của Chính Phủ Lâm Thời tương lai của miền Nam*, có phận sự thiết lập « hòa bình, độc lập và thống nhất ». Tờ trình của Lê Duẩn cho ta nhận thấy :

1°) Cũng như Mặt Trận Nhân Dân Giải Phóng trước tháng 8 năm 1945, cũng như Mặt Trận Liên Việt từ cuối năm 1945, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam chỉ là một « Phong Trào Cách-Mạng » (danh từ Cộng sản), do Đảng Cộng-Sản Bắc Việt thiết lập và trực tiếp lãnh đạo.

2°) Đảng Cộng Sản Bắc-Việt muốn rằng Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam phải tập hợp tất cả các tổ chức chính trị và tôn giáo chống bọn Mỹ-Diệm. Nói một cách khác, Đảng Cộng Sản Bắc-Việt chỉ thị cho Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam phải lợi dụng phong trào công nhân của nhân dân miền Nam đối với chính sách độc tài gia đình của ông Diệm, đang thu hút được càng nhiều đoàn thể càng hay. Mục đích của Việt-Cộng là để che đậy căn bản cộng sản của M. T. G. P. M. N.

3°) Chương trình của Mặt Trận không có gì quá khích, không có những ngôn ngữ hung hãn, không đòi « thống

nhất (tức khác), không đã động tới sự thành lập một chế độ « dân chủ nhân dân » tại Nam Việt. Dụng tâm của Cộng Sản là để đánh lừa các quan sát viên ngoại quốc và ký giả Âu Châu, để huyền hoặc những người chống đối Ngô-Đình-Diệm không ngần ngại liên lạc với M. T. G. P. M. N.

Tại Genève, tại Pháp, tại khắp nơi trừ tại Trung Ương Đảng Bộ Đảng Lao Động, « bọn Mặt Trận » đều tuyên bố rằng sau khi họ thắng lợi, chế độ miền Nam sẽ không phải là một chế độ « cộng hòa dân chủ », mà là một chế độ do nhân dân tự do lựa chọn. Đối với những người đã biết rồi thì cách tuyên truyền như thế không có gì tinh vi, nhưng một số chính khách Âu Châu nghe lọt tai.

4) Từ năm 1960, Việt-Cộng được Trung Cộng và Liên-Xô ủng hộ, vẫn đòi thiết lập một vùng « phi quân sự » gồm Ai-Lao, Căm-Bốt và Nam-Việt. Tờ trình của Lê Duẩn, coi như một cương lĩnh cho Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, không đã động gì tới yêu sách ấy, chỉ nói tới *Đường lối trung lập*. Bốn chữ này đã đập vào nhận xét của các quan sát viên ngoại quốc. Họ đặt câu hỏi: « Tại sao Việt-Nam lại không thể có một chế độ trung lập như Áo-Quốc và Phần-Lan ? » (khu đó chưa có giải pháp trung lập kiểu Ai-Lao). Ý-niệm « trung lập hóa Nam - Việt » đã lớn vồn từ hồi ấy; các chính khách Âu-Châu nghĩ nhiều tới Áo-Quốc, họ ít nghĩ tới Căm Bốt vì lẽ nền trung lập Căm-Bốt chẳng có bảo đảm gì hết. Hiện giờ khi nói tới trung lập hóa miền Nam, Tướng De Gaulle cũng liên tưởng tới kiểu mẫu Áo-Quốc.

Như vậy, Đảng Công-Sản Bắc-Việt đã quyết định thành lập Mặt Trận Giải-Phóng Miền Nam từ tháng 9 năm 1960. Mai tới ngày 20 tháng 12 năm 1960 báo chí Việt-Cộng mới loan báo. Tháng 2 năm 1961 báo chí Việt-Cộng tuần tự đăng tải một « Bản Tuyên Ngôn của Mặt Trận Giải - Phóng Miền Nam do một Hàng Thông-Tấn của Mặt Trận phổ biến ». (Báo chí Việt-Cộng loan tin rằng Hàng Thông Tấn này có trụ sở trong một « vùng đã giải phóng ở miền Nam »; sự thực chỉ là một phòng của Thông-Tấn-Xã Việt-Cộng đặt trụ sở tại Hà-Nội).

Đại cương, Bản Tuyên Ngôn của M. T. G. P. M. N. nhắc lại các ý chính trong tờ trình của Lê Duẩn, và kêu gọi « phụ nữ, thanh niên, các đoàn thể tôn giáo, nông dân công nhân, quân nhân, không phân biệt khuynh hướng chính trị » gia nhập cuộc đấu tranh « chống chính phủ Saigon ».

Trong một tài liệu mật, Việt-Cộng chỉ thị cho các cán bộ cộng sản cao cấp tại miền Nam phải thu hút vào Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam tất cả các « phần tử ái quốc, kể cả thanh niên, thiếu nữ, sinh viên, trí thức, trưởng giả, thành thị và nông gia giàu có, mặc dầu họ là những phần tử không tin cậy được ».

Để tránh sự ngộ nhận của đảng viên cộng sản, tài liệu ấy viết tiếp: « Trong tình trạng hiện tại ở miền Nam, Trung Ương Đảng Bộ chủ trương cho các phần tử này gia nhập Mặt Trận, không phải là Đảng phân biệt cách mạng và chính sách tranh đấu giai cấp, cũng không phải vì Đảng nghĩ rằng có thể giao cho họ những trách nhiệm quan trọng trong công cuộc giải phóng miền

Nam, mà chỉ là muốn lợi dụng uy tín và khả năng của họ để thúc đẩy cách mạng và tăng uy tín cho Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Chủ trương hiện tại chỉ là tạm thời. Sau khi cách mạng thành công tại miền Nam, chủ trương hiện tại sẽ được thay đổi, *Đảng sẽ công khai lãnh đạo miền Nam* ».

Không còn nghi ngờ gì nữa : nếu Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam thắng lợi thì miền Nam sẽ do Đảng Cộng-Sản Bắc-Việt công khai cai trị.

Trường Chinh đã viết trong số báo « Học Tập » tháng 4 năm 1961 : « Mục đích của cuộc đấu tranh là lật đổ chính phủ miền Nam bằng Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, rồi thay Mặt Trận này bằng một « chính phủ dân chủ ».

Tháng 1 năm 1962, Việt-Cộng thành lập tại Nam-Việt một đảng bí mật lấy tên là « Đảng Nhân Dân Cách Mạng », tức là đảng Cộng Sản Nam Việt hay nói đúng hơn là Phân Bộ Miền Nam của Đảng Lao-Động. Trong bản tuyên ngôn, đảng này tuyên bố : « tập hợp nông dân và công nhân tại Nam-Việt và xác nhận liên hệ với Đảng Cộng-sản Đông-Dương cũ và Đảng Lao-Động Việt-Nam ».

Nhật-Báo « Nhân Dân », số đề ngày 4 tháng 4 năm 1962 viết : « Đảng Nhân Dân Cách Mạng là lực lượng xung phong ở tiền tuyến trong cuộc đấu tranh hiện tại (ở Nam-Việt) ». Cũng đúng như tại Bắc-Việt năm 1951, Đảng Lao Động Bắc-Việt đã tuyên bố là « chủ lực » của Mặt Trận Liên-Việt, năm 1962 đảng Nhân Dân Cách Mạng tại miền Nam tự giới thiệu là « lực

lượng chính yếu trong cuộc đấu tranh chính trị và quân sự chống chế độ Saigon ».

Tuyên Ngôn của đảng Nhân Dân Cách Mạng (C. S. Nam-Việt) hoàn toàn đúng với chiến lược cổ điển của Cộng-sản. Khi nào Cộng-sản thấy rằng sắp tới ngày chuyển sang giai đoạn hoạt động công khai và đấu tranh cướp chính quyền, họ phải hạ tầm quan trọng của các « mặt trận nhân dân » xuống, họ phải làm nổi lên giá trị của đảng Cộng-sản (dưới những tên khác nhau, như đảng Nhân Dân Cách Mạng Nam Việt).

Tới khi Cộng-sản thực sự cướp được chính quyền thì các « mặt trận nhân dân » không còn quyền hành gì nữa, vì không ích lợi gì nữa : các cán bộ nòng cốt của Cộng Sản vẫn có địa vị của họ trong đảng Cộng Sản, các người « liên hệ » (liên hiệp hay liên lạc với Cộng Sản) hoặc tan rã hoặc phải xung vào những đoàn thể vòng ngoài. Cũng có khi « Mặt Trận Nhân Dân » đổi tên, thí dụ như tại Bắc-Việt, Mặt Trận Liên-Việt đã đổi tên thành Mặt Trận Tổ-Quốc, thí dụ như tại Trung Cộng Mặt Trận Dân Chủ Nhân Dân Thống Nhất đã đổi tên thành Hội Tư-Vấn Chính Trị Nhân-Dân.

Tổ chức của Mặt Trận Giải-Phóng Miền Nam

Các tài liệu tóm tắt ở trên chứng minh rằng Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam do Việt-Cộng tổ chức và lãnh đạo có mục đích lật đổ « chính phủ Saigon » dựng tiền tới một « chính sách ngo

giao trung lập» (politique étrangère *neutraliste*) tại Nam-Việt, chính sách này cũng chỉ là một mục đích giai đoạn nhằm « vô hiệu hóa » (*neutraliser*) các lực lượng không Công-sản.

Sau khi Việt-cộng thành lập Đảng Nhân-Dân Cách Mạng (Đảng Cộng Sản Nam-Việt), Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đã triệu tập Đại Hội thứ I từ ngày 18 tháng 2 tới ngày 3 tháng 3 năm 1962. Họ tuyên bố nhóm họp tại « một vùng đã giải phóng », sự thực họ nhóm ở Hà-Nội. Từ tháng hai năm 1962, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đã « thiết lập » một Đài Phát Thanh của họ cũng đặt tại Hà-Nội. Đài này đã quảng cáo rất nhiều cho Đại-Hội thứ nhất của mặt trận. Những tin tức do đài này loan đi và những tài liệu do báo chí Hà-Nội đăng tải cho ta biết rằng Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam gồm những đoàn thể sau đây :

— Đảng Nhân Dân Cách Mạng (Phân Bộ Miền Nam của Đảng Lao-Động Bắc-Việt) ; — Đảng Xã - Hội Cấp-Tiến (theo Việt-Cộng, Đảng này gồm kỹ-nghệ-gia và thương gia) ; — Đảng Dân-Chủ, (theo V.C., gồm giáo sư và trí thức) ; — Đảng Nông-Dân Cách-Mạng (theo V.C., gồm nông dân và thợ thuyền) ; — Liên-Đoàn Sinh-Viên Giải Phóng ; — Liên-Đoàn Phụ-Nữ Giải Phóng ; — Liên-Đoàn Công Nhân Giải Phóng ; Liên-Đoàn Nông-Dân Giải Phóng ; — Liên Đoàn Thanh Niên Giải Phóng ; — Đoàn Thanh-Niên Nhân Dân Cách-Mạng ; Hội Ái Hữu Ký-giả Ái-quốc và Dân-chủ ; Hội Ái-Hữu Văn-ngệ-sĩ Giải Phóng ; Hội Ái-Hữu người Việt gốc Hoa ;

Uy-Ban Á-Phi Nam-Việt ; — Ủy-Ban Bảo-Vệ Hòa-Bình Thế Giới Miền-Nam : — Ủy Ban Bảo Vệ Hòa-Bình Thế Giới vùng Saigon-Chợ-Lớn.

Vì lẽ các « nhân vật » mà Việt-Cộng đọc tên lên thấy ở nhiều đoàn thể khác nhau, nên ta có thể khách quan kết luận rằng không làm gì có nhiều đoàn thể như vậy, chẳng qua chỉ là Việt-Cộng kê khai bừa đi để cho « xôm trò » và đánh lừa dư luận.

Sau khi bế mạc Đại Hội thứ I, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam có công bố một chương trình chính trị. Chương trình này hoàn toàn phù hợp với tờ trình Lê-Duẩn đã nhắc tới ở phần trên, và nhấn mạnh vào tính cách « dân chủ » của Mặt Trận (hướng theo mục đích mà V.C. ấn định cho M.T.G.P.M.N. : huyền hoặc quan sát viên ngoại quốc, và tránh sự nghi ngờ của những người chống đối Dệm để dễ « móc nối »). Những mục đích trong chương trình chính trị của Mặt Trận là :

- 1^o) Trả tự do cho tất cả tù nhân chính trị ;
- 2^o) Bảo vệ tự do hoạt động cho mọi đoàn thể và « tổ chức nhân dân » ;
- 3^o) Bảo đảm tự do tư tưởng và tự do báo chí ;
- 4^o) Hủy bỏ Hiên Pháp 1956 ở Nam Việt và giải tán Quốc-Hội bù nhia ;
- 5^o) Tổ chức đầu phiếu để tuyển cử một Hội-Đồng có nhiệm vụ nghiên cứu ấn định chế độ tương lai ;
- 6^o) Chấn dứt « độc quyền của Mỹ về thương mại », nhận viện trợ kinh-tế và kỹ thuật của mọi quốc gia ;

70) Rút kinh nghiệm văn hóa của mọi dân tộc không phân biệt chế độ chính trị;

80) Thực hiện một chính sách Trung Lập, thiết lập các liên lạc Ngoại Giao theo tinh thần các nguyên tắc Bandung và tôn trọng mọi Liên Minh Quân Sự với bất cứ nước nào;

90) Tiến tới Thống Nhất hòa bình.

Để thực hiện chương trình ấy, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam chủ trương « Liên Hiệp tất cả dân ông và dân bà thuộc mọi tầng lớp và giai cấp xã hội, mọi quốc tịch, mọi đảng chính trị, mọi tổ chức nhân dân, mọi giáo phái, tóm tắt mọi người ái quốc ở miền Nam, miễn là họ chống lại đế quốc Mỹ và tay sai ».

Cũng như tờ trình của Lê - Duẩn, chương trình của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam « có vẻ » ôn hòa, không dung ngôn ngữ quá khích, với mục đích đánh lừa dư luận quốc tế và tại Nam-Việt. Đối với một số ký giả và chính khách ngoại quốc, Việt-Cộng đã đạt được mục đích.

Đại Hội thứ I của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam cũng đã « bầu » một Ban Trung - Ương gồm 52 người, nhưng họ không tuyên bố tên tuổi của cả 52 người có lẽ vì có những đảng viên Cộng-sản họ còn cần giấu tên. Trong những tên họ đã công bố tại Đại Phát Thanh của họ có:

Chủ tịch: Nguyễn-Hữu-Thọ, luật-sư, nguyên phó chủ tịch Ủy-Ban Bảo Vệ Hòa-Bình Thế Giới vùng Saigon-Chợ Lớn;

Phó chủ-tịch: Võ-Chí-Công, Đảng

Nhân Dân Cách Mạng (Cộng-sản miền Nam);

Phùng-Văn-Cung, Chủ tịch Ủy-Ban Bảo-Vệ Hòa-Bình Thế-Giới miền Nam;

Huỳnh Tấn-Phát, Tổng thư ký Đảng Dân-Chủ; Sơn-Vong, lãnh tụ Phật-Giáo Khmer; I Bih A Le O, tín đồ Tin lành.

Tổng Thư-ký: Nguyễn-Văn-Hiếu, Tổng Thư-ký Đảng Xã-Hội Cấp Tiến, Tổng Thư-ký Ủy-Ban Bảo-Vệ Hòa-Bình Thế-Giới Miền Nam, Phó Chủ-Tịch Hội Ái Hữu Ký-Giả Ái-quốc và Dân-Chủ.

Ủy-viên: Trần-Hữu-Trang, Văn-sĩ, Joseph - Marie Hồ - Hữu - Ba, Thiên-Chúa Giáo, Thích-Thiện-Hào Thượng Tọa Phật-Giáo, Nguyễn-Văn-Ngôi, Cao-Đài, Nguyễn-Ngọc-Thông Giáo-Sư.

Đây là những tên do Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam công bố, không rõ thực hư. Trong những tên ấy có những người như Nguyễn-Hữu-Thọ, Võ-Chí-Công, Nguyễn - Văn - Hiếu, là những

đảng viên cộng sản thâm niên, khoác một danh hiệu khác để lãnh đạo Mặt Trận. Theo Hội Nghiên Cứu Chính Trị tại Paris, trong số những người thực sự lãnh đạo M.T.G.P.M.N. nhưng không công bố tên, ít ra có 4 người thuộc Trung-Ương: Đảng Bộ Đảng Lao-Động Bắc-Việt.

Như vậy là Việt-Cộng vẫn giữ bí mật những đảng viên nòng cốt có trách nhiệm quan trọng, những tên được công bố chỉ là những người đã lộ tích rồi. Tổ chức của M.T.G.P.M.N. tại các cấp dưới cũng theo nguyên tắc

giữ bí mật cho các đảng viên cộng sản.

Các tổ chức Khu, Tỉnh, Quận, Xã, đều gồm một Ban Thường Vụ và một Ủy-Ban Mặt Trận Giải Phóng. Ban Thường Vụ do cán bộ nòng cốt trong Đảng Nhân-Dân Cách-Mạng (C.S. Nam-Việt) lãnh đạo bí mật, và gồm các Ban Chính Trị, Quân Sự, Dịch-Vận, Dân-Vận, Kinh-Tài, Giao-Liên, Tuyên-Vấn-Giáo v.v..., ban nào cũng có nhiệm vụ tình báo. Ủy-Ban Mặt Trận Giải Phóng là tổ chức « nổi » để lôi kéo nhân dân dưới danh nghĩa : Nông dân Giải Phóng, Thanh-Niên Giải-Phóng... đủ loại kể cả Thiếu-Nhi Giải Phóng.

Ủy-Ban Mặt Trận Giải Phóng có phận sự gây căm thù và động viên nhân dân, lựa chọn người cho các Ban trong Ban Thường Vụ. Nói về quân sự, Việt-Cộng dùng những người do Ủy-Ban Mặt Trận « móc nối » được, trong các đoàn Du-Kích Tự-Vệ. Sau một thời gian các du-kích tự-vệ có thể vào Địa-Phương-Q.ân. Hai tổ-này (Du-Kích Tự-Vệ và Địa-Phương Quân) tương tự như nhau tuy nhiệm vụ có khác nhau, đều « thoát ly gia đình », chỉ được võ trang thô sơ, chỉ hoạt động ở các địa phương họ sinh trưởng tới cấp quận là cùng. Việt-Cộng lựa chọn những người « tích cực » để huấn luyện thêm chính trị và chuyên môn, rồi thu hút vào các tổ chức chính quy gọi là Chủ-Lực-Quân hay Lực-Lượng Cơ-Động, được võ trang đầy đủ và hoạt động trên cương vị Khu và Tỉnh.

Tóm tắt, thành phần cốt cán được giữ tuyệt đối bí mật, chỉ có Ủy-Ban

Giải Phóng là trực tiếp với nhân dân, một mặt vẫn đánh lừa được dư luận rằng Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam là một « tổ chức nhân dân », một mặt vẫn làm được phận sự thi hành các mệnh lệnh của Ban Thường Vụ. ban này do một hay nhiều đảng viên cộng sản thực sự lãnh đạo.

Giải pháp Trung lập kiểu Cộng-Sản

Những tài liệu đã trình bày ở trên cho ta thấy rõ 4 điểm sau đây :

1) Theo chiến lược của Cộng-Sản Quốc-Tế, « chính sách trung lập » chỉ là một hình thức đấu tranh giai đoạn : Tình trạng trung lập (neutralité) là mục đích cuối cùng của một giai đoạn đấu tranh nhằm vô hiệu hóa (neutraliser) các địch thủ, và là điểm xuất phát của chiến thuật kế tiếp gọi là chiến thuật Rakosi nhằm loại trừ (liquider) tất cả các lực lượng không theo Cộng sản để Cộng sản nắm chính quyền một mình tại một quốc gia. (Chiến thuật « ngựa thành Troie » đã do Dimitroff nghiên cứu từ năm 1935. Sau kinh nghiệm Hung-Gia-Lợi, chiến thuật này đã được sửa đổi tinh vi và gọi là chiến thuật Rakosi hay Salami — xin xem Bách-Khoa số 160 đề ngày 1-9-1963)

2) Tại Nam-Việt, Việt-Cộng đã thực hiện được 2 giai đoạn đầu trong chiến thuật trung lập hóa miền Nam : lũng đoạn và gây chiến tranh. Để tiến tới giai đoạn 3 (trung lập) và chuyển sang chiến thuật Rakosi, Việt-Cộng đã thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

3) Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam

do Việt-Cộng lãnh đạo từ cấp Trung-Ương tới cấp xã. Việt-Cộng đã chỉ « liên hiệp » với những người không cộng-sản để lợi dụng uy tín của họ đang đánh lừa dư luận quốc tế và « móc nối » với những người bất mãn với chế độ Diệm (khi Mặt Trận thành hình, còn chế độ Diệm). Trên thực tế, Cộng-Sản nắm mọi quyền hành trong M. T. G. P. M. N. và không giao các nhiệm vụ quan trọng cho những người ngoài Đảng Cộng-Sản. Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam theo đúng mệnh lệnh của Đảng Lao Động Bắc-Việt và đòi thiết lập một chế độ trung lập tại miền Nam.

4.) Mặt Trận Giải - Phóng Miền Nam đã được tổ chức để các cường quốc phải nhận rằng Mặt-Trận ấy là « người đối thoại có giá trị » trong một cuộc điều đình nhằm chấm dứt chiến tranh tại miền Nam.

Như vậy, nếu ta chấp thuận dự một Hội Nghị Quốc Tế về Việt-Nam, nhất định các quốc gia cộng sản sẽ đòi sự tham dự của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (cũng như năm 1953-1954 đòi phải công nhận Pathet-Lào, chỉ khác ở chỗ khi ấy không ai biết Pathet-

Lào là cái gì còn bây giờ thì M.T.G. P.M.N. đã có một tên quen thuộc.) Hội-Nghị chỉ có thể có một trong hai kết quả sau đây. Một là thất bại, không đưa tới một giải pháp hòa bình nào và chiến tranh sẽ ác liệt hơn ; nhận điều đình với Việt-Cộng để đi tới một tình trạng xấu hơn, là một điều không nên. Hai là ta chịu trung lập theo chủ trương của Việt-Cộng, thì Việt-Cộng sẽ áp dụng chiến thuật Rakosi để loại trừ mọi phần tử không cộng sản rồi thống trị Nam-Việt Không thể có một giải pháp dung hòa thứ ba, vì lẽ Việt-Cộng không chịu : theo ngôn ngữ cộng sản, « Điều-Đình » có nghĩa là gặp gỡ địch để yêu sách địch phải nhận những điều kiện mà Cộng sản đã định trước rồi, chứ không phải là cùng tìm một giải pháp trung dung, mỗi bên nhượng bộ bên kia một chút để dung hòa quan điểm.

Vì các lẽ trên, từ chối điều đình với Việt-Cộng, từ chối một giải pháp trung lập, là một lẽ phải, hơn thế một bó buộc.

NGUYỄN HỮU-DUNG

(Kỳ tới : Các giải-pháp trung lập khác)

TÌM ĐỌC

MÙA XUÂN TRÊN ĐỈNH NON CAO

của VŨ HẠNH

Bìa của THÁI TUẦN

Minh họa của PHẠM TĂNG

NHÀ CỎ THƠM ấn hành

TRÀ

lược sử và ý nghĩa

(xin xem B.K. số 170)

Ý NGHĨA CỦA TRÀ

Từ đời Hán đến nay, trà đã có trên dưới 2.000 năm lịch sử. Quá trình lịch sử dài đằng dặc ấy có thể chia làm 5 giai đoạn.

Trong giai đoạn sơ khởi, cách uống trà rất thô-sơ : theo như Quách-Bác mô tả khoảng năm 350 sau T.C., người ta nấu những lá trà tươi trong một cái ấm. Trong giai đoạn thứ hai, công việc nấu trà trở nên phức tạp. Người ta giã trà trong cối, làm thành những bánh trà rồi cho vào nước nấu chung với muối, gạo gừng, vỏ cam, vỏ quýt, hành, sữa. Lối uống này hiện còn thấy ở Tây Tạng và Mông-Cổ. Nước trà rót ra là một thứ si-rô (1) kỳ dị. Phải đợi đến đời Đường, trà mới dung hòa được hai trạng thái cực-đoạn trên. Đó là giai đoạn thứ ba, giai đoạn của trà nấu

mà Lục Vũ đã mô tả tỷ mỷ trong Trà-kinh. Gạo, gừng, hành, sữa, vỏ quýt đều bị loại. Chỉ riêng muối được giữ lại để làm cho vị trà thêm đậm đà. Sang đời Tống đến lượt muối cũng bị loại trừ. Trà bắt đầu được dùng nguyên chất, không pha gia vị. Nhưng người ta không nấu trà như trước nữa, mà nghiền trà thành bột trong cối đá, lúc uống đem bột trà hòa với nước sôi và quấy cho đều bằng một thanh tre. Đó là giai đoạn thứ tư, giai đoạn của trà bột. Các sư tăng Thiền Tông Phật giáo thời đó lập ra cả một nghi lễ uống trà. Trước tượng đức Bồ Đề Đạt Ma, họ uống trà trong một cái bát duy nhất với tất cả hình thức tôn nghiêm của một cuộc cầu nguyện. Nhưng cuộc xâm lăng của Mông-Cổ

(1) Sirop : nước mật, nước đường.

về thế kỷ XIII đã tàn phá văn-hóa Đường — Tống mà lập nên triều Nguyên (1279-1368). Nhà Minh sau khi diệt được nhà Nguyên muốn phục hồi những truyền thống văn hóa cũ nhưng nội loạn quá nhiều nên công việc đang dở. Đến thế kỷ 17 Trung quốc lại bị ngoại xâm vì nhà Thanh là đồng giống Mãn-Châu. Phong tục tập quán của Hán tộc vì vậy biến đổi rất nhiều. Trà bột bị quên hẳn. Một nhà văn đời Minh thú thật không sao biết được hình thù của thanh tre đời Tống dùng để quấy trà bột. Từ đời Minh (1368-1660) người ta pha trà bằng cách ngâm trà trong nước sôi. Đây là giai đoạn sau trót : giai đoạn của trà ngâm.

Nhìn cách pha trà của người Tây Phương, chúng ta thấy ngay rằng họ chỉ biết uống trà kể từ đời Minh. Ngày nay trà ngâm đã trở nên thông dụng khắp thế giới. Trà bột chỉ còn tồn tại ở Nhật Bản. Sở dĩ có tình trạng đặc biệt này là vì, như đã nói ở trên, ở Nhật từ thế kỷ XII Thiền Tông Phật giáo phát triển rất nhanh cùng với nghi lễ uống trà đời Tống. Người Nhật lại không bị Mông Cổ xâm lăng. Nhờ vậy đến thế kỷ XV trà đặc thành lập và duy trì được một truyền thống của Hán tộc đã biến hẳn trên lục địa Trung Hoa. Mặc dầu đối với đại chúng Nhật Bản hiện nay trà ngâm bầu như đã thay thế trà bột, nhưng trà bột vẫn được coi là ngon hơn và quý hơn.

Việt Nam chúng ta tuy cũng chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc nhiều như Nhật Bản, tuy cũng không bị nhà Nguyên thống trị như Nhật Bản, và về đời Lý Trần, Thiền Tông

Phật giáo cũng phát triển rất mạnh, thế mà chúng ta lại không biết trà bột. Phải chăng cuộc chiến tranh Lý Tống đã kích thích tinh thần dân tộc đến độ chúng ta nhất thiết không muốn bắt chước nghi thức pha trà của Tống triều ? Hay là chúng ta cũng đã du nhập trà bột như Nhật Bản, nhưng trong mười năm nội thuộc nhà Minh, sự căm hờn đối với kẻ thống trị tàn ác đã khiến chúng ta đoạn tuyệt với cách pha trà mới này, để rồi sau khi Lê Lợi đánh lại độc lập và tự do cho đất nước, nền bang giao Việt Hoa được tái lập, thì ngay ở Trung Quốc trà bột cũng không còn dấu vết, làm sao chúng ta có thể phục hồi được ? Điểm này là một nghi vấn mà vì thiếu tài liệu tham cứu nên chúng tôi chưa giải quyết được, rất mong các vị độc giả cao minh chỉ giáo cho.

Giờ đây nhìn lại lịch sử của trà, chúng ta không khỏi ngạc nhiên và kính phục trước cái khả năng kỳ-diệu của tinh thần con người đã lý tưởng hóa sự việc uống trà là một sự việc thuần túy vật chất. Một nhà văn Nhật-Bản, ông Okakura-Kakuzo trong cuốn « Trà Thư » (1) so sánh sự diễn tiến của văn học và gọi trà nấu đời Đường là trường phái cổ-diễn, giai đoạn trà bột đời Tống là trường phái lãng mạn và giai đoạn trà ngâm sau này là trường phái tự nhiên. Thật vậy mỗi giai đoạn trà phát biểu những cảm xúc riêng của từng thời đại. Mỗi trường phái trà là phản ảnh của một lý tưởng khác biệt.

(1) Le Livre du Thé, nhà xuất bản Payot.

Nhưng dù ở giai đoạn nào, dù thuộc trường phái nào, uống trà cũng được coi là một nghệ thuật. Vì là một nghệ thuật nên từ các vật liệu phụ thuộc đến phương pháp thực hiện đều được lựa chọn cẩn thận, qui định tỷ mỉ và bỏ tức không ngừng. Đối với các cụ ta ngày xưa chẳng hạn, nước dùng để pha trà ngon nhất là ngà ba sông cái lấy về đựng vào chum bằng đất nung rồi đánh phèn, thứ đến nước giếng các chùa, thứ nữa đến nước giếng nhà lâu năm, sau cùng mới tới nước mưa. Đun nước pha trà phải dùng củ luồng hoặc tre, hoặc xoan cỡ nhỏ, tối kỵ những thứ củ đến từ những nơi không sạch sẽ như củ cọe chuồng heo. Các cụ cũng không dùng than và rơm vì cho rằng đun bằng hai thứ này trà mất hương thơm. Đã lựa được nước và củ rồi, còn phải canh chừng trong khi đun. Nước sôi non pha trà sẽ không ngấm. Nước sôi già quá sẽ nồng, làm mất hương trà. Nước sôi đúng độ là lúc bọt nổi lên như mắt cua hay đầu tôm. Khi pha trà, trước hết phải tráng ấm chén bằng nước sôi, bỏ trà vào ấm cho vừa phải, không nhiều không ít, rồi rót nước sôi vào ấm. Sau đó đặt ấm trên một cái đĩa, đổ nước sôi đến lưng chừng đĩa để hơi nóng ở ngoài thúc vào trong ấm giữ cho nước trà lâu nguội và bền hương. Khi chuyên trà ra chén tổng, trong ấm có ba phần nước chỉ rót ra hai phần còn một phần để làm nước cốt, như thế thì đến nước cuối trà vẫn ngon và đậm.

So sánh với rượu và thuốc phiện, phép uống trà được qui định như sau:

« Tưu tứ, Trà tam, Nha phiến nhị » nghĩa là uống rượu chỉ nên uống bốn ly, uống nhiều hơn sợ say thành ra sàm sỡ; uống trà chỉ nên uống đến nước thứ ba, nước thứ tư trở đi không còn hương vị; thuốc phiện thì hút sáu nhĩ bao mới thật là ngon.

Nhưng cũng như các nghệ thuật khác, nghệ thuật uống trà không phải chỉ xây dựng trên một số hình thức, mà còn có một nội dung một ý nghĩa. Nội dung ấy, ý nghĩa ấy là lòng yêu chuộng cái Đẹp giữa cuộc đời đầy rẫy những sự xấu xa. Chén trà là bóng cây rợp mát trong cuộc đời sa mạc. Một thi sĩ đời Tống bảo: « Ở đời có ba điều đáng tiếc: một là tuổi thanh xuân rực rỡ mà bị giáo dục xấu làm hư hỏng đi; hai là tranh đẹp mà bị phường tục tử nhìn ngắm; ba là trà ngon mà bị người không biết pha làm phao phía. Uống trà là một khoa học vệ sinh vì nó buộc chúng ta phải sửa soạn, phải sạch sẽ trong những động tác nhỏ nhặt nhất. Uống trà là một khoa học kinh tế vì nó chứng minh rằng hạnh phúc không ở trong sự phức tạp, hoang phí mà ở trong sự giản dị. Trà cũng tiêu biểu cho tinh thần dân chủ và bình đẳng thực sự của Đông-Phương, một phần bởi vì nhờ nó bất cứ người nào cũng có thể trở nên quý phái về phương diện thẩm mỹ, phần khác bởi vì uống trà phải tự tay mình pha lấy mới là người biết thưởng thức, không cần người hầu kẻ hạ như khi uống rượu. « Trà nô, tưu tướng » chính là nghĩa đó.

Nhưng bên trên tất cả những ý nghĩa vừa kể, trà còn bao hàm một quan niệm triết lý tổng hợp Nho-Phật-Lão. Trà

bắt đầu được lý-tưởng-hóa từ đời Đường, đúng lúc ba luồng tư tưởng Nho Phật Lão đang tìm cách tổng hợp với nhau. Chủ trương « thiên địa vạn vật đồng nhất thể » được đề cao, đem phản chiếu cái phổ quát trong cái cá biệt. Lục-Vũ mở đường cho các nghệ sĩ đời Đường đã nhìn thấy ở bộ đồ trà cái trật tự thiên nhiên, cái điệu thái hòa của vạn vật. Đến đời Tống, cả một lễ nghi được đặt ra để uống trà mà ngày nay còn lưu hành với trà đạo của Nhật-Bản. Lễ nghi ấy không phải là một sự cầu kỳ vô nghĩa, làm mất thì giờ, như người Tây-Phương có thể hiểu lầm. Nó là kết-quả của triết lý Thiền. Các nhà khảo-cứu về văn hóa Trung-Hoa đều đồng ý rằng Thiền - Tông Phật - Giáo chịu ảnh hưởng sâu đậm của Lão-giáo, mà Thiền-Tông Phật-Giáo lại là một trong những nguồn gốc chính của tư-tưởng Tống Nho. Triết lý Thiền nhấn mạnh đến tính cách tương đối của vạn vật. Không có sự khác biệt giữa cái lớn và cái nhỏ. « Nhỏ không trong mà lớn cũng không ngoài ». Một hạt nguyên-tử bao hàm những khả năng hùng mạnh không kém gì toàn thể vũ trụ. Những biến cố tầm thường nhất của cuộc sống cũng có một tầm quan trọng mà chúng ta không thể ngờ được. Chén trà tuy nhỏ nhưng vũ trụ không ra ngoài nó. Sự pha trà tuy là một hành vi tầm thường, nhưng đáng được thực hiện với tất cả sự cẩn trọng, sự toàn hảo mà chúng ta thường chỉ dành cho những hành vi quyết định cả cuộc đời chúng ta. Những người không nhận biết cái nhỏ bé trong cái vĩ đại khó lòng nhận biết được cái vĩ đại trong cái nhỏ bé. Nghi lễ uống trà là đi tìm cái vĩ đại

trong cái nhỏ bé nhờ đó mà thấy được cái nhỏ bé trong cái vĩ đại.

Tinh thần nghệ thuật và ý nghĩa triết lý Thiền trong trà đạo được biểu dương rõ rệt qua hai câu thơ của thiền sư Viên-Chiếu (999-1091) mà chúng tôi đã dẫn ở trên. Có người hỏi thiền sư : « Thanh thanh thúy trúc tận Chân như. Như hà chân như dụng ? » nghĩa là : Xanh xanh ngọn trúc thấy Chân như. Dùng Chân như như thế nào ?

Ngài đáp :

« Tạng quán thiên lý viên

Tiểu hải nhất bình trà ».

Chân như là tuyệt đối, hoàn toàn vô tư tự nhiên nhi nhiên, phổ biến đại đồng. Tình bạn là tương đối, không hoàn toàn vô tư, không tự nhiên nhi nhiên và chỉ liên quan tới hai người chứ không phổ biến đại đồng. Nhưng đã biết tình bạn thì biết được Chân Như. Bởi vì có cái tương đối thì có cái tuyệt đối. Có cái không tự nhiên nhi nhiên thì có cái tự nhiên nhi nhiên. Có cái liên quan tới hai người thì có cái liên quan tới tất cả: nối những thứ đó với nhau là một tương quan biện chứng. Tình bạn lại là một cái gì thiêng liêng, qua tình bạn có thể thấy được chân lý là người bạn lý tưởng tượng trưng bởi hương trà thơm ngát khi ngồi đối ẩm. Hai câu thơ thực đã cực tả được cái tinh thần bằng hữu « đặc nhất tri kỷ tử nhi khả hỹ » của cổ nhân.

Hơn nữa trong đời Đường cũng như trong các đời Tống, Minh, Thanh ở Trung Hoa cũng như ở Việt-Nam và Nhật Bản, uống trà cốt ở sự tĩnh.

Các cụ ngày xưa không bao giờ uống trà quá bốn người. Tinh là danh từ của Nho Lão; Phật giáo gọi trạng thái ấy là thiền định. Tinh để « minh minh đức », để « vô vi »; thiền định để cầu « giác ngộ ». Vậy thì uống trà là một phương pháp tu thân, một phương pháp tự thể hiện, một con đường đưa tới chân lý. Cho nên trong hương trà thơm ngát có thể thấy được sự thận trọng tế nhị của Nho giáo, cái táo bạo của Lão giáo và mùi vị giải thoát của Phật giáo. Và đó là lý do chính khiến cho trà từ địa vị một phát minh của các sư tăng Phật giáo và sau được chấp nhận bởi toàn thể các nước Á-Đông chịu ảnh hưởng của ba nguồn tư tưởng Nho-Phật-Lão.

Khi chúng tôi viết đến những dòng cuối cùng này thì bên ngoài cốc đã nở vàng hiên chợ, báo hiệu xuân sang. Mùa xuân là mùa của sự sống mà tục uống trà cổ truyền của Á Đông lại là một nghệ thuật sống rất tế nhị, rất tinh vi. Dem truyện một nghệ thuật sống ra bàn trong buổi đầu mùa của sự sống, chúng tôi hy vọng làm cho độc giả quên lãng được phần nào những bom nguyên tử, bom khinh khí, phi đạn, hỏa tiễn v.v... là những chuyện về « nghệ thuật của sự chết » — như lời Okakura Kakuzo mà quanh năm chúng ta đã được nghe nói quá nhiều.

ĐỖ-TRỌNG-HUẾ

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2. Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Note service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de : 120.000.000 F.F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẮT-ĐẠM
135. Đại-lộ NGUYỄN-HUYỆ
(ex Charner)
Téléphones : 21.002 — 3 Lignes
22.797 — B.P.E. 1

PHNOM-PENH

Moha Vithei Preah Bat-Norodom
(ex Douart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 48
B.P. 492

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box no 763

La B. N. C. I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F. A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main Bureau de Représentation, en Afrique du Nord-Est, Syrie et Liban B.N.C.I. « A » ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba Bureau de Représentation BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN ; à Londres, Lagos, Adapa, Kono, Ebute Maita (Freetown) (Freetown) ; à Bahr Banque pour le Commerce International ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama Panama Trust Co., Inc.

VIỆT-NAM THAM-DỰ HỘI-NGHỊ QUỐC-TẾ

TRONG những năm qua, Việt-Nam đã tham dự rất nhiều hội-nghị, tại Âu Mỹ và Á-châu. Những ngân khoản lớn đã được sử dụng, và những nhân-viên, nhân sĩ, đã xuất dương, tham dự các hội nghị, chứng tỏ sự hiện-diện của Việt-Nam trên trường quốc-tế.

Đó là một sự-kiện rất hay. Nhưng ngược lại, ta cũng nên nêu vấn đề : sự kiện hay đó có khía-cạnh nào bất lợi chăng ? Và nếu có, ta có thể áp dụng những phương sách nào khả dĩ cải thiện tình trạng đó ?

Tình cờ giờ một trang sử cũ, chúng ta được biết trong năm 1957, Việt-Nam đã tham dự tới 67 hội nghị, và đã sử dụng những ngân khoản như sau, ước lượng bằng ngoại tệ và tiền Việt-Nam theo hối-xuất chánh-thức, (gồm : phí chuyên chở, phụ-khoản cấp vãng phản và tiếp tân . . .) :

65.105 ticaux	hay	110.678,50\$VN.
25.445 USA\$	:	890.505,00 :
71.955 Frs SW	:	582.835,50 :
1.550 DM	:	13.020,00 :
5.276 HK\$	:	32.183,60 :
756 LTS	:	75.600,00 :

Tổng-cộng : 1.704.822,60 \$VN

Tổng số chi về dân phí trong ngân sách cũng trong năm 1957 là 7.561.369.500 \$VN. Như vậy có nghĩa là nhu cầu quân sự để riêng một bên, ngân khoản dành để tham dự hội nghị quốc-tế chiếm một tỷ lệ rất cao.

Ngoài ra, cũng nên nhớ rằng ngân-khoản dân chiểu là không kể chi phí liên quan tới hai hội nghị quốc tế đã được tổ-chức tại Saigon :

- a) Hội-nghị kỳ thứ ba của Liên Minh các dân tộc Á-Đông chống Cộng, họp tại Tòa Đô-chính, và
- b) Hội-nghị Colombo họp tại Hội trường Diên-Hồng.

Các sở chỉ lớn như vậy được sung dụng, là nhằm những mục đích như sau :

— chứng tỏ Việt-Nam độc-lập, nâng cao uy-tín nước nhà,

— rút kinh-nghiệm về những vắn đề quốc tế,

— trao đổi tài liệu,

— tranh đấu dành quyền lợi quốc-gia...

Sứ mệnh các phái đoàn đại diện Việt-Nam tham dự Hội-nghị quốc-tế thật nặng nề nề nhĩ.

Tác giả những dòng này không dám có ý định và không nhằm mục đích đả kích. Quan niệm xe trước đi nghiêng, thì xe sau phải tránh : Chúng ta cần rút kinh-nghiệm về những sơ hở đã qua, hầu tránh những khuyết điểm cho những kỳ đi tới.

..

I. — Quá khứ : Những sơ-hở.

A. — *Vấn đề nhân sự*. — Tạp chí

« Réalités » xuất bản tại Paris có lần viết như sau : « Nếu chúng ta là Nga hay Mỹ, chúng ta có thể cử bất cứ ai đại diện chúng ta. Vị đại diện ấy, hay, dở, cũng được tiếp đón long trọng ngang với Talleyrand thuở trước. Nhưng chúng ta là nước Pháp : chúng ta phải thận trọng về vắn đề nhân sự »...

Nếu ý niệm trên là đúng, hay không quá sai, ta phải kết luận là Việt-Nam lại càng phải thận-trọng hơn bao giờ và hơn ai hết. Tại các hội nghị quốc tế, quốc thể

Việt-Nam là căn cứ vào uy tín các nhân viên phái đoàn tham dự.

1). — *Thiếu-liên-tục*. — Trước hết, chúng ta thiếu liên tục. Có những nhân viên tham dự Hội nghị một hay hai lần, rồi sau đó, không trông không kèn, được chỉ thị trao trách vụ cho những người khác cũng không giàu kinh nghiệm hơn mình.

Trong tình trạng này, một sở đại diện Việt-Nam tham dự Hội nghị chỉ đạt được mục đích « bày hàng » hay « trưng mẫu ».

Về điểm này, ta phải nhận xét rằng : (không kể các nước độc lập từ lâu, có nhiều kinh nghiệm về các cuộc họp mặt quốc tế, như Anh, Pháp, Mỹ...), một nước mới độc lập như Ấn-độ cũng đáng ta thán-phục về điểm tôn trọng liên tục trong vắn đề tham dự hội nghị quốc tế.

Ví dụ, riêng về Hội nghị « Ecafe » tại New Delhi có hẳn một tiểu bang chuyên viên theo dõi vắn đề, không phải riêng trong thời gian họp hội nghị, mà trong suốt năm. Các việc khác chỉ là phụ : việc chánh là nghiên cứu các quyết nghị chung đã qua, và các đề nghị riêng sắp tới của Ấn-Độ. Gán tới ngày hội nghị, (nghĩa là một hay hai tháng trước), tiểu ban đã tiếp xúc với các chuyên viên khác, để lo định thành phần phái-đoàn. Phái đoàn nhận chỉ thị của Bộ sở quan để chuẩn bị tài liệu, chương trình, đề nghị... Bởi vậy, bàn tới vắn đề gì trong phạm vi đề tài của Hội nghị, các đoàn viên Ấn-Độ đều có thể đề nghị rất xác đáng.

Có những đoàn viên Ân-Độ tham dự một loại hội nghị đã từ năm sáu năm liền. Họ rất quen thuộc với vấn đề, và thân thiết với các đoàn viên khác. Mà vì vậy, công việc không hề trễ nải.)

(Nhân kỳ hội nghị tại Saigon năm 1957 do Việt-Nam tổ chức, một bản thuyết trình của phái đoàn Việt-Nam chỉ xong đêm hôm trước buổi hội nghị nhóm họp về mục này. Nghĩa là sau hết thấy các phái đoàn khác, trong khi chính mình là quốc gia tổ chức. Tuy nhiên các nhân viên có trách nhiệm về sự chậm trễ, lại là nạn nhân nhiều hơn là người phạm lỗi...)

Một số nhân viên vì không biết chắc mình sẽ có hay không được chỉ định, nên không muốn hay không thể chuẩn bị. Một số nhân viên khác, biết chắc mình sẽ được chỉ định, nhưng lại bị mắc vào những công việc khác, nên không thể trau dồi và nghiên cứu vấn đề cho tường tận. Vì vậy Việt-Nam tham dự hội nghị quốc-tề, dưới hình thức này hay hình thức khác thường xuyên lâm tình trạng « nước đến chân mới nhảy ».

2).— Đoàn-viên thiếu khả năng.— Thiếu liên tục, vấn đề còn thêm nghiêm trọng, vì một đôi khi, có một số nhân viên được chỉ định vì *tín nhiệm chánh trị* lại thiếu khả năng về phương diện chuyên môn.

Nói như vậy, không có nghĩa là Việt-Nam thiếu nhân viên có khả năng. Trái lại. Nhưng, trước đây một đôi khi, chúng ta đã có những quan niệm sai lầm về vấn đề xuất

ngoại công cán. Đáng lẽ phải coi như một *nhiệm vụ*, một *sứ mệnh*, có ảnh hưởng lớn đến uy tín và quyền lợi hay tương lai xứ sở, đối với một số người. Đó lại là những cơ hội để tỏ lộ cảm tình riêng, hay để du lịch và sắm sửa. Bởi vậy, một số đoàn viên, đã thiếu kiên-vẫn : có thể nói thêm và thẳng là thiếu lịch-duyet và do đó, không có lấy một « thái-độ quốc-tề tối-thiểu » (1) cần thiết.

Một hội nghị chỉ dùng Anh-văn làm chuyển ngữ, mà một chuyên viên do một bộ chuyên môn gửi đi lại không biết tiếng Anh ! Ngồi tại một phòng hội nghị, đoàn viên đó thiếu óc quan sát đến nỗi không biết dùng máy nghe. Và mặc dầu không biết tiếng Anh, còn gật gù làm như thấu hiểu những lời bàn cãi. Có một bạn đoàn viên ngoại-quốc tới nơi nói chuyện xã giao sau khi buổi họp bề mặt, đoàn viên Việt-Nam đã không trả lời và chạy thẳng ra phía hành lang. Lẽ dĩ-nhiên là người ngoại-quốc đó có thể nghĩ không hay về nước ta : đoàn viên Việt-Nam kém xã giao hay thiếu kiên thức ?

Có đoàn viên đã trả giá phòng ngủ, hay làm ồn ào nơi khách sạn về những vấn đề không đáng...

Nói tóm lại, đoàn viên cần phải được chọn lọc : có khả năng chuyên môn, biết ngoại ngữ, biết xử sự theo lời quốc-tề... (1).

B.— Vấn đề tổ chức. — Khuyết-điểm nhân sự trên đây là do thiếu

(1) Comportement international minimum.

tổ chức. Trước đây, thể thức và thủ tục Việt-Nam tham dự các hội nghị quốc tế, khiến nhiều khi các nước không có nhiều thiện cảm với nước ta.

Tại nơi hành lang một vài nhà sở đã xảy ra các cuộc điều đình đáng tiếc. Tại một bộ kia, một nhân viên chuyên về một ngành nào đó đã được chỉ định tham dự hội nghị. Một nhân viên khác làm việc tại một nha có chút liên lạc xa với đầu đề sẽ đem thảo luận tại hội nghị. Nhân viên thứ hai này đã công khai, sòng sọc và vội vã, thâu thập các tài liệu chẳng khác nào chính mình sẽ cầm đầu phái-đoàn! Sau cùng, ba ngày trước khi hội nghị khai mạc, nhân viên thứ hai đã được chỉ định thay vì nhân viên thứ nhất. Lẽ dĩ nhiên, giữa hai nhân viên chẳng thể có sự cộng tác chặt chẽ và thành thực trao đổi tài liệu. Đồ kỵ, tranh dành, hiềm-khích giữa hai « công bộc », đã thương tổn đến uy tín và quyền-lợi quốc gia.

Các trạng thái đáng tiếc được diễn dưới nhiều hình thức có thể tạm tóm tắt như sau :

— tranh chấp, điều đình, nghị ký giữa các cá nhân,

— e ngại những bất trắc, những thay đổi giờ chót, không ngờ . . .

— các nhân viên được chỉ định có khi bận những việc thường xuyên, do đó chỉ có thể coi vắn-đề tham dự hội nghị như một công tác phụ,

— thủ tục chậm trễ vì một đôi

khi bề tác ở giữa guồng máy hành chánh. Một số nhân viên có thẩm quyền không nhận trách nhiệm phát biểu ý kiến vì sợ hãi, e ngại. Một số nhân viên khác trệt để năng-đỡ « thuộc hạ » vì lòng tự ái, vì cảm tình riêng. Một số nhân viên khác nữa trì hoãn vì biếng nhác hay vì ác ý. Đó là những điều đáng tiếc.

Hậu quả dĩ nhiên của các sự-kiện như trên có thể lược kê sau đây :

— một số đoàn viên không được tinh trí và dư thì giờ nghiên cứu vấn đề cho tường tận, hoặc không biết xử sự theo lễ nghi quốc tế ..

— phái-đoàn Việt-Nam thường trả lời ban tổ chức rất chậm. Có khi ưng thuận về nguyên tắc mà vẫn chưa biết chỉ định tên ai. Có khi chỉ định vội vã rồi sau lại thay đổi bất thần..

— phái đoàn Việt-Nam thường khi tới nơi chậm. Vì không chắc được chỉ định, nên không đủ tư cách yêu cầu giữ chỗ máy bay. Khi được tin chắc, máy bay hết chỗ nên phải trưng dụng đi chuyển sau, hay đáp đường vòng quanh cho kịp chuyển. (Tỷ-dụ : Hội-nghị về thú y học họp tại Paris, khai mạc 9 giờ sáng ngày 19-5-1958 thì đúng 4 giờ sáng phái đoàn Việt-Nam mới tới nơi ! Hội nghị về gia đình họp tại Paris trung tuần tháng 5, phải trả lời chậm nhất là ngày 1-3-58, thì mãi tới cuối tháng 4 Việt-Nam mới trả lời. Đây chỉ là hai hai thí dụ trong nhiều trường hợp..)

— Hội nghị dùng Anh-văn làm

chuyên ngữ. Thông lệ là có ban thông dịch, nhưng cũng nhiều khi ngoài Anh-ngữ, Hội nghị không dùng một ngoại ngữ nào khác. Trong trường hợp này, để tham dự hội nghị cho hiệu quả và đại diện cho xứng đáng, đoàn viên cần biết Anh ngữ. Vì không tường ngoại ngữ, một số đoàn viên đã chán nản, đi chơi hơn là tham dự các buổi họp. Chỗ dành cho Việt-Nam để trông khiến ban tổ chức và các phái đoàn khác cho là Việt-Nam không đứng đắn, kém đẳng hoàng.

Tại một vài hội nghị, có một vài đoàn viên Việt-Nam đã ngồi ngáp, ngủ, vẽ, hút thuốc, thậm chí có khi còn không tham dự buổi họp. Có lần, một nhà quay phim tinh nghịch đã ghi các hình ảnh thiếu mỹ thuật này, chắc là không làm vinh dự cho Việt-Nam.

Những nhận xét trên đây không dám hỗn sược bác trùn hết thầy mọi người. Trong số những nhân viên tham dự hội nghị, có rất nhiều phần tử đã làm rạng danh cho đất nước. Nhưng cũng có một số khác đã làm thương tổn đến uy tín quốc gia...

..

II — Tương lai : Những đề nghị và hy vọng.

A. — Vấn đề nhân sự.

1). — *Lập một hội đồng liên-bộ*, kiểm điểm lại những hội nghị quốc tế mà Việt-Nam đã tham dự, và thành phần các phái đoàn. Những công chức chuyên môn, có kinh-nghiem và đã thâu hoạch những

thành tích đáng kể, sẽ được ghi tên vào một danh sách, để từ nay dễ chọn lựa. Hàng năm, hội đồng sẽ họp để tùy nghi ghi thêm tên nhân viên mới, gặp trường hợp Việt-Nam tham dự thêm hội nghị, có nhân viên cũ thất lạc hay đảm nhiệm những trách vụ khác.

Bảng danh sách nên chia từng loại hội nghị, ví dụ: khoa học (vật lý địa cầu học, y-học, nha-học, Oms, thú y học...) văn hóa (Unesco, giáo dục, văn bút...), kinh tế (Ecafe...) chuyên môn (hỏa xa, bưu điện...) Để tránh những bổ ngữ vô lý và đáng tiếc, nên thu xếp làm sao trong trường hợp một đoàn viên bất ưng mắc bận, trách nhiệm có thể trao cho một người khác: người này đã từng phen tham dự hội nghị hoặc ít ra cũng theo dõi công việc ở trung-trong từ lâu năm...

Cần phân biệt những *hội nghị có định kỳ* và những *hội nghị bất thường*. Đối với hạng trên, nên chuẩn bị trước ngay từ đầu năm. Đối với hạng dưới, cũng nên lo liệu sớm để tránh trạng thái « nước đến chân mới nhảy », thực ầu tri và vô tổ chức...

2). — *Lưu ý về vấn đề sinh ngữ.* — Tùy theo hội nghị chỉ dùng Anh-ngữ hay có dùng cả Pháp ngữ. Trong trường hợp trên, các đoàn viên hay ít nhất vị Trưởng phái đoàn phải biết sử dụng Anh ngữ.

3). — *Lưu ý đến cách xử sự của các đoàn viên.* — Về vấn đề này, các vị Trưởng phái đoàn và các đoàn viên nên tiếp xúc với Nha Nghi lễ. Bộ-

ngoại giao để biết rõ những điều nên làm và những điều nên tránh. Dường như Bộ này có cho phát hành những tập toát yếu nhỏ, ghi chú những điều cần biết trước khi tới những thủ đô nước bạn, thể theo tình hình bang giao giữa Việt-Nam và nước đó, cũng là các luật lệ và tập quán địa phương.

B).— Tờ chức.

Từ trước tới nay, về mục tham dự hội nghị quốc tế, ta rất thiếu tổ chức. Hậu quả là Việt-Nam luôn luôn trả lời chậm, và phái đoàn không kịp nghiên cứu vấn đề cho tường tận. Một phần lý do là vì chánh phủ e ngại những nhân viên xuất ngoại công cán sẽ vì bất mãn nên tuyên truyền bất lợi, hoặc ở lại nước người « lựa chọn tự do »... (Một kỹ sư cầu cống đi công cán, đã không chịu về nước : đương sự ở lại làm việc cho một hãng tư l...)

Để tránh những nhược điểm ấy, thiện nghĩ nên áp dụng những biện pháp như sau :

1).— Căn cứ vào danh sách các hội nghị có định kỳ, nên chuẩn bị sẵn sàng : tài liệu, nhân sự... Ngay từ đầu năm, cần biết trước những ai sẽ có *hân hạnh và bổn phận* đại diện Việt-Nam về những loại hội nghị nào ?.

2).— Trả lời ban tổ chức đúng kỳ hẹn. Chậm trễ khiến công việc của ban tổ chức thêm khó khăn, và uy tín của quốc gia thương tổn. Thường chỉ những quốc gia « mới độc lập » hay chậm trễ về điểm

này. Đó là vì chưa trưởng thành hay khuyết điểm cơ hữu của những dân tộc trước đây bị trị ?

3).— Liên lạc chặt chẽ giữa các nha, bộ sở quan : tham khảo ý kiến kịp thời.

4).— Những hội nghị hay công cán xét không có lợi ích thiết thực cho quốc gia : không nên tây vị cho nhân viên tham dự với thâm hảo-ý để tri ân hay tưởng thưởng. (Đã có những nhân viên đi tập sự một ngành rồi về làm việc ở một ngành khác. Đã có những vị đi tu nghiệp xong, về nước là để hối hưu...)

5).— Không bao giờ nên chỉ định một người tham dự hội nghị : phái đoàn nên từ hai người trở lên, để người nọ khuyên răn và làm hậu thuẫn cho người kia. Nếu vì lý do tiết kiệm công nho, phái đoàn chỉ có một người, thì cũng nên cử chỉ định một nhân viên Sứ-quán tại nơi hội nghị hay gần nơi hội nghị, để cùng tham khảo.

6).— Nên chỉ định một nhân viên Sứ-quán tham dự phái đoàn với tư cách quan sát viên. Nhân viên đó am hiểu tình trạng địa phương hơn. Một hội nghị dù chuyên môn vẫn có khía cạnh chánh trị hay tổng quát của nó...

7).— Một đôi khi, một nhân viên thuộc cấp Giám - đốc, Chánh sự-vụ hay Chủ-sự một Nha chuyên môn hay Nha Hội - nghị Quốc - tế cũng nên được chỉ định xuất ngoại tham dự cùng với phái đoàn. Như vậy để có thể học hỏi về cách thức tổ chức hội nghị. Khi cần tổ chức

hội nghị tại Việt-Nam, các nhân viên này sẽ là những cán bộ đặc lực.

8).— tham dự hội nghị xong, không những riêng vị Trưởng phái đoàn, mà nhân viên Sứ-quán cũng có bốn phân nộp bản phúc trình. Đọc các bản phúc trình so sánh, sẽ biết đâu là sự thật, đâu là những ưu và nhược điểm, để bổ sung cho các chuyện đi sau...

..

Để kết luận, thiên nghị có thể nhắc lại hai thiên giai thoại sau đây hồi đầu thế kỷ.

Một nhà ngoại giao Trung-Hoa, ông W. Koo, trẻ tuổi, thông minh hoạt bát, một hôm dự một bữa tiệc lớn tại Mỹ. Ngồi hai bên nhà ngoại giao là hai bà mệnh phụ. Hai bà luôn luôn hỏi thăm nhà ngoại-giao Trung-Hoa bằng những câu xã giao chứng tỏ các bà có thể nghĩ thăm rằng : « cái anh tàu này sang đây có lẽ để cho có mặt, chớ chắc cũng chẳng làm nên công chuyện gì ? » Hai bà hỏi :

-- Ông có thích « phó - mát » không ?

— Ở nước ông, người đàn bà có biết sống đời xã hội với chồng không ? Hay chỉ ở nhà chăm cơm nước ?

— Ông có biết lái ô tô không ? Đánh vợt không ?...

Nhà ngoại giao Trung-Hoa đã trả lời cho xong chuyện. Sau đó, đến lượt ông lên đọc diễn-văn. Ông không cầm giấy, xuất khẩu

thành chương. Rồi ông trở về chỗ, hỏi thăm lại các bà :

— Bà có thích nghe và đọc diễn văn không ?

Lou Tseng Tsiang trước đây đã từng sung chức Đại sứ Trung-Hoa tại Nga và Bỉ. Sau ông trở nên Tổng trưởng Ngoại giao và Thủ-Tướng Chánh - Phủ Trung - Hoa. Chúng ta hãy nghe ông tâm sự trong cuốn « Journal et Pensées de chaque jour ».

« Chánh - phủ Trung - Hoa ủy-nhiệm tôi đi dự Hội-nghị La Haye. Lần đầu tiên trong đời, tôi có dịp đụng chạm với thực tế. Các cường quốc đều đồng lòng quan niệm Trung-Hoa như một tòi nhược quốc. Tôi đã rút ở cuộc thử thách đó rất nhiều kinh nghiệm...

« Tôi đọc bản thánh kinh. Và tôi suy ngẫm rất nhiều về bản thân tôi cũng như về nước Trung-Hoa yêu dấu của tôi. Tôi bình thản sống lại những nỗi nhục nhã mà tôi đã hằng nếm trải. Tôi ôn lại thái độ kiêu căng vô lý của một sỏ ngoại nhân mà phẩm cách và kiên thức thực không đáng kể : họ cho như có quyền khinh miệt tôi, chỉ vì tôi là người Trung-quốc ! Những nỗi nhục nhã của nước tôi, của các đồng bào tôi và của chính tôi không làm tôi nản chí. Trái lại, chúng làm tôi thêm tin tưởng, và truyền cho tôi thêm dũng khí... »

Ngoài ra, căn cứ vào những điều đã nghe và đã sống, chúng ta có cảm tưởng : vì một sỏ người tham dự hội nghị đã không làm tròn

bồn phận, nên có một số ngoại nhân ngộ nhận rằng có một số quốc gia tham dự hội nghị chỉ để làm vi, cho có chuyện, bởi lý do hình thức... Đã đành đó là một ngộ nhận, một ý kiến chủ quan. Nhưng nếu có những trường hợp tương tự luôn luôn tiếp diễn, đó sẽ trở thành một định kiến, có hại vô cùng...

Lời đính chính thích đáng và hùng hồn nhất, là chúng ta phải thận trọng về nhân sự cũng như tổ chức, khi chỉ định phái đoàn Việt-Nam tham dự các Hội nghị quốc tế.

Nếu ta là người Mỹ, người Nga, ta có thể cử bất cứ ai. Vị đại diện ấy cũng được tiếp đón long trọng và nồng hậu. Nhưng ta là người Việt-Nam, nên càng phải thận trọng.

Dư luận trong hành lang hội nghị thường tin là người Mỹ, người Nga, người Anh, người Pháp... tham dự hội nghị đều là những phần tử ưu tú... Nếu chẳng may có gặp một người thiếu năng lực, kém hoạt bát, không xứng đáng... ai nấy rất dễ cho rằng đó là vì lý do sức khoẻ, một trường hợp cá nhân bất thường, không đáng kể... Nhưng nếu một phái đoàn Việt-Nam, các nhân viên không xứng đáng, đối với một số người, ấy có nghĩa là cả nước Việt-Nam chưa được trưởng thành...

Chúng ta có thể ôn lại và suy ngẫm về hai thiên giai thoại của Wellington Koo và Lou Tseng Tsiang, cũng là nhận xét của nhà bình bút tạp chí *Réalités* đã được ghi ở phần đầu những trang này...

PHẠM LƯƠNG-GIANG

BẠN YÊU VĂN HAY TÌM ĐỌC

Giai Phẩm Xuân

QUY TỤ HƠN 40 NHÀ VĂN NHÀ THƠ NỔI TIẾNG

VĂN SỐ TÂN NIÊN

Phát hành ngày 4 Tết (16-2-64)

● Tuyển tập thơ VĂN của những cây bút mà các bạn yêu thích.

THOMAS EDWARD LAWRENCE

(1838 — 1935)

Một ông vua không ngôi ở Ả-Rập tự đầy đoạ thân để nhắc nhở các chính khách phải giữ chữ tín trước hết

Người hỡi, bao giờ người hiểu rằng sự thất bại làm cho người cao cả lên ? *Goethe*

Ở một nơi nào đó có một cái tuyệt đối, chỉ có nó là quan trọng thôi, mà tôi kiếm nó không ra. Do đó tôi có cảm ường rằng tôi sống không có mục đích. *T.E. Lawrence.*

• NGUYỄN-HIỆN-LÊ

(tiếp theo BK 170)



văn để Ả-Rập.

Ông được phái qua vượt ve Hussein, vì sau Hiệp ước Balê, thầy mình bị gạt, Hussein lớn tiếng mặt sát Anh, viết một bức thư cho Llyod George buộc Anh và Hội Vạn-Quốc phải đuổi ngay Pháp ra khỏi Syrie và Do Thái ra khỏi Palestine.

Tất nhiên Llyod George làm thình. Hussein bèn lại Amman, — do Abdallah, con ông, cai trị dưới sự bảo hộ của Anh. — cấm gậy đuổi các sĩ quan Anh ra khỏi dinh, rồi mắng Abdallah thậm tệ rằng sao nhu nhược chịu quy phục Anh.

ANH-HOÀNG tuy bất bình mà vẫn phục tài của Lawrence, năm sau lại vời ông vào làm bộ Thuộc Địa, giúp Churchill về những

Lawrence vụng suy, nhận nhiệm vụ khó khăn đó, và bị Hussein làm nhục. Mới thấy mặt Lawrence, Hussein đã nổi cơn lôi đình, la lớn :

— Cút đi ngay ! Ông chỉ là một con người xảo quyết, gây hấn ! Chính ông đã hứa hẹn lêu lạo với tôi mà kéo tôi vào cái vụ lương gạt trăng tráo này.

Sau vụ đó Lawrence xin từ chức ở bộ Thuộc Địa, về nhà xé bản thứ nhì cuốn *Les sept piliers de la sagesse*, viết lại một bản thứ ba, tới cuối tháng bảy 1922, cho xuất bản. Mới đầu nhà in của tờ *Oxford Times* chỉ in có tám bản để ông tặng các bạn thân, rồi sau in thêm trăm bản nữa, bán cho những người đặt tiền trước, theo giá là 30 Anh Kim một bản. Tác phẩm được ngay mọi người hoan nghênh, và có người tìm mua với giá 600 Anh Kim, vào khoảng 120.000\$ Việt-Nam hiện nay. Mặc dầu vậy, ông vẫn còn nợ nhà in một số tiền lớn vì phí tổn in rất cao.

Bộ *Les sept piliers de la sagesse* gồm mười cuốn kể lại những việc ông mục kích ở Ả-Rập từ lần đầu tiên ông tiếp xúc với xứ đó, và chép lại những giai đoạn trong cuộc khởi nghĩa Ả-Rập từ bước đầu cho đến lúc giải phóng được Damas. Ông dùng đủ các thể văn : tự sự (kể những trận giao tranh, những cuộc thương thuyết) miêu tả (từ nhân vật tới phong cảnh), nghị luận (về chiến tranh, về thế sự, về triết lý). Lại thêm nhiều đoạn tự thú cảm động. Mặc dầu có nhiều đoạn nặng nề, nhạt nhẽo, lê thê ghi những tài liệu chưa được xác-thực, nhưng ai cũng nhận rằng văn của ông rất nhiều màu sắc, hình ảnh, làm rung động lòng người đọc.

Ông Béraud Villars trong cuốn *Le Colonel Lawrence* bảo *Les sept piliers de la sagesse* là một tác phẩm độc nhất, gồm cả lời tự sự của Retz, lời miêu tả của Zola, lời tự xét nội tâm của Gide, một tác phẩm quái đản trong đó trộn lộn *Guerre et Paix* của Léon Tolstoï, *Les Confessions* của J.J. Rousseau và *Les Châtiments* của V.Hugo. Tác phẩm đã được dịch ra gần hết các thứ tiếng ở Châu-Âu. Tất nhiên có nhiều bản dịch ra tiếng Ả-Rập.

Churchill khen là một bảo vật trong kho tàng văn học Anh, « hễ còn có người nói tiếng Anh, thì còn có người đọc nó » vì « nó lý thú mà có nhiều ý nghĩa không kém gì những cuốn *Robinson Crusoe*, *Les voyages de Gulliver*, *Le voyage du Pèlerin*.

Tôi xin trích dẫn dưới đây một đoạn—theo bản dịch của nhà Payot—để độc giả thấy ông là một quân nhân không thích đồ máu vô ích, có tư tưởng gần như của một hiền triết nữa :

« Tôi tự hỏi : Tại sao Fayçal lại muốn đánh Thổ ? Và tại sao người Ả-Rập lại tiếp tay ông ? Mục đích của họ là một vấn đề địa lý : họ muốn đuổi người Thổ ra khỏi những xứ Ả-Rập ở Châu-Á. Như vậy rồi họ mới có thể phát triển lý tưởng tự do trong hòa bình của họ được. Đeo đuổi mục đích đó, chúng tôi có thể giết người Thổ được vì thực ra chúng tôi rất ghét họ ; nhưng nghĩ cho cùng thì cái chết của họ cũng vẫn là một sự không cần thiết. Nếu họ yên ổn rút ra khỏi cái xứ Ả-Rập thì sẽ hết chiến tranh. Nếu họ

không chịu đi thì chúng tôi ép buộc họ đi hoặc tìm cách đuổi họ đi. Cùng lắm, chúng tôi có thể phải dùng tới chính sách « chiến tranh — giết người », nhưng phải tìm cách nào cho bớt phí nhân mạng nhất : Người Á-Rập chiến đấu cho tự do của họ, mà cái thú tự do đó người ta chỉ hưởng được khi người ta còn sống thôi ;

Và đây là vài tư tưởng rải rác trong bộ đó và các thư từ của ông :

— Dùng chiến tranh để chống lại cách mạng là một cách vừa bản thủ vừa tổn công, tổn công cũng như dùng một con dao để múc canh vậy.

— Một cuộc cách mạng mà đứng yên là một cuộc cách mạng thất bại.

— Khi người ta dùng võ lực để lập một chế độ mới, thì những kẻ liên kết với chế độ đó không phải là những kẻ trung thành mà là kẻ thù của chế độ đó.

— Không có gì tởm bằng làm việc để kiếm miếng ăn, nhưng ngày nay xã hội đã hỏng quá rồi đến nỗi vô số người thất vọng đành phải chịu làm việc với mục đích đó.

— Cái danh-sau-khi-chết chỉ đáng cho ta khạc nhổ vào thôi. Chỉ những người còn nóng hổi sống chung quanh ta là đáng cho ta cầu lòng quý mến của họ. Nếu ta không được họ quý mến, thì chúng ta là những con người bỏ đi.

— Chiến đấu là một việc tốt, nhưng kết quả thì vô nghĩa và gây thêm nhiều nỗi khó khăn mới nữa.

— Người cầm quân giỏi nhất là người mà trực giác thường hợp với thực tế, Chín phần mười chiến thuật là những điều giản dị có thể đem dạy

trong trường được ; nhưng cái phần mười còn lại kia, cái phần mười phi lý đó, mới là phần quyết định được tài của các danh tướng.

Về sự lầm lẫn của ông, để cho chính phủ lợi dụng mình mà phản Á-Rập, ông thường tỏ giọng ân hận chua chát. Ông viết :

« Người Á-Rập bị chúng ta gạt mà hết sức chiến đấu với kẻ thù (...) Họ là những người can đảm nhất, bình dị nhất, vui vẻ nhất (...) Làm cho họ chết, tôi đã mắc tội ăn cắp, ăn cắp linh hồn (...) Tôi đáng xử tội ra sao đây ? »

Mục đích của ông khi soạn cuốn đó là để tự thú tội và đồng thời buộc tội Anh, Pháp, lưu lại một bài học cho nhân loại. Nhưng độc giả ít người hiểu ông, các nhà văn và các bà quý phái lại chỉ khen tác phẩm của ông là « thú tuyệt », « đọc mê như tiểu thuyết ». Thành thử ông lại càng chán, than thở với một người bạn thân : « Anh lầm tưởng rằng sách viết để cho người ta đọc. Không, tôi cho rằng sách viết chỉ để viết thôi... Tiếc thay ! Giá tôi đột tác-phẩm của tôi từ hồi mới viết xong, thì hơn ».

Ông thấy đời sao mà vô nghĩa đáng tởm ! Trong mấy chục năm không hề gặp một người nào, một hoàn cảnh nào sạch sẽ cả. Chỉ có cái bề ngoài là đẹp, mà bề ngoài càng đẹp thì bề trong lại càng xấu xa, nhơ nhuốc.

Gia đình ông, ai chẳng bảo là một gia đình kiểu mẫu ? Cha thì đảng hoàng mẹ thì vừa nghiêm vừa

từ. Cả hai thương nhau rất mực, dạy dỗ con cái kỹ lưỡng. Vậy mà có ngờ đâu rằng họ không có hôn thú, lại mang một cái tên giả, sanh ra năm đứa con hoang, mà có lẽ không bao giờ thức mắc rằng con cái họ sẽ vì họ mà bị xã-hội khinh bỉ.

Nhà thì như vậy. Tới nước mới còn nhục hơn nữa. Anh hùng cường nhất thế giới, văn minh cũng vào bậc nhất thế giới, các nhà cầm quyền thì thông minh tài giỏi, mà rồi hứa với các dân tộc Ả-Rập cho họ độc lập, hô hào họ chống lại Thổ, đưa hàng vạn người Ả-Rập vào chỗ chết, rút cục nuốt lời hứa, cời cho họ được cái ách của Thổ thì lại trồng ngay cái ách của mình vào, lại chia cắt họ, bán đứng họ cho Pháp. Thực là xảo trá, dã man!

Còn bản thân của ông, mình (●) đầy huy chương của Anh, của Pháp, hình dung được chụp, được vẽ, tên tuổi được nêu chữ lớn trên báo và sẽ được ghi trong lịch sử nữa, tới đâu cũng được công chúng hoan hô như một vị anh hùng của thời đại, mà sự thực thì chỉ là một đứa con hoang, một quân cờ trong tay các chính khách vô lương tâm, bị họ lợi dụng mà nhúng tay vào một việc lương gạt lorna nhất trong lịch sử, bị toàn thể dân Ả Rập coi như một con rắn độc.

Cái bế trong như vậy đó. Sống nữa mà làm gì? Ông muốn chết lắm, nhưng phải chết cách nào để rửa tội mới được. Ông suy tính lung rồi quyết định chết một

cách lẩn mòn, chết một « thứ chết tinh thần », như vậy mới đủ rửa được tội, chứ tự tử còn là nhẹ quá. Nghĩa là ông muốn tự đọa đầy tâm thân, sống một cách cực khổ, làm những việc ti-tiện, bán thiu nhất cho tới mãn kiếp.

Ông gói tất cả những huy-chương của ông, gói trả Anh Hoàng với một bức thư mà giọng rất phẫn uất... Nhà vua vẫn không giận, sai Thủ-Tướng Anh lại an ủi ông, ông không thêm tiếp.

Ít lâu sau, ngày 30-8-1922, ông bắt đầu một đời sống mới, một đời đầy đọa để chuộc tội.

Ông hóa ra chua chát, khinh đời, khinh người, ngoan cố đi tìm cho được sự tuyệt đối.

Ông từ bỏ tên cũ, xóa hết cả di vãng, một mình lang thang trong cảnh tối tăm cho tới mãn đời, lấy tên mới là John Hume Ross — lại muốn thay đổi cả bộ mặt đi nữa — xin làm binh nhì thợ máy trong đội Không quân của Hoàng gia.

Một cựu đại tá xin làm binh nhì mà khó khăn lắm mới được: người ta đòi nộp giấy hạnh kiểm và vô sớ giấy tờ khác — cái văn minh của nhân loại ngày nay là thứ văn minh giấy tờ mà — người ta khám sức khoẻ, dò xét khả năng, người ta chê ông là nhỏ con và thấp quá, mặc dầu ông rất mạnh, rồi người ta lại hăm học ông đủ thứ. Và khi được nhận, ông mừng quá, chạy ra một quán rượu, tự thưởng cho mình một li cà phê. Thực trời trêu!

Một thi sĩ Anh đã viết những câu này đề tả cửa Địa ngục.

Through me is the way into the doleful city

Through me is the way into eternal pain

Through me is the way among people lost.

(Qua ta — lời của cửa Địa ngục — là con đường vô châu thành thê thảm.

Qua ta là con đường vô nơi khổ thống bất tuyệt

Qua ta là con đường giữa đám người bị đầy đoạ)

Lawrence còn đương sống mà cũng vô địa ngục, vô giữa ban ngày, một buổi chiều cuối hè, trời trong và xanh, hiu hiu ngọn gió thu đầu mùa. Vì trại Uxbridge của ông quả là một địa ngục trên trần.

Hồi đó bọn lính thuê — dù là lính thợ — cũng vẫn còn khinh bỉ, coi như là hạng cận bã của xã hội.

Ông không muốn cho ai nhận ra được mình, nên ông ngoan ngoãn, chăm chỉ làm mọi công việc của một tên binh nhì: cọ sắn, quét sân, rửa chuồng heo, cầu tiêu, đổ thùng rác... Đáng tởm nhất là thứ kỷ luật tàn nhẫn ở trong trại. Người ta dùng chính sách này: làm tiêu ma ý-chí của cá nhân để thay vào một ý chí cộng đồng, hầu cho binh lính có tinh thần đồng đội. Người ta bắt họ phải vâng lời tức thì, không suy nghĩ, vâng lời cả trong những việc vô lý, nhắm mắt mà vâng lời, không hề có chút phản kháng, dù là phản

kháng trong tâm tư. Người ta muốn cho họ thành những cái máy. Những viên chỉ huy trại tự hào rằng: « ở đó, chúng tôi bắt sự tử phải khuất phục. » Trong cuốn *The Mint* (Khuôn đúc) ông mỉa mai lời đó: « Nhưng chúng tôi chỉ là những con cừ non, và chế độ áp dụng cho sự tử đem dùng vào tội cừ non thì cũng gắt quá. »

Người ta bắt khoan bắt nhặt, rầy mắng liên liên và trừng trị rất nghiêm. Nhất là tội cai, đội vô học, được chút ít quyền hành là hậm học, cha hổ mà bắt nạt những binh nhì mới vô. Không ai nhận ra được ông, nên ông bị hành hạ nhục nhã.

Ông sở dĩ vô địa ngục này « một phần là để ăn những đồ dơ cho tới khi nào thầy quen đi, không còn lợm giọng nữa, và một phần để thoát khỏi cái luống tư tưởng của những người khác » (1) thì ông nhận nhục chịu hết, không phản nản gì cả, cũng không phản uất ngấm ngấm nữa. Có vậy mới chuộc được cái tội của ông chứ.

Tối đêm, ông lặng lẽ kiếm một chỗ chép ký ức, hoặc viết thư cho một hai người bạn thân chịu giữ bí mật cho ông như văn hào Bernard Shaw, Robert Graves.

Nhưng ông quyết tâm sống trong địa ngục mà cũng không yên. Mời chưa đầy bốn tháng, tờ *Daily Express* dò la làm sao mà biết rõ sự thực, đăng tit lớn lên trang đầu: (ngày 27-12-1922).

(1) Trong một bức thư gửi cho bạn thân là Robert Graves.

« Ông vua không ngồi »
 làm binh nhì
 Lawrence ở Ả-Rập

vị anh - hùng nổi danh trong
 chiến tranh thành một lính trơn.
 Ông tìm sự yên ổn và
 cơ hội viết một cuốn sách.

Trenchard, viên chỉ huy không
 quân Hoàng-gia, hay tin đó, bức
 mình lắm, cho là ông có ý chơi
 khăm mình, báo ông : một là phải
 nhận chức sĩ quan, hai là phải ra
 khỏi trại Uxbridge liền.

Tất nhiên ông không chịu nhận
 chức sĩ quan và ông đã từ biệt
 Uxbridge ngày 12-1-1923.

*
 * *



*T.E. Lawrence cải trang
 thành Ả Rập đi trong sa mạc*

Hai tháng sau, ông lại đổi tên
 một lần nữa, lần này lựa tên T.E.

Shaw và xin tình nguyện vô đội
 Chiến xa của Hoàng - gia. (Royal
 Tank Corps).

Vô đây, ông mới thật là phải sống
 chung với những căn bã ghê tởm
 nhất của Anh. Ông gần như nghẹt
 thở. Họ đều là những người không
 còn lầy một chút lương tâm, bọn
 người thấy con vật nào vô tội cũng
 ngửa tay cầm đá liệng chơi cho
 đỡ buồn. Để có thể thoát được
 trong một lát cái không khí hôi
 thối đó, ông có dành dụm mua
 được một chiếc xe máy dầu, và
 mỗi khi phải đứng trước một tên
 cai hay đội vô lại nào mà ông căn
 rãnh chịu không nổi, thì ông nhảy
 lên chiếc xe, mở hết tốc lực, phóng
 150 cây số một giờ, bắt kẻ nguy
 hiểm ; có vậy máu ông mới dịu
 xuống được.

Đêm nào ông cũng trần trọc và
 ông lại tiếp tục chép ký ức.

Ông không muốn vào một đội
 quân chiến đấu, ông ghét cái việc
 giết người để gây địa vị cho những
 ông bự ở Luân-Đôn, nên ông xin
 trở về làm tên thợ chụp ảnh ở
 Không quân Hoàng-gia. Người ta
 đề nghị ông làm viên sĩ quan cho
 Không quân, ông từ chối. Phải khó
 khăn bao nhiêu mới nhận được
 vào cái căn bã của xã hội, thì còn
 ngó lên làm gì ? Ông chỉ mong
 chóng già và quen sống trong cảnh
 nghèo nàn thôi.

Bạn thân của ông, Bernard Shaw
 báo sự nghèo khổ của ông là một
 quốc sĩ, yêu cầu thủ tướng Baldwin
 tặng ông một số lợi tức. Chính

phủ không chấp thuận, nhưng giá có chấp thuận thì chắc ông cũng không nhận.

Sau ông vận động được trở về Không quân, mừng quá, bước vô trại, treo bọc quần áo lên một cành liễu mà khéc.

Đầu năm 1927, ông lại hay một tin buồn và nhục cho ông nữa. Ibn Séoud, người được St John Philby ở *Indian Office* che chở, tấn công Hussein, chỉ trong có mấy ngày đuổi được Hussein ra khỏi La Mecque và Hussein phải bỏ Ả-Rập mà lưu lạc ở ngoại quốc. Chính phủ Anh thân nhiên, không hề giúp đỡ, bênh vực Hussein, thành thử bao nhiêu lời hứa của ông với dòng họ Hussein bị chà đạp hết. Cả sự nghiệp của ông hoàn toàn tiêu tan. Những người được ông che chở, nay phiêu bạt khắp nơi; Liên bang Ả-Rập mà ông định thành lập nay còn gì? Nếu ông phải sống đến năm 1945 mà thầy Ibn Séoud hắt chân Anh và kết thân với Mỹ, tặng cho Mỹ tất cả những mỏ dầu lửa trên bán đảo Ả-Rập — tức 80% số dầu lửa của thế giới — thì lòng ái quốc còn giầy vò ông thêm tới bậc nào nữa?

Hussein bị truất ngôi khi Lawrence ở Karachi. Ông được phái qua đó, vẫn làm linh thợ. Ngày thì nóng, đêm thì lạnh, cảnh thì buồn tẻ: chung quanh là sa mạc, mà lại không có cái vẻ đẹp của sa mạc, vì đây đó dựng lên những trại lính, những chòi canh những kho quân nhu, y như những điểm loang lỗ đơ bần trên một mảnh giấy vàng vọt.

Ông lại tiếp tục viết, viết lên vì ban đêm người ta không cho ông dùng đèn của trại. Ông rút ngắn bộ *Les sept piliers de la sagesse* thành cuốn *Révolte dans le désert* (Revolt in the desert). Cuốn này được hoan nghênh hơn cuốn trước: trong một tuần bán được 40.000 bản. Ở Anh và Mỹ cũng in một lúc. Có người không kịp mua, bỏ 20 Anh bảng (khoảng 4.000 bạc Việt-Nam hiện nay) để thuê về đọc; có kẻ bỏ ra 40 Anh bảng để mua. Nhưng chỉ những kẻ đầu cơ là hưởng lợi, còn ông thì đem tặng hết tiền tác giả 15.000 Anh không cho Quỹ cứu tế của Không quân Hoàng-gia.

Rồi ông viết một cuốn *The Mint* kể những điều ông mục kích trong không quân, chỉ trích chính sách của Anh và quân đội, và đôi khi cũng để lộ ra tâm sự của kẻ chán chường của ông nữa. Trong một bức thư gửi cho bạn, ông viết:

« Thà để cho bộ óc của tôi rỉ đi, còn hơn là tiếp tục nghiền nát đời của kẻ khác (ông ám chỉ người Ả-Rập) trong cái máy xay chính trị của các ông. Nề tôi đừng răn làm những việc mà tôi đã làm một cách hoàn hảo (tức giúp Ả-Rập chống Thổ) thì chắc là mọi sự êm ả cho tôi; hay là mọi sự đã như ý cả nếu tôi không làm được những việc mà tôi đã làm ».

Soạn xong cuốn *The Mint* (1) ông dịch *Odyssée* cũng để cho qua

(1) Cuốn này bị Không quân Hoàng gia cấm nên ông chỉ in riêng ít bản lưu lại. Nghe nói năm 1955 cuốn đó đã được phép xuất bản, không rõ đã xuất bản chưa.

ngày. Không trợ cấp ông, nhưng chính phủ Anh vẫn hỏi ý kiến ông về những vấn đề Ả Rập. Một lần ở Ấn Độ, ông được vời tới nhà viên Công sứ Vĩnh Ba Tư để lựa giùm một khu đất làm phi trường trên bờ biển phía Đông của bán đảo Ả Rập. Viên Công sứ và các chính khách không nhận ra ông, coi thường ông, gây ra một vụ nực cười mà Bernard Shaw đã chép vào một vở kịch ngắn, (Too true to be good), trong đó tôi trích ra đoạn dưới đây :

Tallboys (1) — Lạ lùng há ! Thẻ tại sao có nhiều tài như vậy mà anh không lên ít nhất là chức cai ?

Humble (2) — Thưa Đại tá, học thức không đề a...

T — Mù chữ ư ? Anh không xấu hổ à ?

H — Thưa Đại tá, không.

T — Thẻ anh lấy làm vinh hạnh à ?

H — Thưa Đại tá, nó như vậy, làm sao được ?

T — Thẻ làm sao mà anh biết rõ xứ này như vậy ?

H — Thưa Đại tá, trước khi nhập ngũ, tôi đã là kẻ lang thang khắp đó đây.

..

Ông ở Ấn Độ cũng không yên. Được hai năm, tung tích ông lại

bị lộ. Tháng giêng năm 1929 tờ *Daily Herald* đăng liền hai số báo tố cáo sự có mặt của ông ở Ấn. Rồi một tháng sau tờ *Daily News* có giọng gay gắt hơn nữa :

Sự đại bí mật của Đại tá Lawrence

Chỉ làm phi công thôi hay còn làm gì khác ?

Đã đến lúc phải biết rõ sự thực
Tên do thám hạng nặng.

Mỹ nghi ngờ Anh đã giao cho ông một nhiệm vụ bí mật ở Afghanistan và ở Arabie Séoudite để gây rối ở miền Tây Á nữa. Đảng lao động Anh chắt vắn bộ Ngoại giao, mà chính phủ Ấn-Độ cũng bức mình, đòi đuổi Lawrence về Anh liền.

Tháng sau, người ta đưa ông một cách bí mật về Luân Đôn, để khỏi bị báo chí bao vây ông mà phồng vắn và làm rùm lên. Thực là khổ cho ông, chỉ cầu được yên ổn mà cũng không xong.

Về Anh ông lại làm binh nhì trong Không quân Hoàng gia được hai năm rồi chuyển qua một xưởng đóng tàu cho Hải quân ở Felixtowe. Ông vẫn giữ phận dưới đời với các

(1) Tallboys : có thể dịch là : « ông bự »
Ở đây chỉ viên đại tá.

(2) Humble : có thể dịch là « kẻ hèn » ;
ở đây chỉ Lawrence.

● Cái mà thường thiếu ở các bất vĩ nhân, là biết hạn chế các mục phiếu của mình.

sĩ quan chỉ huy ông làm cho họ cũng hơi ngượng. Không có chuyện gì rắc rối xảy ra nữa, và hai năm sau, ông xin giải ngũ, về nghỉ ở một căn nhà nhỏ tại Clouds Hill. Vẫn nghèo khổ và cô độc, trừ mẹ và vài bạn thân, ông không giao thiệp với ai hết, suốt ngày đọc sách hoặc nghe nhạc (lúc đó ông đã dịch xong cuốn *Odyssée*), khi nào buồn quá thì lái xe máy đầu mà phóng như bay để cho não cân dịu xuống.

* *

Ngày 13 tháng 5 năm 1935, trong khi cuối xe máy đầu về nhà, xuống một cái dốc, bỗng thấy hai người đi xe máy ở dưới dốc lên, ông vội bẻ tay lái để tránh họ ; không làm chủ chiếc xe được nữa vì tốc độ rất cao, ông bị văng ra phía trước, đầu đâm bổ xuống đường. Ông mê man trong năm ngày rồi tắt thở.

Một nhà chuyên giải phẫu về óc tuyên bố rằng vết thương nặng quá, nếu ông thoát chết thì sẽ bị tê liệt và nói không được nữa.

Khi chết nét mặt của ông bình tĩnh lạ lùng, môi ông như mỉm cười khinh bỉ. Một bạn thân của ông, Storrs, vào nhìn ông lần cuối cùng rồi bước ra, bảo : « Đứng đối diện với cái vẻ đẹp đó, tôi tự thấy xấu hổ. »

Có người bảo đó là một vụ tự tử chứ không phải là một tai nạn. Không biết thuyết đó có đúng hay không ; chỉ biết rằng từ khi giải ngũ, ông lúc nào cũng ủ rũ thường than thở :

— « Tôi thoát khỏi chính trị rồi, tôi thoát khỏi phương Đông rồi, và tôi thoát khỏi những cái gì về tinh thần rồi ! Hỡi Chúa ! con thấy mệt quá ! con chỉ muốn nằm dài ra thôi, con chỉ muốn ngủ, muốn chết thôi. Không có gì sướng bằng chết vì không còn bị người khác đánh thức nữa ! »

— Tôi luôn mong mỏi rằng cái màn bi kịch của tôi hạ xuống sớm sớm cho. Tôi có cảm tưởng rằng đã sắp đến lúc nó hạ rồi.

Thực là rõ ràng : ông luôn bị nỗi hối hận là đã vô tình lừa gạt dân tộc A-Rập, nó ám ảnh ông suốt trong mười lăm năm ; ông tự hành hạ tâm thân đến cực độ để chuộc tội đó mà không được, mà tội đó thực ra là về chính phủ Anh chứ không phải về ông. Có người chê ông là điên, tôi cho rằng lương tâm của ông ngay thẳng một cách tuyệt đối, và cái khổ của ông là ở đó.

Sống cô độc, ông mất cũng cô độc, không có người thân ở chung quanh : thân mẫu cùng anh ông đương du lịch trên sông Dương Tử Giang ở Trung Hoa, còn các bạn thiết thì ở xa.

Những câu thơ này thực đúng với thâm cảnh của ông quá :

..... *I have sought*

*For a home that is not gained
I have spent, yet nothing bought
Have laboured but not attained*

(... Tôi đã kiếm

Một ngôi nhà mà tìm không ra

Tôi đã tiêu nhiều mà không được gì cả,
Tôi đã khó nhọc mà không đạt được
mục đích)

Viên sếp cũ của ông ở *Arabia Office*, nghĩ tới công của ông với tổ quốc, đề nghị với chính quyền chôn ông vô điện Westminster, bên cạnh những danh tướng như Nelson, những danh nhân như Newton. Nội các Anh không chấp thuận vì không biết ông tự tử hay chết do tai nạn, và không để ông nằm chung với các danh tướng hay các danh sĩ.

Sau cùng người ta chôn ông trong một nghĩa địa nhỏ. Tôn trọng ý muốn của ông, trên mộ ông người ta chỉ ghi có ba hàng chữ này :

T. E. Lawreuce

Cựu sinh viên trường All Souls,
Oxford

16-8-1888 — 19-5-1935

Tới khi chết, ông không thêm nhận một chức tước nào của Anh Hoàng.

Nhưng chính phủ cũng đúc cho ông một bức tượng bán thân và trong buổi lễ dựng tượng, Halifax đại diện cho chính quyền đọc một bài diễn văn trong đó có đoạn :

« Tôi chắc rằng chân Lawrence có một bản năng tôn giáo rất thâm thúy nó làm cơ sở cho hành vi của ông.. rằng ông nhiệt liệt (...) muốn thỏa mãn được lòng thèm khát một chân lý tối cao ».

Các báo chí ngoại quốc đều ca tụng ông, một nhà cầm quân mà có tâm hồn nghệ sĩ nghĩa là có những thắc mắc, những đau khổ, những mâu thuẫn gần như thác loạn.

Tạp chí *Revue des deux mondes* viết:

— « Nhà trí thức mạo hiểm đó đã không ham danh, ham lợi, sống một cách khắc khổ; làm vẻ vang cho dân tộc Anh, đáng cho ta kính phục. »

Louis Gillet khen :

— « Nhờ hoạt động, ông đã làm cho cả xứ Ả Rập nổi dậy. Trong hai năm, lúc ẩn lúc hiện, cầm đầu một nhóm người Ả-Rập, vùng vẫy khắp nơi trên một mặt trận dài hai ngàn cây sò, ông đã làm tê liệt ba đội quân Thổ (...) Ông là một người khắc khổ, thật vọng » (...) « ông đã tìm thấy cách thực hiện một uy quyền vô biên trong sự hy sinh triệt để. »

André Malraux cũng ngưỡng mộ ông :

« Ông có đức khiêm tốn, tự hạ (...) ông ghét tư sản, tiền bạc; liêm khiết đến cái mức nhân từ, và có ý niệm rõ ràng về tội lỗi của mình, (...) ông đòi cái tuyệt đối, bản tính thích sự khắc khổ (...) Cái tuyệt đối đó là một tổng hợp hoàn toàn của hoạt động và tư tưởng. »

Tất cả những lời khen đó chắc không an ủi hương hồn ông bằng hành vi cảm động và nhã nhặn này của một người kính mến ông. Trên chiếc giường gỗ của ông, một bàn tay nào đã đặt một bó hồng, có ý nhắc lại mấy câu thơ mà ông đã ngâm trong khi ông bị tụt Thổ bắt giam ở Deraa :

*For Lord I was free of all Thy flowers,
but I chose the World's Sad roses,
And that is why my feet are torn and
mine eyes are blind with sweet.*

(Vi, Thưa Chúa, con được tự do lựa tất cả những bông hoa của Chúa nhưng con đã lựa những bông hồng ú rũ trên đời. Vì vậy mà chân con mới dẫm máu và mắt con mới mờ vì mủ hôi.

Ông đã lựa những bông hồng gai góc là phải lắm. Ông đã khinh cái danh-sau-khi-chết thì cái danh-sau-khi-chết đã tìm lại ông. Trong lịch sử cận đại của Âu Mỹ tôi chưa thấy chính trị gia nào biết tôn trọng đức *Tin* bằng ông mà trong lịch sử của nhân loại tôi cũng chưa thấy ai chịu cực nhục, đau khổ vì chữ *Tin* như ông. Giữa cái thời mà các nhà cầm quyền nuốt lời một cách trắng tráo với bạn đồng minh của mình, với những dân tộc bảo hộ của mình, có khi cả với dân chúng của mình nữa, thì Lawrence đáng được lưu danh trang lịch sử của Thê giới.

Ông có nói : « Ở một nơi nào đó, có một cái Tuyệt đối, chỉ có nó là quan trọng thôi : mà tôi tìm nó không ra. Do đó tôi có cảm tưởng rằng tôi sống không có mục đích ».

Không, đời ông không phải là sống không có mục đích, ông đã tìm ra được một cái Tuyệt đối rồi đây, cái Tuyệt đối trong chữ *Tin*, và như vậy ông đáng đứng chung với các hiền triết thời xưa của Trung Hoa.

Từ hồi ông mất đến nay, xã hội, nhất là trong trường chính trị, còn có nhiều xảo trá hơn hồi ông còn sống nữa. Vụ Anh, Pháp, Israel âm mưu với nhau để mưu diệt Ai Cập khi Nasser quốc hữu hóa kinh Suez làm cho cả thế giới ghê tởm bọn chính khách phương Tây. Một số thanh niên trí thức Âu Mỹ bắt bẻ về những đàn anh của họ, không chịu nhận « những giấy bạc giả » nữa, không ngoan ngoãn để cho họ dùng thủ đoạn mà đưa nhân loại tới những cuộc chém giết nhau nữa, không chịu đóng cái vai « chứng nhân thất vọng » nữa, mà phản đối, đòi được quyền xây dựng một xã hội « sạch sẽ » hơn, bọn thanh niên đó chắc hiểu Lawrence và coi ông như một tấm gương, một vị anh hùng thân yêu của mình. Tôi nghe nói một hãng phim Âu hay Mỹ đã đưa đời của ông lên màn ảnh. Thực là hợp thời mà cũng là một hành động có ý nghĩa cảnh cáo hạng người căm vận mạng của nhân loại !

NGUYỄN HIỀN LÊ

Tài liệu rút trong :

T.E. Lawrence (Gallimard).

Lawrence d'Arabie — F. Armitage (Payot).

Lawrence d'Arabie (Benoist Méchin — Clairefontaine).

Ibn Séoud : Benoist Méchin (Albin Michel).

Le Colonel Lawrence — Béraud Villars. (Albin Michel).

★ Tôi không thấy trong đời cái gì vĩ đại hơn sự độc ác và sự ngu si.

(Paul Léautaud.)

hôm nay, ngàn sau

Ngàn năm sau khi trái đất hãy còn
Xin gió nhớ qua rừng ru chim ngủ
Từ ghềnh thác sẽ hồng lên hơi thở
Của giếng đá vàng thời buổi chiến chinh



Hồn các anh khi đó rất lênh đênh
Cánh vừa mọc nhưng Thiên Đàng đã mất
Ai sẽ nhớ ngày xưa trên trái đất
Chuyện đau thương làm đỏ cả núi rừng ?
Hàng triệu người ghi súng trấn biên cương
Một buổi sáng kia máu hồng trên cỏ...



Hỡi những kẻ đang vui trong thành phố
Xin ra đây nhìn hơi thở giếng nói
Những lời buồn còn thoi thóp trên môi
Vàng trắng rộng ngấm đen màu sương gió...



Vai nặng trĩu ba lô đầy thương nhớ
Từng đưa con trai gục chết trong rừng
Bỏ lại đằng sau tất cả mùa xuân
Ai sẽ khóc tiếc Anh bằng nước mắt ?
Ai sẽ đến giáo đường ngày chủ nhật
Gọi tên Anh nhỏ nhỏ trước bàn thờ ?
Ai sẽ buồn cho đến nỗi ngẩn ngơ
Khi với tuổi anh hồng loang lửa đỏ...
Hỡi những kẻ đang vui trong thành phố
Xin ra đây nhìn bằng hữu các người...



Ngàn năm sau khi Trái đất còn tươi
Các anh đã biến thành loài chim quý
Chim sẽ hát những lời ca ủy mị
Như nhớ chuyện buồn thời buổi chiến chinh...

ĐẠI HỌC HUẾ TRANH ĐẤU CHỐNG CHẾ ĐỘ CŨ

*qua hai giờ nói chuyện
với giáo sư LÊ-TUYÊN*

★ NGUYỄN-NGU-Ĩ

L.T.S. — Ông Lê-Tuyên là một trong những người đầu tiên đã từ ngoại quốc về để cùng linh mục Cao-Văn-Luật xây dựng viện Đại-học Huế. Ông phụ trách môn Việt - văn, đồng thời cũng là tác - giả quyển « Chính phụ ngâm, tâm thức lãng mạn của kẻ lưu đày », một tập thơ và có chân trong nhóm Bát Việt.

Ông là một trong những vị giáo sư hướng ứng phong trào giáo-sư và sinh viên Đại-học chống chế độ cũ. Cuộc đàm thoại sau đây giữa bạn Nguyễn-Ngu-Ĩ và ông Lê-Tuyên, như dịp ông về Sài-Gòn để họp Hội-dồng Nhân-sĩ, sẽ trình bày cùng bạn đọc những nét chính của cuộc tranh đấu nói trên.

LẦN đầu gặp anh ở nhà một người bạn chung, tôi không ngờ người vui vẻ bắt tay mình là người mình muốn gặp. Tôi chờ đợi một thân thể gầy gò, hay một gương mặt xanh xao, hoặc đôi mắt lơ đãng, mệt mỏi : hơn hai tháng trường nằm trong bàn tay sắt của công an mật vụ Ngô-Đình, một trong những người đã từng hướng dẫn phong-trào giáo sư Đại học và sinh viên, học sinh Huế chống lại chế độ cũ đang hối hăng máu, mà vẫn giữ được

cái vẻ thư sinh với sắc diện hồng hào, ánh mắt vui cười sau gương trắng, thì quả là một điều ngạc-nhiên thích thú. Mặc dầu hai tháng đã trôi qua...

Như đoán được ý nghĩ tôi, anh mở lời trước :

— Tôi bị mất tự do bảy mươi ba ngày, nhưng không bị tra tấn, nên nay mới được như thế này.

— Nhưng mà tinh thần anh, họ nào có để yên đâu !

Anh cười, lặng lẽ. Tôi tiếp :

— Lâm khi thể xác mình bị xác xơ, nhưng rồi sức khỏe hồi phục dễ dàng ; còn như tinh thần bị dày vò, nhiều lúc bên ngoài có vẻ như chẳng sao đâu, mà bên trong mình vẫn chưa được bình thường.

« Chắc anh hiện ở trong tình trạng đó »

Anh xác nhận bằng một cái gật đầu nhẹ.

— Tôi thấy con người tôi chưa được bình thường như trước, tuy tôi được về với gia đình, với xã-hội đã trên hai tháng.

— Cũng trên hai tháng nay, anh em chúng tôi muốn tiếp xúc thân mật với anh, để nhờ anh mà hiểu đầu đuôi phong trào giáo sư, sinh viên Đại học Huế chống đối với chánh phủ trước. Vì nếu sinh viên và học sinh Sài-Gòn tiếp tục và kết thúc phong trào chống lại bạo quyền, thì cái danh dự giương cao lá cờ chống đối, vốn là phần sinh viên và học sinh Huế, trong đó có thể nói các anh em giáo sư Đại học là linh hồn. Cách tổ chức, những kinh nghiệm cùng các biện cớ từ ngày phong trào nhen nhúm đến khi bị đàn áp, rã tan . . . chúng tôi nghĩ rằng người Việt nào cũng muốn biết. Vẫn biết anh là người trong cuộc, nói ra làm sao tránh khỏi cái « tôi », điều người trí thức nào cũng kỵ. Nhưng nếu người trong cuộc mãi giữ im lặng, thì dư luận ắt là phải nghe tiếng nói của những người ngoài cuộc, thế nào cũng thiếu sót, nếu chẳng phải sai lầm.

Thầy anh ra chiều nghĩ ngợi, tôi lại tiếp :

— Hẳn anh cũng thấy, chúng ta đang ở trong một thời kỳ chưa ổn định. Bây giờ, chúng ta ngồi đây, thông thả chuyện trò ; ai biết ngày mai sẽ dành cho chúng ta những cái bất ngờ gì. Và lại, chúng ta từng khó chịu — và lắm khi tủi hổ — phải tìm hiểu những gì xảy ra ở nước mình, hay cách mình mấy bước, qua đài phát thanh, qua báo chí, qua bản tin nước ngoài ! Chẳng lẽ anh lại nỡ để chúng tôi phải chờ người ngoại quốc cho biết sự thật về vụ này, khi nào họ muốn !

Tôi đây, anh vòng tay ôm lấy hai đầu gối, chăm rãi nói :

— Các anh hiểu cho. Sở dĩ tôi lẩn lữa, là vì tôi đã hành động với một số anh em. Cần hội ý với nhau trước để xét xem có nên hay không. Nếu anh em thấy lúc này có thể nói, thì tôi có tiếc gì với Bách.Khoa.

Thế là đành phải chờ anh vào hộp (1) khóa sau này.

Lần này, thì anh « được phép » nói. Và chính tôi lại lúng túng, không biết nên hỏi về giáo sư trước hay về sinh viên trước ! Anh thì sẵn sàng « chịu đựng ». May sao một câu hỏi ổn thỏa vụt đến :

— Chẳng hay cuộc tranh đấu của giáo sư và của sinh viên xảy ra đồng thời hay nó . . . so le ?

(1) Anh có chấu trong Hội-đồng Nhân-sĩ.

— Đồng thời, và bên trong, có cả một chương trình hành động.

— Hai bên chắc có một sự lãnh đạo chung ?

— Lãnh đạo chung thì không có, nhưng hai bên thường liên lạc với nhau để biết phải làm gì và để hành động ăn khớp với nhau.

— Phong trào nổi dậy nhưn cuộc đàn áp tín đồ Phật giáo trong ngày Phật đản (2), song âm ỉ từ lâu ?

— Âm ỉ thì chẳng riêng gì viện Đại học Huế. Anh nhớ lại không khi trong nước lúc bấy giờ, đâu cũng ngột thở. Cốc nước đã đầy, vụ đàn áp trắng trợn và vô nhưn đạo trên kia là giọt nước cuối cùng làm cho nước phải tràn ra. Chúng tôi ở ngay tại chỗ, thấy tận mắt, nghe tận tai, nên công phần trước. Tôi có thể nói rằng, ngày lịch sử ấy tại Huế, quần chúng thế nào, thì sinh viên, giáo sư thế ấy !

— Nghĩa là máu nóng sôi lên, và không còn sợ gì nữa ?

Anh mỉm cười, rồi nói :

— Tôi xin kể lại đầu đuôi. Chiều ngày 7 tháng 5 — tức 14 tháng 4 ta — tôi đang dùng cơm với cha Luận, thì nghe tin Chánh phủ ra lệnh cấm treo cờ Phật trong dịp Phật đản. Tôi rất đỗi ngạc nhiên, linh tính báo có điều gì khác thường ; cha Luận cũng sửng sốt. Đến 9 giờ tối, thì lại được tin ông tỉnh trưởng Thừa-Thiên nhượng bộ và mai — ngày Phật đản — chùa chiền, nhà cửa của Phật giáo đồ được treo cờ. Ai này tưởng thế là yên. Nào ngờ sáng

hôm sau, sự thật lại khác. Thế là dân chúng tự động biểu tình, rồi cuộc biểu tình biến thành mất tính. Những gì đã xảy ra trong ngày Phật đản, hẳn các anh đã rõ, báo chí đã thuật lại, nhất là thiên hồi kí của thượng tọa Thích-Trí-Quang. Tôi chỉ kể đôi chi tiết nhỏ anh nghe. Đêm rằm ấy, 9 giờ, quân đội xịt nước rồi bắn vào đám đông đang tụ tập trước đài phát thanh. Ông tỉnh trưởng đã đích thân ra (vì lúc bấy giờ, ông và thượng tọa Thích-Trí-Quang đang ở trong đài) yêu cầu ngưng xịt nước và ngưng bắn, bộ đội chẳng thêm đêm xía...

— Như thế, là đã có lệnh trên rồi. Nhưng ai ra lệnh ấy ? Ông Cẩn, ông Thục ? Hay ông Nhu, ông Diệm ?

-- Đến giờ, tôi cũng chưa biết rõ. Đạn bắn qua trường Đại học, đối diện với đài phát thanh, làm bể mấy tấm cửa gương, hiện nay vẫn còn để làm chứng. Sáng lại, xe đạp và guốc, giép vớt, bỏ ở trước đài phát thanh nhiều đến đôi Chánh quyền phải cho mấy xe cam nhông đến để thu dọn.

— Sáng hôm sau, anh có đến thăm ông Luận ?

— Có. Lúc 7 giờ. Bàn về vụ rắc rối đêm qua, cha cho là do Việt-cộng liệng plastic gây nên. Nhưng đến trưa, thì theo tin riêng của phái bộ viện trợ quân sự Hoa-Kì cho biết, họ đã lượm được

(2) Rằm tháng 4 năm quí mão (chằm ngày thứ tư 8 tháng 5-1963).

những quai lựu đạn, đã đục tường dài phát thanh để lấy đạn bắn ghim vào đó, những thức ấy là loại vũ khí do Hoa-Kì viện trợ. Bởi vậy họ điện về tòa đại sứ ở Sài Gòn xác nhận rằng chính những quân nhân được điều để động đân áp cuộc biểu tình đến đó đã gây ra cuộc đổ máu, chứ chẳng phải Cộng sản. Họ lại nhấn mạnh thứ lựu đạn đưa ra sử dụng là lựu đạn tự vệ, chứ không phải lựu đạn tấn công.

— Có gì khác nhau giữa hai thứ lựu đạn này ?

— Lựu đạn tự vệ mạnh hơn lựu đạn tấn công.

Im lặng một hồi, tôi mới hỏi tiếp:

— Thái độ đầu tiên của các anh chắc là dè dặt..

— Phải nói là : rất dè dặt. Vì thấy Chánh quyền chưa tỏ gì gọi là nhượng bộ. Khiến đại úy Minh báo cáo về văn phòng ông cố vấn Chánh trị, đại khái : « Tại trí thức Huế không có phản ứng gì cả ».

— Nhưng lúc đó, các anh nghĩ sao ?

— Chúng tôi bàn riêng với nhau : lần này, Chánh quyền không giải quyết ổn thỏa, thì Chánh phủ chết đến nơi. Đòi đi vài người có trách nhiệm trong vụ này ; trừng trị nặng vài người gây cuộc đổ máu. Đừng để kéo dài. Dân chúng sẽ phản ứng mạnh, thì tức nước vỡ bờ. Đa số đồng bào dù không phải là Phật tử, nhưng không bằng lòng Chánh phủ từ lâu, nay gặp dịp, tất nhiên họ sẽ đứng vào một

mặt trận với các Phật tử để tranh đầu..

— Tôi nhớ dường như lúc gay cấn nhất, ông Cao-Văn-Luận đi Mĩ thì phải.

Anh gạt đầu :

— Cha từ già Huệ đứng vào hôm có cuộc biểu tình vĩ đại của Phật giáo. Có trên bảy vạn người. Đó là ngày thứ sáu, 10 tháng 5.

— Thề thì ai trông nom viện Đại học khi ông viện trưởng vắng mặt ?

— Anh Lê-Văn xử lí thường vụ, nhưng lúc cha Luận đi, anh Văn đang bận việc ở Sài Gòn, nên cha nhờ anh Lê-Văn-Diệm, khoa trưởng Văn khoa, coi giùm công việc trường. Cha viện trưởng đi hôm trước, thì hôm sau, chúng tôi được giấy mời đến chùa Từ-Đàm vào lúc 6 giờ chiều hôm ấy để nghe trình bày đơn phương về vụ đáng tiếc vừa xảy ra. Giấy mời từng người, nên chúng tôi dễ định đoạt. Ai muốn đi thì đi, ai không muốn đi thì tùy.

— Thề thì như thế giới, giới giáo sư các anh cũng chia làm hai phe !

— Phe đã « dẫn thân » (engagé) thì mượn công xa — xe của Viện — mà đi, để tỏ rằng việc mình làm tỏ rõ như ban ngày ; còn phe ngán ngại, thì ở nhà hay đi cửa Thuận nghỉ mát !

— Phe này có nhiều không anh ?

— Độ mười người.

— Buổi trình bày đơn phương

ở chùa Từ-Dàm ngày 11 tháng 5 này, có dân chúng không?

— Không. Chỉ có giáo-sư, học-sinh và sinh viên.

— Chắc là thượng-tọa Thích-Trí-Quang đứng lên trình bày.

— Phải. Ông giải thích năm nguyện vọng, và cho rằng Phật-giáo đòi hỏi thế chẳng có gì là quá đáng. Cử tọa đồng ý cho rằng đòi hỏi như vậy là điều chánh đáng.

— Chắc là sau đó, tên các anh em đi dự bị ghi vào sổ đen.

— Chẳng những thế, mà sau đó, ông Cần cho gọi một anh, trách : lên đó làm chi để Phật-giáo họ lợi dụng sự có mặt của các giáo sư Đại-học mà tuyên truyền. Anh bạn nọ trả lời trôi chảy : bởi có giấy mời, chớ nào phải tự động ; và lại chánh quyền cũng chẳng cấm người đến nghe.

« Nhưng tình hình mỗi ngày mỗi thêm nghiêm trọng. Chánh-phủ chưa tỏ đâu gì là nhượng bộ, mà có vẻ « hoãn binh ».

Anh ngưng nói, nhớ một điều gì :

— Tôi muốn nói với anh : trước kia, anh em giáo sư Đại học Huế đã chặn đứng lại ngưỡng cửa Đại học những gì của vợ chồng Nhu. Bất cứ tổ chức gì định lợi dụng giáo sư, sinh viên, là chúng tôi tìm mọi cách « mời » nó ra xa. Như tổ chức « Thanh niên Cộng hòa » là một, tổ chức « Phụ nữ bán quân-sự » là hai, và « Tổng hội giáo-giới » là ba.

— Nhưng còn trại Giáo dục ở

Suối Lồ-Ồ vào khoảng tháng sáu ?

— Lúc đầu, chúng tôi định phản đối trại này một cách thụ động :

« Không tham dự.

« Nhưng vài anh em ngại không đi, tức là ra mặt chống đối rồi, thì càng bị đề ý, khó mà hoạt động, chỉ bằng một số ở nhà, một số đi. Như thế, Chánh quyền chẳng bắt bẻ vào đâu được. Đi để nghe ngóng, để hiểu thái độ anh em ở Sài-gòn, cũng có cái lợi. Ý kiến này được chấp thuận. Một số lớn đi Lồ-Ồ, một số nhỏ ở lại Huế. »

— Anh ở lại ?

— Tự nhiên là tôi ở lại. Tôi cần có mặt ở Huế hơn là ở Lồ-Ồ. Và chính trong thời gian các bạn dự trại, ở Huế có cuộc biểu tình tuần hành lớn. Và chính trong cuộc biểu tình, người ta thấy xuất hiện đoàn sinh viên Phật tử. Và đoàn sinh-viên này gọi bản kiến nghị đầu tiên cho Tổng-thống, yêu cầu thực thi bản thông cáo chung. Chánh quyền có ý làm khó dễ viện Đại học về vụ này, chúng tôi phản đối ngay, vì họ đi biểu tình, họ viết kiến-nghị, không phải với tư cách sinh viên suông, mà là với danh nghĩa sinh viên Phật tử, một việc làm không còn thuộc phạm vi viện Đại học.

« Khi cuộc biểu tình vừa xảy ra, tôi có đánh điện vào anh em ở Suối Lồ-Ồ, nên anh em đã có thái độ sẵn. Bởi vậy trong một buổi họp, khi một vị theo phe chánh-quyền yêu cầu tất cả giáo sư Đại

học thông qua một bản tuyên ngôn đã được soạn sẵn lên án hành động của sinh viên Huệ, thì, một giáo sư Huệ lập tức đứng lên phản đối là anh em ở xa, không thể biết việc làm của sinh viên ngoài ấy đúng hay là sai, mà vội lên án được. Lập trường của anh em giáo sư ở Huệ được đa số bạn đồng nghiệp ở Sài Gòn ủng hộ. Khi bỏ phiếu để lấy quyết định của hội nghị, tuy thắng « phe địch » có hai lá thăm, nhưng anh em Huệ cũng tự hào rằng mình đã thắng trong ván đấu.

« Không khí nặng nề càng đè nặng lên Huệ. Chùa chiến bị canh gác. Ai lên chùa Từ-Đàm, đều bị khám xét.

« Trọn tháng bảy, chúng tôi chỉ liên lạc với nhau để nhận định cho rõ ràng tình hình hầu có một quyết định hành động. Chúng tôi phải tỏ ra hết sức thận trọng ; những cơn mất của Công an, Mật vụ đã hướng về phía chúng tôi.

« Nhưng bước qua tháng tám, là phong trào bột phát.

« Sinh viên Phật tử bắt đầu lên tiếng than phiền : « Thời thế như thế này, mà các thầy còn ngồi yên ».

Tôi cười :

— May mà họ mới trách móc nhẹ nhẹ, chứ chưa nặng lời mạt sát !

— Ấy cũng nhờ họ hiểu chúng tôi. Anh em chúng tôi đã ôn tồn nói với họ : « Không phải các thầy lãnh đạm, thờ ơ. Nhưng các em là Phật tử, còn các thầy không phải người theo đạo Phật hết. Các thầy

ở Đại học, các thầy chờ một sự kiện đặc biệt liên quan với Đại học, các thầy sẽ lên tiếng. Mà sự kiện kia thế nào cũng xảy ra. Chẳng phải các thầy tròn trách nhiệm. Nhưng giờ các thầy chưa điếm... »

« Nói thế, song thầy các em học sinh, sinh viên bị bắt bớ, bị tra tấn, mà vẫn âm thầm hoạt động, chúng tôi cũng thấy khó chịu. Ngày nào, chúng tôi cũng họp. Chúng tôi có đặt vấn đề với cha Luận. Cha Luận thì chủ trương ôn hòa : ta không làm, thì thiên hạ cũng làm ; chế độ này không thể tồn tại lâu ; chúng ta làm gì bây giờ cũng sẽ bị đối phương chúng ta — Cộng sản — lợi dụng để khai thác.

« Nhóm đầu não không chịu. Họ thấy cần tỏ thái độ mình ngay.

« Ngày 14 tháng 8, nhân một chú tiểu chùa Phước-Duyên tự thiếu (đêm 12 rạng 13), chúng tôi họp bàn với nhau, đặt vấn đề : nói thẳng với linh mục viện trưởng. Rồi vụ một người thợ mộc chùa Từ-Đàm bị ám sát bí mật...

Tôi ngắt lời anh :

— Chúng tôi ở trong này chưa biết việc này. Chẳng hay người thợ mộc ấy có làm gì...

— Người thợ ấy lãnh việc treo biểu ngữ cho nhà chùa. Một khuya nọ, có người kêu cửa, anh ra là bị bắn chết.

— Và chẳng tìm ra thủ phạm !

— Chúng tôi xét rằng mình không thể kéo dài thái độ đợi chờ nữa. Bên chánh quyền ngày càng nghi

ngờ, mà bên sinh viên đã bắt đầu lộ vẻ khinh khi. Tôi với anh Trường bèn đến nhà riêng cha viện trưởng xin từ chức. Cha không nhận, buồn ra mặt, yêu cầu chúng tôi đợi ít ngày, vì từ chức ngay bây giờ không lợi.

« Thi ngày hôm sau, 15 tháng 8, nhân lễ Đức Bà, học sinh và sinh viên biểu tình. Chính quyền thả chó dữ đàn áp, có cuộc xô xát, và một số sinh viên bị bắt. Tình trạng căng thẳng quá rồi. Ngay chiều hôm đó, sinh viên Phật tử cử một phái đoàn đến yết kiến linh mục viện trưởng, với hai yêu sách :

1 — Cha viện trưởng và giáo sư Đại học phải tỏ rõ thái độ của người trí thức ;

2. — Cha viện trưởng và các khoa trưởng can thiệp ngay với chánh quyền để các sinh viên bị bắt được trả lại tự do.

Về yêu sách thứ nhì, nếu không được chấp thuận, thì ngay chiều hôm sau, sẽ có một sinh viên tự thiêu trước viện hay trước chùa Diệu-Đề.

— Thề linh mục Luận «đổi phỏ» ra sao ?

— Cha đã rơi lệ. Vì con người Đạo và con người Đời xung đột quyết liệt trong cha, không thể dung hòa được nữa.

« Cha triệu tập hội đồng khoa-trưởng và giám đốc lại. Chúng tôi tường thuật những sự việc đã xảy ra và sau cùng cha Viện trưởng nhận lãnh trách nhiệm can thiệp

với chính quyền để trả lại tự do cho tất cả sinh viên Phật tử bị bắt giam.

« Trong khi đó, Phật giáo càng tranh đấu mãnh liệt — trong sự bất bạo động. 4 giờ rưỡi khuya ngày 16 tháng 8, chùa Từ-Đàm đã chuẩn bị xong cho đại đức Thích-Tiểu-Diêu châm ngòi lửa vào người. Chánh quyền đổi phỏ bằng cách thiết quân luật vào lúc 6 giờ sáng. Xe tăng ở ngã tư đường, rào thép gai đây, đó. »

— Thề các anh cũng... đổi phỏ chớ ?

— May thay, cơ hội đến đúng lúc. Sáng ngày ấy, có cuộc thi, về Văn chương Việt-Nam, do tôi chịu trách nhiệm. Tôi nhắn, bảo sinh viên đừng thi, vì sinh viên ở ngoại ô không đến được, thi, là gây thêm một sự bất công. Các em nghe lời tôi. Tôi bèn nhờ cha Luận điện thoại cho ông đại biểu Chánh phủ, xin phép hoãn cuộc thi. Tự nhiên là người thay mặt chánh quyền này cho phép ngay.

« Lúc ấy vào khoảng 8 giờ, chúng tôi — 5 anh em — họp nhau ở ngoài hành lang...

— Sao các anh không họp ở trong phòng lại đứng ở ngoài hành lang?

— Vì chúng tôi được biết An ninh quân đội đã móc thêm dây đặc biệt vào điện thoại ở viện, nói gì ở phòng họp đều bị người ta biết cả !

« Chúng tôi cùng đồng ý ở điếm

chánh quyền họ Ngô đã để lộ bộ mặt tàn bạo, vô nhân đạo của họ rồi, thì chẳng nên chần chờ gì nữa. Người sống tay không, họ cho xe tăng cán bừa lên, lệnh huy đạn át xít vào đám học sinh, sinh viên; người chết tự thiêu, họ cướp xác chôn vùi ở đâu không ai biết, hoặc xin họ cái hòm để chôn cho kịp. họ cũng không cho. Tàn bạo với người sống, vô nhân đạo với người chết. Không thể tiếp tay cho một chế độ phi nhân như thế. Nhưng muốn tranh đấu có hiệu quả nhiều, phải làm một người dân thường; chứ còn bị ràng buộc bởi những chức tước, địa vị, thì vướng bận lắm. Phải cùng nhau xin từ chức ngay. Nhưng sau đó, ông tổng thư kí viện Đại học cho hay rằng linh mục viện trưởng vừa đi Đà-Nẵng, ông không có quyền nhận sự từ chức của chúng tôi, vậy chúng tôi hãy chờ cha Luận sẽ về ngay chiều hôm ấy. Chúng tôi liền yêu cầu ông tổng thư kí ghi vào nhật kí của viện để làm bằng, rằng vào ngày đó, giờ đó, chúng tôi có đến xin viện trưởng từ chức.

Chiều hôm đó, ông bộ trưởng bộ Quốc gia Giáo dục ra Huế cùng với ông Trần Hữu-Thê, tân viện trưởng. Hai ông ở Sài Gòn ra lúc 5 giờ, thì 7 giờ, cha Luận hay tin mình bị cách chức, nhờ ông Thê báo tin riêng nên anh Hanh, khoa trưởng Khoa học, cũng biết, nhưng vì lúc đó nhằm giờ thiết quân luật, anh chỉ có thể cho những người ở cùng một khu với

anh hay được thôi.

Hôm sau, 17 tháng 8, lúc 6 giờ, tôi được anh Nguyễn-Văn-Thạch cho biết tin. Chúng tôi kéo đến nhà cha Luận. Được biết 9 giờ, làm lễ bàn giao, chúng vội vã họp nhau lại ở nhà anh bác sĩ Quyền để phác họa chương trình, sẽ cho «bom nổ» cùng một lúc: cha Luận vừa hết nhiệm vụ, là chúng tôi lần lượt từ chức, để anh cao niên nhất mở đầu, rồi theo thứ tự tuổi lớn, nhỏ. Cần cho ngoại quốc biết tin sốt dẻo này ngay. Anh em giao tôi việc thảo thông cáo. Tôi thảo xong đọc lên, anh em đồng ý, bèn đánh máy rồi cho người mang trao cho đại diện đài VOA, Associated Press và UPI.

— Xin anh cho biết nội dung bản thông cáo ấy.

— Chúng tôi xin từ chức khoa trưởng, giáo sư Đại học vì bị ba xúc động liên tiếp: Chánh phủ đàn áp Phật giáo — Chánh phủ không thực thi bản cam kết với Phật giáo — Chánh phủ cách chức viện trưởng Cao-Văn-Luận.

— Thẻ «âm mưu» của các anh có được hai ông Trình, Thê biết trước buổi họp không?

— Không. Tất cả khoa trưởng, giáo sư đều đủ mặt. Ông Trình nói ít lời, đọc sắc lệnh bỏ ông Thê đảm nhiệm chức viện trưởng thay cha Luận. Rồi cha Luận đứng lên, nói rằng cha sung sướng mà thấy ngày mong đợi đã đến, vì vai trò người viện trưởng rất quan trọng, nặng

nề, nhất là viện Đại học Huế đang ở thời xây dựng. Cha là người tu hành, không thể kéo dài công việc ngoài đời mãi được. Hơn nữa, không khi nào cha cho mình là người không thể thay thế được. Và cha đọc một câu của Valéry :

« Les cimetières sont remplis de gens irremplaçables ». (3).

Cha Luận nói tiếp : cha nghĩ rằng Văn Hóa lúc nào cũng trường tồn, nhưng đôi khi nó bị Chánh-trị lãnh đạo. Vậy, muốn làm việc đắc lực cho Văn hóa lúc này đây, người lãnh đạo viện Đại-học phải là người có cái « thể » chánh trị. Tưởng không ai hơn ông tân viện trưởng. Ông Trần-Hữu-Thê là người « có thể » hơn ai hết : ông có cái thể của Tổng-thống, tức là cái thể của Chánh-phủ ; lại có cái thể của tổng giám - mục Huế, tức là cái thể của mấy trăm ngàn giáo dân. Từ trung-ương đến địa phương, từ đời qua đạo, ở đâu ông Thê cũng có thể cả, thì chắc rằng viện Đại học Huế sẽ có một tương lai vô cùng tốt đẹp, và hơn hẳn quá khứ đi rồi . . .

— Hẳn là mặt ông Thê lúc đó xám xịt ?

— Anh đoán sai. Mặt ông ấy xanh ngắt. Rồi cha cảm ơn các vị giáo-sư, và yêu cầu chúng tôi cộng tác với tân viện trưởng, tận tình như đã cộng tác với cha.

— Đến phiên ông Thê, chắc ông cũng tìm cách « trá đũa » ông Luận ?

— Đại khái ông Thê cho biết

ông đã cố gắng xây dựng Đại học Huế ngay từ khi ông còn là n bộ-trưởng. Bằng cách tỏ ra rất dễ dãi về mặt thể thức hành chánh, để cho cha Luận mọi tự do hành động, lắm khi cha Luận trực tiếp với Tổng thống mà không qua ông theo hệ thống dưới, trên, nhưng ông không lấy thể làm buồn, hiểu rằng cho Luận sờ dĩ làm thể vì quá thiết tha với viện, muốn cho công việc được mau chóng. Ông chỉ đảm nhiệm chức vụ này trong một thời gian thôi, trong giai đoạn chuyển tiếp, vì ông phải trở về với chức vụ đại sứ tại Phi-Luật-Tân của ông.

— Ông tân viện trưởng dứt lời, chắc cứ tọa vô tay như thông lệ.

— Không ai vô tay cả.

— Cả ông bộ trưởng ?

— Cả ông bộ trưởng cũng không buồn vô tay. Ông Thê vừa ngồi xuống trong im lặng, thì bác - sĩ Lê - Khắc - Quyền, người lớn tuổi nhất, khoa trưởng Y-khoa, đứng lên xin từ chức, nhưng trái với bản thông cáo gởi cho các đài ngoại-quốc, anh chỉ nói : vì xúc động bởi việc cách chức cha Luận. Rồi đến anh Bùi-Trần-Huân, khoa-trưởng Luật-khoa, anh Tôn - Thất - Hanh, khoa-trưởng Khoa-học, anh Nguyễn Văn-Trường, giám đốc ban Khoa-học Đại-học Sư-phạm.

Anh Lê-Văn-Diệm thấy anh em

(3) Nghĩa địa đầy những kẻ cho mình không ai thay thế được.

đồng lòng như thế, bèn tìm một lời ra khác, là xin ông bộ trưởng cho du học ngoại-quốc một năm ! Đến tối, tôi đưa ra hai lẽ : một là vì tôi là học trò của cha Luận, cha Luận gọi về cộng tác, tôi mới về ; hai là ở trong tình trạng này, tôi ở lại đây, không làm gì được.

« Đến đây, ông Trình không cho ai nói nữa, viện lí do : đây là lễ bàn giao giữa hai ông tân, cựu viện trưởng. Các giáo sư có muốn từ chức, xin nói sau với ông viện-trưởng mới.

— Thế ông đại biểu chánh-phủ chẳng nói gì sao ?

— Sao lại không, anh. Ông Khương nói với về hăm dọa tề-nhị. Ông bảo rằng chúng tôi không vì quyền lợi cá nhân mà về Huế (Huế kém quyền rữ, quyền lợi vật chất không nhiều), thì khi đưa ý-kiến từ chức, hẳn là chúng tôi muốn xa Huế lâu dài vậy.

— Tôi hiểu lời hăm dọa tề-nhị ấy rồi. Muốn xa Huế lâu dài, tức là muốn bị đày ra miền quan tài như chàng Giang-Châu tư mã đời Đường, hay muốn bị nhốt dưới một hầm bí mật nào của cậu Cẩn. Chắc các anh cũng có lời gì với vị đại diện chính quyền ấy ?

— Có. Nhưng mà thẳng thắn, hiến lảnh Anh Nguyễn-Hữu-Trí đáp lại : chúng tôi về Huế, là để phục vụ cho viện Đại-học Huế, nay xét không thể phục vụ được như ý, thì xin từ chức. Chờ ở lại, mà chẳng làm gì được, thì chẳng hóa

ra phụ người mà cũng phụ mình. Còn như phải xa Huế là việc đã đành.

« Ông Trình vội vàng tuyên bố bề mặt buổi lễ bàn giao.

« Chúng tôi đưa bản thông cáo cho một số anh em, được 27 người kí ; sau đó, số người lên đến 45. Một phái đoàn được cử đến tòa lãnh sự Mỹ để cho hay rằng công việc đã xong xuôi. Ở đây, họ đã dịch tờ thông cáo của chúng tôi rồi, và hỏi chúng tôi có định rút lại đơn từ chức không. Chúng tôi trả lời không, chỉ trừ khi nào Chính phủ giải quyết êm đẹp đời với Phật giáo, sinh viên, cha Luận.

Ngay sau đó, vào lúc 10 giờ 10 phút ông Thê nhờ anh Hanh đưa lên thăm chùa Từ-Đàm. Gặp lúc dân chúng lên chiêm ngưỡng Xá-Lợi của đại đức Tiểu-Điêu, người đông như thác. Ông Thê mặt tỉnh thần. Trở về, lại được nghe bản thông cáo của chúng tôi. Ông thấy mình bị cô lập, nên lên về Sài-Gòn tức khắc. (lúc 10g.30)

Ngay hôm đó, lúc 11 giờ, chúng tôi đến thăm cha Luận. Cha cho biết sắp đi Đà-Nẵng, để rồi đi Sài-Gòn. Chúng tôi khuyên cha hãy ở lại Đà-Nẵng. Để chúng tôi tiện bề liên lạc. Có gì thì bàn tính với nhau trước khi định thái độ.

« Chiều ngày 17, sinh viên biểu tình. Chúng tôi có đưa ý cho anh em, tách cuộc tranh đấu này ra ngoài cuộc tranh đấu Phật giáo. Anh chị em biểu tình là để phản đối

Chính phủ cách chức cha Luận, do đó đa số các giáo sư phải từ chức. Mục đích là để yêu cầu cha Luận và các giáo sư ở lại. Tuyệt nhiên không nói gì đến vấn đề Phật giáo cả.

— Như thế là các anh đặt Chính phủ đứng trước hai vấn đề rắc rối cả hai!

— Có phải thế không, anh. Gom lại một, thì ít, thì yếu. Tách ra làm hai: sinh viên Phật tử tranh đầu để bảo vệ Phật pháp, tất cả sinh viên tranh đầu để giữ lại viện trường và giáo sư — thì làm khó dễ Chánh quyền thêm!

(còn tiếp)

NGUYỄN-NGU-I

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BAO-HIỂM

17-19, Đại lộ Hàm-Nghê — SAIGON

Điện-thoại 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tơ-Ng

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tính

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh: PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

VĂN NGHỆ TIỀN PHONG

Xuân Giáp Thìn



- LỊCH VÀ BÌA BÁO ĐẸP HƠN NĂM NGOÀI
- BÀI VỞ HAY HƠN NĂM NGOÀI PHÁT HÀNH VÀO TRUNG TUẦN THÁNG CHẠP ÂM LỊCH

Bài Thơ Tuổi Nhỏ

Gửi về Bình-Sơn

Hồi đó ở Châu-Ỗ,
Hai đứa mình còn nhỏ.
Em học ở trường làng,
Anh đã sang trường Phủ.

Trường anh học hai buổi.
Trường em nghỉ buổi chiều
Mỗi lần nghe trống bãi
Em chờ anh thả diều.

Diều bay lên mây xanh.
Em nheo mắt nhìn anh,
Chúng ta vui nhảy-nhót
Như đôi chim trên cành.

Rồi em sang trường Phủ,
Rồi anh ra Kinh-thành.
Kinh-thành xa vạn dặm
Trông về mây núi xanh.

Tiếp mấy năm chinh-chiến
Chúng mình đành xa nhau
Đời dập-dồn tai biến
Mong chỉ ngày gặp nhau !

Đêm nào trên gác trọ,
Thương thân mình lẻ-loi,
Viết bài thơ tuổi nhỏ.
Anh nhớ em phương trời.

Chiến tranh đánh cướp hết
Cướp em và tuổi thơ.
Cánh diều xưa bạt gió.
Bay về đâu bây giờ !

Một ngày ngưng tiếng súng.
Trời giạt về cố-hương
Tình cờ qua bạn cũ.
Gặp em đang bông con.

Chào em bằng chị nhé ?
Lòng anh bỗng ngậm ngùi.
Con em ngày mỗi lớn.
Anh thành người... xa-xôi...

Ngày mai anh lại đi
Lang thang đường phố vắng
Bóng anh ngã xuống đường
Tan trong chiều tắt nắng.

VŨ-HUYỄN-BANG
(Thơ Múa ly-lạc)

TUỔI TRẺ HÔM NAY

Thơ MẠC-LY-CHÂU

Ánh sáng đã xom từ những bàn tay mẹ hiền

Tạo thành ngọc được thiêng thề kỷ

Lửa rừng rực dưới bầu trời Nam Mỹ

Bén sang rừng thâm Phi Châu

Từ bờ sông Danube, Hungary đốt chiến xa tàn bạo

Đền Sài-gòn chói lợi đêm thâu

Ánh sáng đã tỏa ra từ những bàn tay mẹ hiền

Những đứa con ngộ nghịch đã biết cúi đầu nghe lời căn dặn

Và chúng đã hiên ngang đứng lên

Với những ánh sáng từ những bàn tay mẹ hiền

Chúng thấp đầu soi trên đường phố

Chúng hò hét cho hả niềm phẫn nộ

Cho người người đến nghe

Cho nhà nhà đều biết

Cho những người anh người em bên này bờ sông bên kia dãy núi

Tới những người anh người em khắp mặt địa cầu

« Chúng tôi còn đây, chúng tôi chưa chết

« Những Quách-Thị-Trang, những Mai-Tuyết-An dũng liệt

« Và lịch-sử còn đây, còn những bốn nghìn năm

Ánh sáng đã bùng lên từ những bàn tay mẹ hiền

Nung nấu muôn bầu tim non trẻ

Những biểu ngữ ghi bằng máu lệ

Phấn phật bay che kín bầu trời

Ủ trong lòng bóng cờ lau vạn thẳng

Chúng đã lên đường viết lại sử xanh

Mặc cho tù đầy, đàn áp

Cuốn cuộn nguồn dâng sóng ngọc đô-thành

Ánh sáng đã lan ra từ những bàn tay mẹ hiền

Và bình minh đã chớm !

Thơ Nguyễn Thị Hoàng

MẮT

Nhạc trầm qua liếng mưa bay
Vội em tình cũ tháng ngày vọng âm
Cần mới đừng tiếng kêu thẳm
Về đâu rồi những mùa xuân cuộc đời.

TIẾNG

Lênh đên tiếng hát kinh cầu
ăn năn cò thụ cúi đầu ngẩn ngơ
trên cao tháp cũ nhà thờ
hồi chuông tưởng niệm bao giờ còn vang
dang em khuất nẻo thiên đàng
tôi về gói chiếc trăng tàn khuya nay.

GỌI

HOANG

MANG

Trong cơn chân gối rã rời
Im nghe từng chuyến xe đời đi qua
Và từng chân bước dần xa
Tưởng như mình đã bao giờ vui chôn
Ung thư lở lói tám hồn
Vết thương thân thể rữa mòn tâm tư
Vườn đời đã nhuộm màu thu
Chim thanh thoi hót trong mù sớm nay
Thuyền neo mãi bến sông này
Không ai về giữa vòng tay mỗi mòn
Chiều xa gõ nhịp vào hồn
Rạc rời vỏ ngựa neo mòn hoang vu
Vang vang tiếng hát già lơ
Thiên đường Địa Ngục tôi giờ đi đâu

NGUYỄN THỊ HOÀNG

(Sưu tập đàm mê)

NGƯỜI THỨ BA

TỪ ngày Phú đau, Long đến thăm lần này là lần thứ hai. Anh không ngờ bệnh Phú có thể phát triển đến mức trầm trọng nhanh như vậy. Lần đầu tiên đến thăm Phú cách đây chừng nửa tháng. Phú còn ngồi tiếp anh ở giường. Vẻ mặt có vẻ xanh xao hốc hác nhưng Phú còn mời anh một điều thuốc và chính Phú cũng tự tay châm thuốc, hít từng hơi khói ngon lành. Hai người bạn còn trao đổi với nhau những tin tức xa gần về tình hình thế giới, tình hình trong nước. Khi bắt tay già từ, Long chúc Phú chóng bình phục và Phú tươi cười nhận lời chúc. Không ngờ hôm nay đến thăm thì Phú chỉ nằm ẹp trên giường, nằm dán sát xuống nệm như không còn chiều dày nữa. Một cái chăn mỏng đắp ngang thân mình. Đầu đặt nghiêng trên gối. Treo ở đỉnh màn là một chai serum được nối liền bằng một dây cao su vào mũi tiêm cắm phủng vào da đùi. Serum chảy rất chậm làm phồng

màng da nơi mũi tiêm. Nhìn phương pháp trị liệu rắc rối, tự nhiên Long thấy choáng váng : bệnh tình Phú đã trầm trọng như vậy sao ? Anh đứng yên ở đầu giường. Nguyệt, vợ Phú, cắt tiếng nói khẽ vào tai chồng :

— Anh Long đến thăm mình.

Phú chỉ gật đầu. Vừa lúc ấy chị sen bưng lên một ly mà anh đoán là nước cam, trong có cắm một ống hút. Nguyệt đưa tay đón lấy rồi nâng đầu chồng vừa đặt một đầu ống hút vào miệng. Mức nước ở ly rơi đi rất chậm. Chợt Phú sặc lên mấy tiếng. Nguyệt vội vã bỏ ly nước ra rồi bằng cả hai tay vuốt ngực cho chồng. Tiếng ho sặc nhẹ như tiếng nấc của một đứa trẻ. Khi Phú nằm im trở lại, nàng lấy khăn lau miệng chồng rồi cầm khăn khe khẽ chấm vào mắt. Có lẽ Phú đã khóc nhưng vì đứng ở sau thành giường Long không nhìn thấy Nga chạm nước mắt nhiều lần như vậy.

Từ nãy giờ Nguyệt chỉ nhìn anh

có một lần khi anh bước vào nhà. Vì bận lo lắng cho chồng, điều ấy đúng rồi, nhưng Long còn nghĩ rằng có lẽ vì nàng tự thấy mình tiểu tụy. Chưa bao giờ anh gặp Nguyệt trong một bộ quần áo nhàu nát như hôm nay. Tóc không chải kỹ, lòa xòa trước trán. Da mặt xanh mướt và mắt không sâu xuống. Môi không thoa son, nhợt nhạt.

Đưa con gái của Nguyệt lên bốn tuổi bước lại gần giường. Nó đưa bàn tay bụ bẫm lên cầm tay ba. Nguyệt nói :

— Con xuống nhà chơi với chị Sen. Để ba nghỉ.

— Sao ba cứ nghĩ hoài rứa ?

Giọng Huế nhẹ nhẹ thốt ra từ đôi môi nhỏ nghe ngộ nghĩnh như tiếng nói riêng của búp bê. Nguyệt không trả lời con, với tay lấy ly nước cam rồi lại đặt một đầu ống hút vào miệng chồng. Long đưa mắt nhìn cảnh âu yếm đó mà xót xa nghĩ đến thân phận mình. Anh cũng có đau bệnh nhiều bạn nhưng chỉ tự mình săn sóc cho mình. Người ở của anh chỉ biết nấu cháo và pha sữa. Nếu cần ăn cam thì cũng tự tay anh bóc vỏ lấy. Tiêm thuốc đã có người y-tá. Lại thật, thế mà không hiểu sao anh đã lành bệnh được. Có ai đón trước ý muốn của anh để chiều đãi anh như thế kia đâu ? Ai chọn bác sĩ, ai chọn thức ăn, ai đoán là anh đang lạnh, đang nóng để mà tùy nghi đắp chăn hay vặn quạt ? Khi đau nặng sợ chết anh cũng có khóc đôi lần, nhưng rồi cũng phải tự mình đưa tay áo lên

lau nước mắt. Thế mà anh vẫn sống được, lạ thật ! Có nhìn cách Nguyệt săn sóc chồng anh mới chợt thấy rằng anh đã sống liêu lĩnh mà không biết « Đáng lẽ mình đã phải chết từ lâu rồi, từ lâu rồi ». Ý nghĩ này lại làm anh xót xa thương cho thân phận mình nhất là vì Nguyệt, chính Nguyệt, sinh ra để săn sóc âu yếm anh chứ đâu phải để săn sóc Phú ? Đáng lẽ anh và Nguyệt đã cưới nhau nếu không có Phú chen vào. Phú là người tình địch của anh, người tình địch thẳng trợn. Phú có địa vị hơn anh nên gia đình Nguyệt chọn Phú. Như mọi người con gái Huế khác, Nguyệt chỉ khóc. Và nói với người yêu chiến bại :

— « Em không bao giờ quên anh »

Ồ, một người con trai cho dù mới hai mươi lăm tuổi cũng đâu có dễ tin ở một lời hứa hẹn không bảo đảm như vậy. Nhưng vì không có cách nào khác, anh đành tạm nhận lời an ủi đó và nói lại, không quả quyết lắm :

— « Anh cũng thế ».

Nguyệt lấy chồng vào mùa Hè. Hai cây phượng trước cổng nhà nàng hoa nở đầy cành trông xa như những cánh tay quàu quại dưới sức nặng của những lễ vật màu đỏ. Chúng như cùng vào hùa với gia đình Nguyệt để ửng bưng đón mừng ngày cưới. Long ghét những cây phượng từ đó. Ngày xưa khi yêu nhau, hai người thường đi dưới bóng phượng. Phượng và Ve thì ở Huế không thiếu. Nhìn những xác phượng rơi đầy ở sân một ngôi

trường vắng lặng giữa mùa nghỉ hè, cả hai cùng nghỉ đến xác pháo của ngày cưới. Ngày cưới của hai người, cổ nhiên, vì con đường đi đến Hạnh-Phúc bằng phẳng, rộng rãi, nhiều bóng mát như con đường Phan-Chu-Trinh trên đó hai người đang chầm chậm đi. Thế mà Phú đã hiện đến, bất ngờ. Và Phú được chọn là người ở lại.

Ngày cưới Nguyệt, Long đáp tàu lửa bỏ thành phố. Anh tránh nghe tiếng pháo, tránh chứng kiến một cuộc rước dâu long trọng. Con tàu lủi lủi chạy và đôi đường sắt sau đuôi tàu như kéo dài theo mãi nỗi buồn không dứt của anh. Đôi đường sắt vẫn nối anh với Huế như tâm hồn anh vẫn nối liền với Nguyệt bằng những ý nghĩ vừa mãnh liệt vừa nhọc nhằn. Anh thấy lại Nguyệt dưới mọi khuôn mặt. Nững nịu âu yếm khi anh bế tặng nàng một đóa ngọc - lan có con sâu nằm nấp dưới đài hoa. Rạng rỡ tươi vui khi nàng vươn hai tay chèo thuyền thoi lướt vùn vụt trên sông An-cựu. Mơ mộng êm đềm khi ngồi bên anh nàng phác họa những dự tính tương lai. Tàu đi sâu vào đêm tối. Đến đây anh có cảm tưởng mình bị cắt đứt dĩ vãng. Đêm tối là hình ảnh của cuộc đời mà anh đang đi tới. Ở Huế như chỉ có ban ngày với hoa phượng, với nắng, với tình yêu.

Tàu qua Đèo Cả vào mười hai giờ khuya. Long đau đớn nghĩ rằng giờ này là giờ hợp坎. Nguyệt nằm trong cánh tay của Phú, kết thúc giai đoạn hạnh phúc, mà anh

đã bắt đầu. Anh sẽ ít đau khổ nếu Phú là một người lạ anh không hề biết. Đằng này không, Phú là bạn học của anh. Biết quá rõ về một người bạn để phải tưởng tượng rằng Nguyệt nằm trong tay người bạn ấy, anh thấy Định Mệnh đối với mình tàn ác. Anh muốn thét to lên, phản nộ, nhưng sợ ngượng không dám. Anh nghĩ : nếu mình nhảy ra khung cửa toa, lao mình xuống triển núi để cho nát tan khỏi óc, nơi đó những hình ảnh tưởng tượng cứ hiện ra, nối tiếp một cách tàn nhẫn. Nhưng anh vẫn ngồi im lặng. Sách vở bảo rằng tự tử là hèn nhát. Khi tàu dừng lại ở ga Ninh-hòa, anh thở dài tự nói với mình :

— Thực tế thì phải có can đảm lắm mới tự tử được.

Thành thật mà nói thì sau đó anh đã quên được Nguyệt. Anh yêu vẫn vợ người này người khác. Tình yêu như một món ăn. Chớ ai bảo rằng họ chỉ ăn được một món này mà nhất thiết không thể ăn món kia. Chỉ khi nào tâm hồn cô đơn, khi một tình yêu cũ chầm dứt mà chưa có tình yêu mới bắt đầu. Khi làm ăn thất bại... là anh nhớ tới Nguyệt để mong tìm một hình ảnh êm đềm mà an ủi.

Hai năm sau anh trở về thăm Huế. Cảnh vẫn như xưa, nhân nại trong sự bất biến. Dòng sông vẫn trôi lặng lẽ, những mái tóc vẫn chảy dài trên vai áo những cô gái : Long bắt gặp tâm hồn mình yêu thương man mát, buồn vui

nhẹ nhàng như hai năm trước. Nhìn lại cảnh cũ, anh quên mất hiện tại. Những kỷ niệm êm đềm ngày xưa như có năng lực xóa mòn những cạnh góc gồ ghề nơi tâm hồn anh hôm nay. Anh tìm thăm Nguyệt. Phải chọn một giờ mà anh tin chắc là Phú đi làm vắng. Người u già ra mở cổng. Anh vào ngồi ở xa-lông đợi, sau khi nói tên mình cho u già. Mười phút sau cửa phòng mở. Không phải Nguyệt đi ra mừng rỡ chào anh mà Nguyệt nằm trên giường. Khuôn mặt nàng quá trắng trên đó đôi mắt đen trông càng thêm đen. Môi nhợt hé một nụ cười. Tóc xõa trên gối. Nguyệt nói :

— Anh lại ngồi cái ghế xa-lông này cho em nhìn rõ mặt anh. Em không đi ra được. Em vừa sinh được một tuần. U già ơi, vén cao hộ cái màn cho tôi.

Long đối ghê xa lông. Bức màn đã vén cao, anh nhìn thấy một cái nôi nhỏ đặt ở góc phòng. Bên cạnh là cái bàn thấp trên sắp rất nhiều lon, lọ thủy tinh, chai sữa, bình thủy. Một tấm chăn hoa trải trên người Nguyệt. Nguyệt nói :

— Hai năm rồi, chóng quá. Anh vẫn không thay đổi. Chỉ có em...

Nàng im lặng. Long thấy đôi mắt nàng sáng long lanh và liến đố hai giọt nước mắt lăn trên gò má.

— ... Em tìm địa chỉ anh để viết thư cho anh nhưng hỏi không ra. Em biết anh giận em lắm. Nhưng em làm gì được ? Em chỉ biết nhớ anh và cầu mong cho anh gặp một người yêu đẹp hơn em.

Giỏi hơn em. Anh đã cưới vợ chưa.

— Chưa.

Long phải dang háng to mới nói được một tiếng « chưa » ngọt ngạt.

— Anh có giận em nhiều lắm không ?

— Có.

Nguyệt khóc thành tiếng.

— Phải. Thà anh nói thật như thế để em yên tâm. Người con gái nào cũng phụ tình khi đi lấy chồng.

Long loay hoay sắp sửa đứng dậy. Nguyệt Nga vội nói :

— Anh đi sao ? Hai năm đằng đẳng mới gặp, anh ngồi với em thêm một lát. Anh có việc gì bận không ?

— Không.

Long lắc đầu.

— Vậy anh ngồi với em cho đến mười một giờ. Anh bây giờ hơi đen hơn xưa một chút. Công việc làm ăn của anh ra thế nào ?

— Tâm thường. Chắc thua xa chồng em.

— Anh đừng mĩa mai em tội nghiệp. Em thật lòng với anh mà.

Long cũng tự thấy mình tàn nhẫn. Anh chọn một câu nói êm đềm hơn :

— Anh vẫn mong em được sống trong hạnh phúc.

— Thực tế thì không được như vậy đâu. Nhưng mà thôi, mỗi người có một số mệnh.

Khi Long đứng dậy cáo từ, Nguyệt nói :

— Anh cho em biết địa chỉ của anh.

— 54 Nguyễn-Trung-Trực Saigon.
Nguyệt gật đầu :

— Em nhớ rồi. Sờ nhà của anh gặp đôi sờ nhà của em.

Long bước ra đèn hiên thì Nguyệt gọi giật lại :

— Anh ơi.

Long bước vào, đứng đợi nàng hỏi nhưng nàng chỉ nhìn chăm chăm mà không nói. Một lát nàng bảo :

— Thôi, anh đi. Nhớ viết thư cho em.

Bức thư trao đổi sau đó, tuy vậy, do Nguyệt viết. Nàng có mặc cảm rằng mình phạm lỗi nên thư viết rất thiết tha. Long trả lời ngắn hơn vì tự ái, nhưng trong thâm tâm anh vẫn tính nhăm mong ngày thư của nàng đến. Anh cũng tham lam về tình cảm như mọi người khác. Dù vô vọng cũng muốn được yêu. Và lại có gì đáng gọi là vô vọng đâu ? Cuộc đời dành cho con người nhiều sự bất ngờ. Một ngẫu nhiên nhỏ có thể định đoạt trở lại một cuộc dàn xếp tưởng như là bất di dịch. Long chỉ nghĩ vẩn vơ đến đó rồi thôi. Cuộc đời bận rộn vì công việc mưu sinh, anh chỉ dành chừng hai giờ mỗi khi có thư Nguyệt đến để đọc thư và viết thư trả lời. Cho đến một ngày cách đây nửa năm, bỗng nhiên Phú được lệnh dời vào Saigon. Hai người đàn ông gặp nhau, vui vẻ một cách cố gắng. Họ thỉnh thoảng rủ nhau đi dạo phố, mời mọc nhau ăn uống.

Cả hai cùng dùng nhiều tiếng cười, nhiều lời pha trò ồn ào để cố đánh tan tiếng nói của sự bất bình âm-lời lòng họ. Cả hai đều muốn tỏ ra độ lượng. Dần dần quen đi, sự cố gắng không còn thấy khó khăn nữa. Họ gần trở về với thái độ bạn hữu vô tư ngày nhỏ thì chợt xảy ra căn bệnh hiểm nghèo của Phú hôm nay.

Long ái ngại nhìn bạn mình nằm thiếp đi. Trước hôm đau, Phú chạy lo giúp cho anh được hai sờ thầu quan trọng. Phú nói :

— Xong hai sờ này cậu phải nghỉ một thời gian để lo việc vợ con. Không có vợ trong nhà thì làm được bao nhiêu cậu tiêu vung hết bấy nhiêu.

Giọng Long trầm trầm :

— Moa cũng biết vậy.

— Đã biết vậy thì phải lo giải-quyết chứ.

— Nhưng giải quyết đâu phải dễ?

— Nhưng sao cậu lại cứ cho là khó ? Tôi đã giới thiệu cô Mỹ cho cậu, cậu đã bằng lòng thề mà cậu không chịu xúc tiền gì hết.

— Ừ thì moa bằng lòng, nhưng biết cô ấy có chịu không, ông cụ có chịu không ?

Phú « Xi » một tiếng, nhíu mày rồi gật đầu nói :

— Thôi, được rồi. Chủ nhật mình đến thưa dùm với ông cụ cho. Chủ nhật chưa đến thì Phú ngã ra bệnh.

Một người bạn đến báo tin « Phú đã mất hồi ba giờ khuya hôm qua ». Long bàng hoàng như vừa bị say sóng. Anh không ngờ rằng Phú có thể chết nhanh như vậy mặc dù vài hôm trước anh cũng đã từng nghĩ : « Nếu Phú chết ? » Tâm hồn anh như chao đi, bị tràn ngập trong khoảnh khắc bởi những cảm giác gì rất đời mơ hồ. Có phải đó là cảm giác buồn chẳng ? Không rõ ràng. Phải nói rằng đó là những cảm giác gì rất phức tạp mà anh sợ không dám phân tích rõ. Có len lỏi một chút gì bằng lòng chẳng ? Long lắc đầu cò xua đi cái ý nghĩ xấu xa vừa chớm nở đó. Không, anh phải buồn thành thật. Anh nhớ lại những cử chỉ tốt bụng Phú đã từng đối với anh. Phú thành thật và cởi mở. Phú không có ác ý. Phú vẫn coi anh là một người bạn và tìm mọi trường hợp để giúp anh. Riêng anh, anh phải tự khinh mình về những ý nghĩ thù hằn, ghen tị mà anh đã từng có. Đứng trước một người chết, lòng tự ái không có tiếng nói nữa. Đối với người đã già từ cuộc sống dề ra đi mãi mãi, giữ hết mọi ghét thương, âu lo mừng giận, anh thấy lòng thương tràn đầy. Phải, đến giờ này Phú không còn nữa. Phú bị xóa đi khỏi cuộc sống, Phú chỉ còn trong kỷ niệm, mơ hồ vừa có vừa không. Phú thất bại trong cuộc tranh đấu lớn, cuộc tranh đấu cuối cùng, tranh đấu với sự Chết. Nghĩ đến một ngày nào đó mình cũng sẽ cùng chung một số phận như thế, Long hết lòng thương người bạn chiến bại của mình.

Anh muốn đến thăm Nguyệt ngay để an ủi nàng và để giúp nàng một tay trong việc tang ma nhưng nghĩ đi nghĩ lại rồi thôi. Gặp lại Nguyệt trong giờ này thật không nên. Thật khó mà giữ được vẻ tự nhiên khi cả hai cùng cảm thấy quá khứ của hai người để hiện lên lẫn lộn với hiện tại. Anh muốn tôn trọng sự thuần khiết của niềm đau xót Nguyệt dành cho chồng. Anh đợi sang ngày hôm sau, khi đã phát tang mới mang lễ đến phúng viếng. Nguyệt và Phú có nhiều họ hàng ở Saigon nên anh không lo rằng Nguyệt sẽ lúng túng trong việc ma chay.

Khi anh đỗ xe bước vào nhà thì tiếng nhạc cử ai vang lên. Phường bát âm ngồi ở trước hiên gồm lúc nhúc những kèn, nhị và trống, anh hỏi họ không phân biệt được ai. Tiếng nhạc báo hiệu cho gia chủ biết rằng có khách đến viếng. Tức thì ở sau bức màn trắng lao xao có tiếng người di chuyển. Một người nhận lễ vật của anh đặt vào. Khay bưng để lên bàn thờ. Quan tài của Phú kê trên ngựa cao đặt giữa nhà. Vòng hoa dựng chung quanh. Trên tường treo la liệt liên đới, nét chữ màu đen buồn bã. Anh nhìn giây lâu chiếc quan tài đứng thì thê của bạn. Già từ tất cả những khuôn mặt người, những đồ vật quen thuộc và ánh sáng mặt trời. Phú đã đi vào màu đen của đời mù mịt nhảm, của nắp ván thiên đạ lại, rồi mai này và vĩnh viễn, của lòng đất âm-u. Giọng kèn, giọng nhị kẻ lẽ bên tai, nước nỏ sục sùi. Trước

mặt anh xè bên tay phải quan tài, Nguyệt ngồi bệt xuống đất để chuẩn bị đắp lễ. Áo tang trắng lụng thụng. Một cái khăn trắng đội lên đầu. Long chậm chậm cúi xuống lễ. Rập theo nhịp của anh, Nguyệt cũng thông thả cúi đầu lễ trả. Anh hồi hộp không dám nhìn Nguyệt. Anh cảm nghe bao nhiêu con mắt tò mò của lũ người đến xem đám đám vào sau lưng mình làm nóng cả tai và cổ. Lúc anh đứng dậy để bước ra khỏi chiều, Nguyệt tiến đến theo lễ để cảm tạ. Nàng nói gì anh không nghe rõ. Anh chỉ thoáng nhìn qua, chợt bắt gặp đôi mắt đen của nàng và dưới cái khăn trắng da mặt nàng trắng rục rỏ như sáng hẳn lên. Long bàng hoàng như mình vừa qua một giấc mơ ngắn. Màu da mặt ấy bên cạnh màu vải trắng kia chính là màu quen thuộc của Nguyệt khi nàng còn là học trò, mặc áo dài trắng và xõa tóc bên vai. Chính Nguyệt đã yêu anh với màu trắng đơn sơ ấy. Mấy năm nay anh toàn gặp nàng trong những hàng áo ni-lông màu hoa sặc sỡ khiến nàng vẫn gần anh mà không hiểu vì sao anh vẫn thấy cách xa. Nay đột nhiên thấy lại nàng mộc mạc như xưa, anh xúc động như mình vừa bắt gặp lại tuổi thơ của mình. Anh muốn hỏi lên : « Thẻ mà đã sáu năm rồi sao ? »

Nhưng tuổi thơ, có thật là mình bắt gặp lại được tuổi thơ đâu ? Đó chỉ là một ảo ảnh thoáng qua, anh chưa sót nghĩ. Thực tế thì sáu năm đã ghi lại những nét quá đậm trong tâm hồn của Nguyệt, của anh. Lấy gì

mà xóa đi được ? Tình yêu đâu còn hồn nhiên trong suốt ? Khi gặp trở ngại anh thấy mình yêu thật nhiều yêu đến độ mình sẵn sàng đập phăng tất cả để chinh phục tình yêu đó. Nay trở ngại đã mất thì anh lại bắt đầu lúng túng và hoài nghi. Có lẽ Nguyệt cũng nghi như anh vậy. Nhìn kỹ vào đôi mắt của nàng anh thấy có hai dòng nước mắt đang chảy từ từ xuống má. Đúng rồi, nàng đang hoài nghi như mình. Nàng đang xót xa nghĩ rằng nàng sắp nhận một nỗi khổ mới, nỗi khổ âm ỉ, khác xa với ý nghĩ của nàng trong một đoạn thư nàng viết cho anh, trước đây :

« — Được biết anh quen với
« Ngãi, em vui lắm. Ngãi là bạn
« học của em ở Đồng Khánh đó.
« Anh cưới Ngãi đi nhé. Rồi ngày
« Hè em sẽ vào thăm anh, thăm
« Ngãi. Bộ ba chúng ta sẽ đi phở,
« đi biển, tha hồ vui. Bộ ba ! Anh
« ơi, sao anh với em cứ phải đóng
« vai bộ ba mãi vậy anh ? Sao sỡ
« chúng ta lại khổ vậy ? Lúc nào
« giữa anh và em cũng có hoặc
« chồng em hoặc vợ anh. Sao sỡ
« chúng ta lại khổ vậy ? »

Hôm nay, một sự hiện diện bộ ba không còn nữa, nhưng không đơn giản như hai người từng nghĩ, thoáng trong một phút anh chợt nhận thấy giá trị không ngờ của nó. Khi đóng vai nạn nhân, Nguyệt và anh đều cảm thấy mình có giá trị nhiều hơn. Mặc dù bị trở ngại mà vẫn được yêu, điều ấy không phải dành cho mọi người bình thường. Có pha thêm một chút

đắng, vị ngọt của tình yêu mới làm cho người ta đam mê như khi đam mê hương vị của cà-phê. Từ hôm nay hai người đột nhiên rơi vào một mối tình dễ dàng lắm thường. Anh thấy mình nhẹ nhõm một cách chán ngắt khi không còn

phải vận dụng trí óc để đòi phở. Trước mắt anh không còn một đôi thù xứng đáng để cho anh phải gắng sức mà chỉ còn phảng phất một cái bóng, một cái bóng không mặt, không bao giờ mặt.

VÕ HỒNG

NHÀ XUẤT BẢN

HUỆ-MINH

CHUYÊN XUẤT BẢN TÁC PHẨM CỦA HỒ-HỮU-TƯỜNG

Sẽ lần lượt tái bản

Muốn hiểu chánh trị
Vấn đề dân tộc
Xã hội học nhập môn
Kinh tế học nhập môn
Lịch sử văn chương Việt-Nam. I
Phép nói và viết hỏi, ngã
Phi-Lạc sang Tàu *Ngàn năm một thuở I*
Thu-Hương *Gái nước Nam làm gì? I*
Chị Tập *Gái nước Nam làm gì? II*
Tam-Quốc chí, I (*dịch*)
Nỗi lòng thằng Hiệp
Quả trứng thần
Tương lai kinh tế Việt-Nam
Tương lai Văn-hóa Việt-Nam

Và sẽ lần lượt xuất bản :

Muốn làm chánh trị
Đối tượng của xã hội học
Nghề làm báo
Tội về ai
Kể thế
Thuốc trường sanh
Lá một mùa thu
Quỳnh-Dao
Vũ-Luân-Lan, gái thời loạn
Nợ tình thần
Phi-Lạc bốn Nga (*Ngàn năm một thuở, III*)
Mùa xuân chim Lạc
Con thần lẫn chọn nghiệp
Trăm tư của một người tội tử hình..

Cần gấp

Có người cần mua lại hoặc xin sao lại 3 tác phẩm này của **Hồ-Hữu-Tường** : *Kinh tế học nhập môn*, *Xã hội học nhập môn* (Tân-Việt, Hà-Nội, 1946) và *Vấn đề Dân tộc* (Minh-Đức, Hà-Nội, 1946) xin liên lạc với : NGUYỄN-NGU-Í.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES:

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOW'LOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chieu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chieu năm 1853,

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim

●
LUÂN - ĐÔN TÔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2

●
SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)

●
NAM - VANG CHI - CỤC

10, Phlaup Preah Kossamac

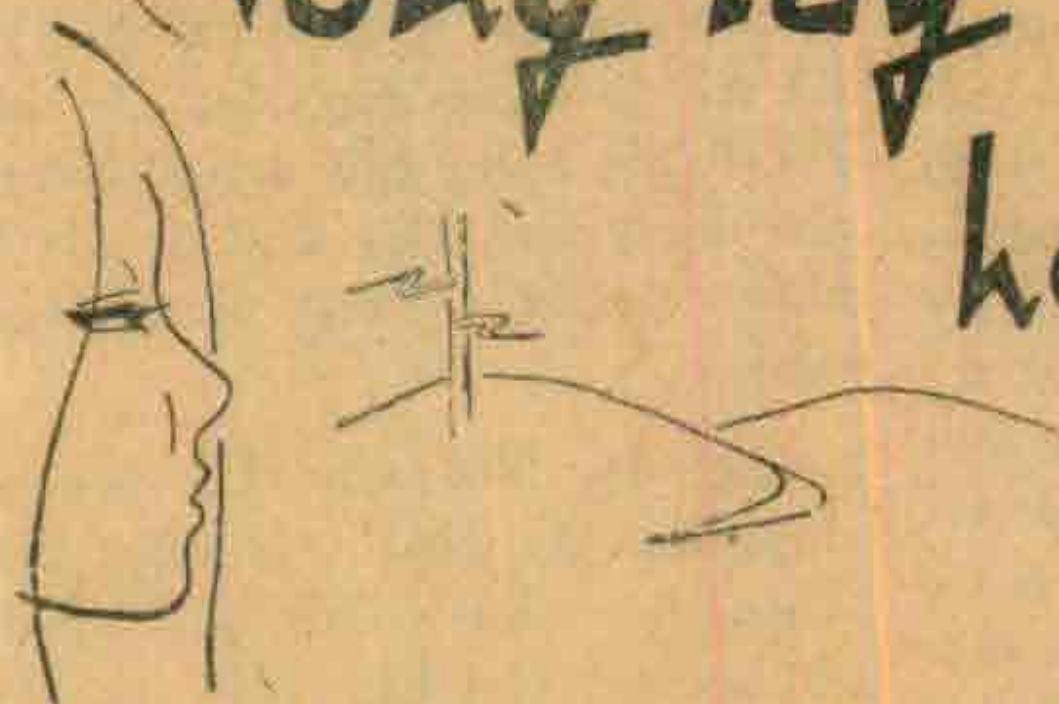
●
CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG

●
Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Vòng tay

học trò



Truyện dài

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

(xin xem từ BK 169)

III

TRÂM vừa ra khỏi khung cửa sau văn phòng, lũ học trò tùm năm tùm ba rải rác trên sân cỏ rùng rùng chạy về phía hành lang. Một thoáng, chúng đã biến mất vào lớp học gần thang lầu. Trâm chỉ nghe thấy chúng nó kêu « Cô Trâm, cô Trâm chúng mày ơi ! » Nàng nhìn lên dây lầu cao trên đời, phía những lớp học im lìm trống vắng chiều thứ năm, ngập ngừng một lát rồi theo lối đi lát xi-măng nối liền văn phòng giáo sư với những lớp học. Lối đi quen thuộc này, mỗi buổi sáng cùng đi với các cô bạn đồng nghiệp để đến lớp nàng không chú ý mấy. Hôm nay quanh sân không có những cặp mắt tò mò, những tiếng chào của lũ học trò, nhưng Trâm lại thấy bối rối và thoáng một chút lo âu. Vì hôm nay nàng phải « đương đầu » cả với lũ học trò đệ nhị cấp, lớn từng

ngồng, cao lênh khênh, không chỉ là lũ bé loắt choắt của đệ lục đệ ngũ nàng dạy hằng ngày : Chiều nay đến phiên Trâm coi cấm túc.

Gần đến bậc thềm lên hành lang, Trâm quay nhìn lại phía văn phòng định chờ Thế, gã giáo sư đồng nghiệp, để cùng vào lớp. Nhưng nhớ lại vẻ mặt nhản nhở và con mắt găm găm của hắn hay nhìn lên mình, nhớ lại chính chiều nay hắn dàn xếp với văn phòng để được cắt phiên xem cấm túc chung với mình, Trâm bực tức đi thẳng. Tiếng giày gót nhỏ của Trâm nhẹ nhàng vang lên trong hành lang vắng. Tiếng ồn ào trong lớp thưa dần rồi ngưng bật. Trâm dừng lại ngoài cửa để tìm một dáng điệu quả quyết cuối cùng rồi bước vào lớp. Tiếng sột soạt mạnh mẽ và bất ngờ của hàng

chục chân tay bật dậy cùng một lúc. Trâm có cảm tưởng đang đi đến trước một đoàn quân chỉnh tề hàng ngũ bằng súng chào một nhân vật cao cấp. Rồi tiếng hô nghiêm vừa đông đặc vừa có vẻ đùa bỡn của một thằng học trò cuối lớp vọng lên. Trâm nhìn rất nhanh xuống đám đông rồi bước lên bục gỗ. Mọi lần vào lớp, Trâm vẫn khoát tay và gạt đầu nhẹ nhẹ ra dấu cho học trò ngồi xuống. Nhưng bây giờ nàng chợt lúng túng. Không thể dùng cử chỉ thường lệ đó với những đứa học trò đầu trâu mặt ngựa to lớn thế này. Nhưng nếu dùng lời nói, lại rắc rối trong cách xưng hô. Trong đám học trò này, có đứa bằng Trâm, có đứa lớn hơn Trâm nữa về tuổi tác, nhân dáng mà biết đâu về kinh nghiệm sống nữa. (Học trò bây giờ, mới nứt mắt đã thuốc lá, cà phê, rượu trà, đàn bà nữa...) Tuy nó khoe khoang và hành diện về cái sớm biết của mình, ngang nhiên sống buông thả và bất chấp như một tay chơi sỏi đời thực thụ). Vậy Trâm không thể gọi chúng nó bằng « các em » như đối với bọn học trò nhỏ của nàng. Nhưng vì chúng không lớn hơn nàng bao nhiêu nên gọi bằng các anh có vẻ thân thiện và tăng bốc quá... Nhưng nhanh trí và vui tính, Trâm tìm ngay ra một lối khác, vừa giấu cợt vừa vô hại :

— Mời... các ngài ngồi xuống.

Những tay, chân lều nghều vất vớ xếp vào chỗ cũ. Một vài tiếng cười khúc khích lẫn với tiếng bàn tán suýt soát về Trâm, về thái độ và cách xưng hô vừa rồi. Một vài đứa chưa chịu ngồi, đứng phỗng ra như trời trồng nhìn đám đám lên Trâm.

Mấy thằng bạn bên cạnh phát và vai chúng nó :

— Ê, sừng mày, cấm túc gấp đôi đa !

Chờ cho quý vị an tọa xong, Trâm vất cái áo khoác lông trắng lên thành ghế rồi nhẹ nhàng ngồi xuống. Nàng có cảm tưởng như hàng chục cái máy ảnh nhắm vào tóc, vào mặt, vào thân hình mình.

Lúc đó, Thế vào. Cả lớp sắp đứng lên, hấn khoát tay bảo dừng. Thân hình loắt choắt gầy tép như cò hương của hấn lướt qua một các dây bàn. Rồi Thế trở lên, cẩn thận chậm rãi đặt vở sách ngay ngắn trước mặt Trâm. Hai tay chấp sau lưng, hấn đứng lom khom nhìn xuống lũ học trò ngông nghênh đang có vẻ bất cần sự hiện diện của hấn. Một giọng cuối lớp bất ngờ bật lên như cái pháo vừa châm ngòi :

— Thưa cô sao hôm nay phải hai giáo sư cấm túc ?

Trâm chưa kịp trả lời đã nghe Thế đáp phát :

— Hôm nay các cậu đồng

Có tiếng khác phản đối :

— Có khi còn đông hơn mà vẫn một giáo sư.

Thế im. Chúng nó xì xào cười nói. Trâm cũng đang cười thầm. Có lẽ chúng nó biết dụng ý của tên giáo sư chúng ác-cảm nhất. Bỗng nhiên Trâm mỉm cười phụ họa. Như vậy để chúng biết đối với nàng. Thế chẳng ra cái xơ múi gì cả.

Nhưng rồi Trâm trở lại công việc ngay. Nàng vờ nhường bàn giáo sư

cho Thử. Hấn lắc đầu đi lảng ra phía hành lang. Còn lại một mình, Trâm lâm vào tình trạng lúc đầu. Nàng kéo chiếc ghế ra xa bàn một tí, ngồi chênh chênh tránh nhìn thẳng xuống những cặp mắt chằm chằm nhìn lên. Trâm muốn khoác chiếc áo lông vào. Nhưng chiều chưa lạnh, cửa kính đóng kín, không khí trong phòng ẩm áp dễ chịu. Trâm lại ngồi yên và bút rút tiếc đã không mặc áo vào từ lúc ở nhà. Gần hai tháng đến dạy trường này, hôm nay là lần đầu tiên nàng không mặc áo len trước mặt học trò. Lần đầu tiên chúng trông thấy thân hình thật của nàng. Không có cái áo khoác ngoài, vẻ nghiêm trang già dặn cũng mất đi. Ở Trâm toát ra cái vẻ trẻ trung tươi mát của trái cây vừa chín, vẻ dịu dàng gọi cảm của người đàn bà trẻ con. Mái tóc đen mượt chảy bằng vắn thật cao, chiếc áo màu rêu đá bó sát thân hình thon nhỏ, đôi giày mule trắng gót nhỏ thanh thanh. Trâm biết lối phục sức đó không thích hợp với vai trò mình. Nhưng nàng không thể làm khác. Xoa dài mái tóc, mang guốc hay dép nàng còn có vẻ đơn sơ và bé bỏng hơn nữa. Phải làm cho rôm lên, cho già đi một tí. Nhưng còn nụ cười. Nụ cười thoáng qua đôi môi nhỏ đều hàng răng nở trắng qua đôi mắt đen kẻ đuôi vừa tinh nghịch vừa mơ màng. Trong cái lốt ấy Trâm có tác phong tài tử hơn là giáo sư. Tất cả tổ cáo cái vẻ đẹp trẻ trung non nớt và vui tươi không thể nào che giấu của một cô giáo nhỏ tuổi dạy trường con trai của nàng.

Chờ cho không khí bờ ngõ xa lạ giữa hai phe mất đi, Trâm mới dõ dẫm,

gọi tên những học trò bị cấm túc. Tiếng nàng vang lên mạnh, sắc rõ ràng và thản nhiên vô cùng. Từng đứa đứng lên, rồi ngồi xuống. Trật tự vãn hồi dần dần trong đám lâu la đầu trâu mặt ngựa phạm pháp với những trọng tội: Nghỉ học không xin phép, phá trật tự trong lớp, không đầy đủ nhiệm vụ trực.

Bỗng Trâm ngập ngừng lại ở một cái tên quen. Nàng gọi nhỏ hơn:

— Nguyễn-Duy-Minh.

Trâm đưa mắt nhìn xuống tìm kiếm và bắt gặp nó ở bàn thứ ba bên trái. Minh nhìn lên. Hai con mắt đen nhỏ bối rối một giây rồi cúi xuống mặt bàn. Nụ cười dè dặt, bờ ngõ còn đọng lại trên đôi môi hồng ướt. Trâm nhướn mày lên cao một tí tỏ dấu ngạc nhiên rồi dịu dàng mỉm cười để trấn tĩnh nó ngay. Nàng muốn hỏi: « Minh đó à? Em cũng bị cấm túc sao? » Nhưng nàng bỏ Minh bối rối ngồi xuống, kéo cây bút viết hí hoáy lung tung xuống tờ giấy trắng của thằng học trò ngồi cạnh, nàng gọi tiếp những tên khác.

Đọc xong bản « danh nhân » dài thượt hai ba trang chưa kịp lấy hơi, Trâm đã phải lảng nghe những tiếng lộn xộn dưới kia vọng lên:

— Thưa cô, thiếu tên em.

— Thưa cô, em đâu có bị phạt vì vô kỷ luật.

— Thưa cô... thưa cô...

Trâm gõ gõ cây bút máy xuống mặt bàn nghĩ thầm: « À, lũ quỷ bắt đầu làm loạn rồi đây. Phải cao tay ấn lại, để dài không xong rồi? »

Một vài đứa đi trễ mãi lúc ấy mới

vào vây quanh trước bàn nòng nọc phiếu đi phạt. Có đứa giả vờ quên không đem phiếu, nắn nót viết tên mình lên mảnh giấy, kiểm có để đứng án ngữ lâu hơn trước mặt nòng. Nhân cơ hội đó, những đứa không có việc gì cũng dùng dùng kéo lên vây gần kín bàn. Phần nhiều là những đứa lớn, đệ nhất, đệ nhị. Loạn, loạn thật rồi. Trâm lơ đã, cố thản nhiên, nhưng nòng cũng biết chúng nhìn mình chòng chọc và quan sát từng li từng tí cô giáo mới nhỏ bé mà lần đầu tiên chúng có dịp « nhìn tận mặt » như thế. Có tiếng sột soạt xê dịch không ngừng dưới các dây bàn ghế. Trâm đứng lên, bảo chúng nó về chỗ. Lúc nòng nhìn xuống đám học trò tinh quái đã tự động hoán vị từ bao giờ. Những đứa to đầu lên chiếm hết mấy bàn trên. Các chú nhóc con bị đàn anh đuổi xuống cuối lớp. Và những cái đầu cái vai, thân hình, tay chân to lớn kèn càng đó cứ xếp gọn vào chỗ ngồi chật chội của mình, cứ như lù lù vươn lên trước mặt Trâm, mỗi lúc một tiến gần về phía nòng. Trâm lại nghĩ thầm : « Quân lưu manh thật, để xem còn dờ dờ gì nữa đây ».

Trâm nhìn lại đồng hồ tay. Mười lăm phút sơ khởi trôi qua. Bây giờ phải vào cuộc. « Bất chúng làm cái gì để chúng nhận ra là đang bị phạt. Đi cấm túc mà phây phây như đi xem trình diễn văn nghệ không bằng. »

Trâm nghiêm giọng hỏi :

— Mấy lần trước, các ngài làm gì trong giờ cấm túc?

Một tiếng la ào lên như nước vỡ. Từng loạt câu trả lời náo loạn cả lên :

— Thưa cô, mấy giáo sư trước ác lắm . . .

— Thưa cô, hốt rác quanh trường

— Thưa cô, đẩy cỏ sân thể thao

— Thưa cô, chùi cửa kính

— Quét màng nhện

— Tổng vệ sinh . . .

Chờ chúng nó kể khai hết những hình phạt đó, Trâm ôn tồn nói :

— Giờ không phải mình tôi coi cấm túc, hỏi ý kiến thầy Thế nữa.

Thế lắng vắng ngoài hành lang nghe nhắc đến hấp tấp bước vào ;

— Tùy ý cô giáo, tôi miễn.

— Vậy tôi chia công tác cho chúng nó nhưng nhờ anh làm cảnh binh giữ trật tự giùm.

— Xin nhận.

Thế lại ra hành lang đứng nhìn vào cửa sổ, chờ bắt quân gian.

Trâm nhìn xuống những cặp mắt chờ đợi :

— Tôi không đủ kinh nghiệm và khả năng để chỉ huy các ngài trong những công tác vệ sinh đó. Nhưng các ngài đừng lo thất nghiệp. Chiều nay tôi xin đề nghị một chương trình hoạt động mới. Nhưng không hoàn toàn bắt buộc phải theo. Nếu các ngài phản đối, có thể tìm một giải pháp khác.

Cả lớp nhao nhao :

— Thưa cô tụi em đồng ý.

— Chưa biết trước mà đồng ý là ngốc, điên hay mạo hiểm không phải cách.

Chờ tràng cười của chúng dứt, Trâm tiếp :

— Hiện nay trường mình đang cổ động phong trào làm bích báo. Cuối năm sẽ chọn một số những bài xuất sắc của bích báo mỗi lớp để cho vào đạo san chung. Còn một tháng nữa mỗi lớp phải có một tờ bích báo. Sẽ có một ban giáo sư kiểm soát. Lớp nào thiếu tất nhiên sẽ lỗi thôi. Nhiều lớp đang hoạt động ráo riết. Tuy nhiên, số bài vở tôi được xem qua còn nghèo nàn. Vậy nhân dịp này tôi muốn các ngài dùng hai giờ cầm tức này để... sáng tác. Tôi sẽ góp bài lại, kiểm soát chọn lựa và lẽ tất nhiên mục gì hay sẽ cho vào báo. Ai bằng lòng, đưa tay lên.

Trừ một vài chú nhóc con ngơ ngẩn, cả lớp vội vàng hăng hái đưa tay trước lời đề nghị bất ngờ đó. Nhưng về hăng hái bỗng bột không suy tính đó nhụt xuống ngay. Nhưng nét mặt trở nên ngại ngẩn và từng cánh tay dần dần hạ thấp xuống.

— Thưa cô, không có giấy để viết.

— Thưa cô, không đủ thì giờ.

— Thưa cô, Không... có khả năng sáng tác.

— Em chót Việt văn.

Từng ấy tiếng nhao nhao lên một lúc. Trâm thông thả :

— Có người không đủ khả năng để viết thật. Nhưng cũng có thể thay thế, góp phần bằng vài mẫu chuyện vui cười, nhớ lại các danh ngôn, những mục sưu tầm khảo cứu nho nhỏ. Còn vấn đề thì giờ, không nên thắc mắc. Sáng tác, trừ những tác phẩm dài, không hẳn cần đến yếu tố thời gian.

Một bài thơ, một đoạn văn, một trang tùy bút, chỉ một thoáng là xong. Có khi ngồi nặn óc suốt ngày không ra một chữ, đó là trường hợp cạn đề tài và nhất là thiếu cảm hứng. Về chuyện thiếu giấy thì tôi sẽ giải quyết giùm.

Trâm dở quyển sổ dày năm trăm trang, giấy trắng nõn, bìa đen, gáy mạ chữ vàng đưa lên cho học trò xem :

— Ai cần giấy mời lên đây.

Một, hai, ba, đưa ; một hai ba bàn rồi tất cả chúng nó đập bàn đập ghế tuôn lên xin giấy. Hàng chục cánh tay vươn ra trước mặt Trâm, từng bàn tay mở sấn trên mặt bàn. Nhẹ nhàng, thoăn thoắt Trâm xé từng tờ giấy nõn nà phả phát cho chúng nó. Nàng xé mỗi lúc một nhanh. Những bàn tay mở đón mỗi lúc một nhiều. Tiếng giấy lao xao sột soạt lan đi khắp phòng như một tiếng reo vui mơ hồ êm ái. Tiếng reo vui đó nhuộm vào hồn Trâm một ý nghĩ vừa sâu xa vừa giản dị vô cùng : « *mình đang cho* ».

Khi những cánh tay rút lui, những tiếng lao xao ngừng lại, nhìn quyển sổ quý của mình, Trâm thấy chỉ còn trơ lại cái bìa cứng còn dính mấy tờ xơ xác. Nàng mỉm cười tư bằng lòng một cách vô lý. Nàng nhìn xuống những mảnh giấy trắng phất phơ trên các dãy bàn như những cánh bướm trắng lớn ở xa về đậu lại và sắp sửa nhẹ nhàng vẫy cánh bay đi. Nhưng trông nét mặt ngẩn ngơ, cụt hứng của đám học trò, tương phản với vẻ trắng hái xôn xao vừa rồi. Trâm biết những tờ giấy trắng sẽ lại hoàn trắng hay viết

nhì nhằng xé nát, vứt bỏ đi. Nhưng nàng không cần, không cần điều đó. Trâm chỉ lâng lâng vui sướng trong nguồn cảm xúc êm đềm và rộng lớn như khi đứng trên một ngọn đồi cao rút từng cánh hoa hồng thơm gieo vào lòng gió. « *Minh cho đi* ». Ba tiếng ấy mơ hồ dang dọi trong tâm tư. Trâm như một điệp khúc thanh thoát.

Một đứa học trò lên nhìn lên cuốn sổ tả tơi trên bàn Trâm, tiếc rẻ :

— Thưa cô ; phí quá. Có người không viết cũng lên xin giấy.

Trâm dịu dàng đáp lại :

— Không. Cho không bao giờ phí. Chỉ có nhận nhưng không biết cách dùng mới phí mà thôi.

Bỗng nhiên, cả lớp im phắc hẳn đi. Rồi yên lặng vỡ ra theo một tràng vỗ tay huyền ảo.

Trâm ngạc nhiên :

— Cái gì vậy.

— Thưa cô, cô nói lại lần nữa.

— Nói lại gì ?

— Lời cô vừa nói.

Trâm chưa hết ngẩn ngơ, một đứa đã đọc lại rõ ràng từng tiếng một câu nàng vừa nói. Mấy cái đầu cúi xuống, mấy bàn tay bí hoáy viết lên một mép giấy. Nàng hiểu nguyên nhân loạt vỗ tay và ngẫm nghĩ lại nghĩa đôi mà nàng không để ý khi nói ra lời. Trâm chợt vừa vui, vừa ngại như một lần sau khi giảng bài thơ của Bà Huyện Thanh Quan cho một lớp nhỏ. Khi giọng nàng trầm xuống chấm dứt bài giảng ; chúng nó im phắc, ngẩn ngơ một lúc và loạt vỗ tay đột ngột vang lên, như chiều

nay. Rồi chúng nó yêu cầu cô giáo giảng lại cho nghe lần nữa. Chúng nó nhao nhao và không khí lớp học bỗng xao xuyến khi cảnh phòng trà với những tiếng hò « *bis, bis* » sau một đơn ca tuyệt diệu, « Chúng nó tưởng mình soạn bài giảng kỹ, học thuộc lòng rồi đến đây chỉ mở máy ». Chẳng đứa nào biết và tin rằng những bài giảng chúng mê thích nhất là những bài nàng nói « tùy hứng » không bao giờ soạn trước. Những ý tưởng ấy, mỗi xúc động và thông cảm sâu xa với tác giả, với bài thơ hẳn đọng từ bao giờ trong tiềm thức. Mỗi lượt giảng bài hứng khởi được khơi nguồn nhờ những khuôn mặt đợi chờ nghe ngóng, từng cặp mắt đen láy thông minh vô tội, từng dáng ngồi ngay ngắn chăm chú say mê. Nàng nhìn chúng nó. Nàng nói. Nàng chìm đắm vào một thế giới xa vời, mệnh mông của khung cảnh, thời gian không gian trong bài thơ. Đến khi yên lặng khóa lấp gian phòng, khi tiếng vỗ tay vỡ ra như một dòng suối mát, nàng cảm thấy nhẹ nhàng vui sướng như đã truyền đi, đã trao đổi, đã nối liền cảm xúc giữa tâm hồn ngàn xưa với ngàn sau cách biệt nghìn trùng.

Chiều nay, chúng nó lại vỗ tay vì một câu nói tự nhiên không hề nghĩ ngợi.

Một lúc lâu có tiếng ở cuối lớp :

— Nhưng thưa cô, không cảm hứng, viết sao được.

Trâm nhìn những khuôn mặt nhìn lên :

— Vỗ tay là dấu hiệu cảm thông và phần khởi. Cảm hứng cũng có thể bắt nguồn từ niềm cảm thông và phần khởi đó.

Một tiếng la thật vô lễ bật lên :

— Hay quá ta.

Trâm nghĩ đến hình phạt và ý nghĩ khô khan đầu tiên trở lại : « Hôm nay mình đi coi cấm túc ». Nàng ra đầu cho cả lớp bắt đầu công việc. Dần dần sự yên lặng trở lại, kéo dài, triu xuống, những mái tóc cúi nghiêng nghiêng trên mặt bàn, những vầng trán ưu tư nhăn nhú, những cặp môi xoắn lên đầu cán bút, những ngón tay gõ nhẹ xuống mặt bàn, những tiếng xôn xao mờ mờ của từng trang giấy trắng lật qua lật lại :

« Chúng nó tìm cảm hứng đó ». Trâm dấu nụ cười trong bàn tay vừa đưa lên che môi. Bây giờ, bọn học trò chăm chú vào công việc, không nhìn lên nàng nữa. Trâm tự do, dễ chịu, tha hồ nhìn xuống, quan sát từng đứa để « trả thù » bị nhìn lúc mới vào. Vài đôi mắt nhìn ra cửa sổ. Trâm nghĩ : « Thế nào cũng có thông reo gió thổi ». Có đôi mắt nhìn sưng vào khoảng không hay lên vách tường trống trải. Có cặp mắt như sáng rỡ nhìn lên như vừa bắt gặp một ý tưởng, một hình ảnh thần tiên nào đó đang chiếu vào khoảng tâm hồn u tối. Có cặp mắt đắm đắm nhìn xuống tờ giấy trắng như chờ mong những hàng chữ bỗng nhiên hiện hình theo phép lạ.

Cuối cùng, Trâm nhìn xuống chỗ Minh ngồi. « Cậu bé » đang lơ đãng chống tay vào má nhìn lên phía nàng. Cây bút xoay tròn tinh nghịch trên mấy ngón tay trắng nhỏ. Nàng mỉm cười thật nhẹ như thầm nhắc « Sao em không viết gì đi ! » Minh mỉm cười yên lặng. Nụ cười nửa đắm đắm bắt gặp vẻ quen thân trong xa lạ, nửa ngại ngùng bởi

đã muốn lẫn trốn, che dấu chính mình và những ý nghĩ của mình trước đôi mắt dò xét và phán đoán của kẻ khác. Rồi đôi mắt Minh cúi xuống. Ngồi bút này giờ loay hoay trong tay, lúc đó bị cản nhẹ giữa hai hàng răng đều và nhỏ. Minh vẽ một mẫu giấy nhỏ viết xuống đất, dở một trang giấy khác, nhưng không viết gì được. Trâm biết Minh muốn đứng lên, chạy bay ra khỏi phòng, chạy thật xa cái nhìn soi mói của nàng. Nhưng Trâm cứ nhìn như kẻ đi săn nhìn con thú lúng túng tìm cách thoát thân khỏi cái bẫy của mình. Nàng cười thầm : « Chú mày ngán bị bắt gặp trong phòng cấm túc phải không ? Xui xẻo quá, bị bắt phạm tội ngay lúc ta đang điều tra lý lịch chú mày để còn liệu xem ».

Thật ra điều đó chẳng có gì xui xẻo cho Minh, nhưng trường hợp chỉ ngộ nghĩnh buồn cười cho nó. Trâm nhớ đến vẻ lễ độ giả vờ và lối ăn mặc làm ra vẻ con ngoan ngoãn của Minh hôm đi với Thúc đến xin nàng cho ở trọ trong nhà. Hôm đó, thật tình Trâm chú ý đến lời giới thiệu của Thúc và tin ở những điều Thúc nói về Minh. Nàng không chú ý gì đến đường sự, ngồi khép nép nhỏ nhắn và yên lặng trên chiếc ghế cách xa bàn nàng ngồi. Đến nỗi, mãi chiều hôm đó, nhớ lại cậu bé xin ở trọ nhà mình để liệu bề quyết định. Trâm không còn nhớ hình dáng và vẻ mặt của Minh ra sao nữa. « Nó có vẻ còn trẻ con, ngu ngơ, bằng phẳng cháu con chị mình, cũng chẳng sao... » Trâm định nếu nó trở lại với người bà con địa giới gần, sẽ nhận lời. Nàng cho việc đó không quan trọng và cũng chẳng có gì có thể thay đổi nếp sống đều đặn buồn tẻ cô độc của

minh trong tòa lâu mênh mông của mình. Cho nên nàng không hỏi tuổi tên của « ông khách trọ » tương lai nữa. « Thêm một người cho nhà đông vắng, như Rô-bin-son thêm Mọi Thứ Sáu trên hoang đảo, vậy thôi ». Trâm nghĩ thế nhưng thật ra trong thâm tâm nàng mong mỗi một cái gì khác mà nàng chưa khám phá ra. Nàng chỉ cảm thấy thờ ơ, chán nản khi nhận ra người khách trọ tương lai chỉ là một thằng học trò nhỏ, tầm thường và có vẻ... không biết gì cả. Trong hoàn cảnh Trâm, gặp người khách trọ không biết gì cả là một điều may mắn và hợp lý. « Nó biết gì, mình cũng biết gì thế nào cũng mang họa... » Biết thế, nhưng Trâm lại chán, lại buồn nghĩ đến cuộc đời đều đặn kéo dài không biết đến bao giờ và mong mỗi một cái gì, một cuộc cách mạng tâm hồn nào để đổi thay và xáo trộn tất cả. Nhưng rồi Trâm nghĩ đến gia đình, đến sự ràng buộc của sự sống và nghĩ cách khác: ở nhà biết mình cho một đứa học trò nhỏ ở thêm trong nhà, hẳn yên tâm... Còn hơn là cho người khác hay một gia đình đông đúc thuê một tầng dưới. Để mình ra cho nó mấy điều kiện, làm khó dễ một chút rồi nhận lời. Chẳng lẽ lại ừ ngay... Nàng nói với Minh chiều hôm đó:

— Tôi tin Thức, mà em là bạn của Thức, tôi có thể nhận lời. Nhưng chuyện gì cũng phải có người lớn đã. Nếu em từ đâu đến, xin ở nhà tôi, nhưng gia đình em không bằng lòng thì sau này lời thôi cho tôi và cho em nữa. Vậy em phải đưa một người bà con nào đến đây, nói với tôi một tiếng. Và lại, tuy em là học trò trong trường tôi dạy, nhưng còn xa lạ nhau, để tôi xem lại đã

Trâm rào đón không phải để điều tra lý lịch gì nó, nhưng để nghĩ lại, chờ xem mình có thay đổi ý kiến gì không. Việc cho Minh ở trọ hay một người nào khác, không quan trọng. Điều nàng đắn đo là có nên kéo dài lối sống Rô-bin-son trên hoang đảo, hoàn toàn một mình trong tòa lâu vắng như trong mấy tháng nay không hay phải thêm người như gia đình nàng dặn dò.

Nhưng Minh thì có lẽ tưởng nàng chưa nhận lời vì còn điều tra, vì chờ lời cam kết của người nhà nó. Vì thế, chiều hôm sau, lúc nàng ngồi một mình ở văn phòng giáo sư, Minh tìm vào. Quần tergal đen, giày đen, áo len màu rêu thẫm, vài cuốn sách cầm tay, trông Minh có vẻ lớn và « biết gì » hơn lần trước nhiều. Trâm ngồi trên ghế xa lông gật đầu đáp lại cái chào lễ phép của cậu học trò. Minh ngập ngừng:

— Thưa cô, xin cô trả lời cho em biết về quyết định của cô.

Trâm ngồi thẳng, hai bàn tay đặt ngay ngắn trên vạt áo gân màu xanh da trời, nghiêm trang và thờ ơ trả lời Minh:

— Tôi đã nói, cần phải có người nhà em đến nói với tôi một tiếng.

— Chiều mai em sẽ xin đưa bác em lại hầu chuyện cô.

Rồi Minh lại lễ phép chào Trâm và quay ra. Nhưng Minh vừa xay lưng, Trâm gọi lại:

— Này em.

— Thưa cô.. gì ạ?

— Em chưa cho tôi biết tên.

— Dạ, Minh, Nguyễn-duy-Minh.

— Lớp nào nhỉ?

— Đệ Nhất A ạ.

— Thôi được, em ra chơi.

Trâm chép tên và lớp của Minh vào góc vở soạn bài, định hỏi Hiệp một giáo sư bạn nàng về gia thế Minh, vì theo Minh thì Hiệp biết rõ về nó.

Nguyễn-Duy-Minh, Nó ngồi đó. Nó mỉm cười. Nó quên giờ cấm túc. Nó nhìn lên cô giáo và chưa gì cả đã có vẻ chấp nhận « cô là người thân người nhà của em rồi ».

Gần suốt hai giờ, Minh ngồi lơ đãng thần nhiên giữa đám học trò chăm chú, cặm cụi tìm tòi, suy nghĩ viết. Trâm nhìn xuống tờ giấy trắng trước mặt Minh, lắc đầu nhẹ nhẹ và mỉm cười. Một vài tác giả đã lục tục đem văn phẩm lên góp. Những « tướng » còn lại hình như cũng sốt ruột, viết bừa thêm vài giòng nữa rồi cũng mang giấy lên qui hàng. Rồi bàn này, bàn nọ, lũ học trò đưa ngời đưa đứng, lộn xộn như lúc làm xong một bài hạch tần ích. Chỉ khác là không đưa nào quờ tay xuống bịch bàn tìm vôi quẩy vờ dờ ra dò xem bài làm có trúng tủ không. Một vài đưa góp bài xong, xin về trước. Nhưng cũng có đưa ngồi phỗng ra như tượng đá. Có đưa còn xin cô cho thêm một giờ cấm túc nữa để được ở lại chơi. Có đưa « thừa cô lần sau cô đến coi cấm túc nữa ». Nhiệm kỳ canh tù sắp mãn, Trâm có thể cười được rồi : Nàng đứng lên, ra dấu cho tụi nó ngồi yên chờ đúng năm giờ mới về. Rồi nàng cúi xuống đồng bản thảo dày cộm trên bàn. Một kết quả không ngờ : thơ truyện vui, truyện ngắn... Nhiều nhất là thơ và thơ đã loại cả kim lẫn cổ,

về hình thức cũng như nội dung. Từ loại thơ mới « tự do » có đủ hình ảnh công viên ghề đá, dã thú, thảo mộc cho đến cổ lỗ sĩ Kiều, mây Tần, song thu, kinh nguyệt, thiệp chàng... Trâm mỉm cười tiếp đón tất cả. Trong lúc Trâm xếp loại những tác phẩm đó và gấp vào một tấm classeur thì đám giặc dưới kia nhấp nha nhấp nhồm ngồi không yên. Chúng nó biết vận mạng của những bài sáng tác đó ra sao. Trâm nhìn xuống chúng nó, ban một câu :

— Thật đáng tiếc..

Những nét mặt nhăn nhó đợi chờ lời chê bai tiếp theo. Nhưng Trâm chỉ định lừa chúng nó, cố làm cho chúng « đau khổ » trước rồi « sung sướng » sau như khi phát bài, bao giờ nàng cũng sắp thứ tự và đọc từng đưa một từ điểm nhỏ đến điểm lớn.

Ngừng một phút cho chúng thắc mắc chờ đợi, Trâm tiếp :

— Thật đáng tiếc là không phải bài làm để cho điểm. Nếu cho điểm thì có lẽ các người được trên hai mươi cả. » Chúng la lên một loạt và Trâm nghĩ đến tiếng reo tổ mở cửa bọn giặc trên sân khấu cải lương khi sắp bao vây một thành trì bằng giấy nào.

Rồi mặc cho chúng xôn xao bàn tán Trâm cúi xuống tờ giấy của Minh mà nàng đã để riêng lúc nãy. Trên góc giấy, chỉ vồn vồn có một câu, một câu nói của nàng. « Cho không bao giờ phí. Chỉ có nhận mà không biết dùng mới phí mà thôi ». Nó còn tình nghịch mở một ngoặc đơn với hai chữ danh ngôn phía dưới câu đó. Trâm ném một cái nhìn khiển trách về phía Minh. Nó cười và cúi đầu nhận chịu.

Trâm nhìn đồng hồ tay : năm giờ đúng. Lệnh cuối cùng ban xuống ba quân :

— Hết giờ, các cậu về.

Cả lớp náo loạn như vỡ chợ. Chúng xô đẩy nhau ngã dúi, ra phía cửa. Cô đưa trèo hẳn lên bàn, tuồn ra ngoài bằng cửa sổ. Trâm cười thầm : « vậy mà chúng làm như khoá cấm túc muốn kéo dài giờ, tù này ra mãi ». Chờ cho đưa học trò loắt choắt cuối cùng ra khỏi lớp, Trâm thông thả xếp giấy tờ trên bàn rồi ra cửa. Nàng cố tìm cách ra thật chậm cho lũ học trò giải tán hết trước khi nàng ra sân.

Nhưng vừa đi hết dãy hành lang vắng xuống khỏi thang lầu, lũ lâu la đứng phục kích sẵn từ bao giờ, vây kín nàng vào giữa. Không còn lối đi, Trâm đành đứng lại chịu trên. Nàng làm ra vẻ thản nhiên cứng cỏi nhìn vào mặt từng đứa. Thằng cao nhất cất giọng vọt đục ồm ồm :

— Thưa cô... giờ cấm túc của cô... vui quá.

Trâm cười :

— Nếu người coi cấm túc làm cho giờ cấm túc trở nên vui vẻ thì người đó làm mất ý nghĩa của trường phạt và khuyến khích học trò phạm pháp ?

Cả lũ cười. Một đứa nhe răng :

— Thưa cô từ trước đến giờ tụi em chưa gặp giờ cấm túc nào vui như thế. Trâm quát một đòn :

— Vậy ra các ngài đây đều là dân cấm rúc kinh niên sao ?

Bọn học trò cười. Thừa dịp hai bai đứa có bận gọi vừa bỏ đi, Trâm vội

vàng lách mình ra ngã đó. Vòng vây tan ra, không còn là vòng tròn mà là cái đuôi. Chúng nó đi theo sau Trâm lúc nàng về văn phòng cất sổ sách.

Nàng còn nghe tiếng la của chúng nó vọng lên từ dưới chân đồi :

— Tuần sau cô xem cấm túc nữa, tụi em sẽ nghỉ học không xin phép.

— Phá trật tự trong lớp.

— ... Đánh lộn.

— ... Bao giờ cô xem cấm túc cho tụi em biết trước.

Thế từ văn phòng lù lù đi ra bắt gặp Trâm đứng nhìn xuống con đường vòng quanh hồ mỉm cười một mình. Y hỏi :

— Hai giờ với tụi nó, chỉ một lần ?

— Không. Vui và phân vân về vai trò của mình. Lẽ ra, tôi không nên làm cô giáo.

Trâm định tiếp : « nhất là cô giáo trường con trai ». Nhưng nghĩ ra mình không thân thiết với tên đồng nghiệp này nên lại thôi.

— Bọn tôi cũng nghĩ thế về Chị. Chị trẻ quá và lại hợp tụi nó.

— Anh ám chỉ, cái gì ?

— Không. Tôi nói thật. Chị trẻ, tụi học trò lại lớn. Ý nghĩ và lối sống của chị lại gần như tụi nó cho nên tụi nó thích. Chị gây ảnh hưởng trong trường này nhiều lắm đấy nhé.

— Tốt hay xấu ?

— Không nên kể luận thế. Tôi xin nhận xét và miễn phê bình. Cả bọn chúng tôi đều đồng ý công nhận là trước khi chị đến bọn học trò chơi

thân với chúng tôi lắm. Nhưng từ ngày có chị . . .

Trâm nhớ có một lần Hiệp cũng nói với nàng :

— Từ ngày có chị, lũ học trò trường này không thêm chơi với chúng tôi nữa. Chúng nó vây theo chị rồi đó.

Lần đó Trâm tưởng Hiệp nói đùa để tán khéo nàng. Bây giờ nàng thấy đúng và bắt đầu sợ. Sợ chúng nó. Sợ mình. Sợ những cuộc tiếp xúc tiếp xúc, rắc rối này, giữa cô giáo trẻ và lũ học trò con trai lớn. Vả lại học trò trường này nổi tiếng là tinh quái nhất. Đến như Thư, nghiêm, khô khan, lại đại học sư . . . cụ ra mà cũng chẳng đùa nào coi ra gì. Mỗi lần nàng điểm danh, bọn đầu trâu mặt ngựa đứng lên trăn trăn. Thư gọi : « Nguyễn - Văn - A ! » Chúng trả lời phất « một vợ hai con ». Đến : « Lê-Văn-B », hắn đáp « góa vợ ». Trâm không phụ trách những lớp lớn như Thư, nhưng ở lớp nhỏ vẫn có những nỗi khổ tâm khác. Nhưng không phải Trâm chỉ tiếp xúc với học trò nhỏ mình dạy mà còn với bọn đệ Nhất đệ Nhị, những đứa này không biết ở lớp nào chúng cứ kiếm chuyện văn nghệ bích báo, ca nhạc, dạ hội tất niên, cắm trại để đến thừa thốt tán dóc Trâm. « Ban đầu ngoài sân sau lần vô bếp ». Mà nàng lại có hẳn có căng trong ban giáo sư chỉ đạo về báo chí và văn nghệ nhà trường.

Trâm phải làm sao ? Chẳng lẽ thôi lui ? Mới vào nghề mấy tháng, nàng không muốn mất « nhuệ khí ». Nàng vốn thích phiêu lưu tìm cảm. Trong địa hạt nghề nghiệp sao lại không có hề làm một chuyến phiêu lưu ?

— Mời chị vào văn phòng xơi nước. Trâm bỡ ngỡ quay nhia lại. Thế Thấy hắn đắm đắm nhìn mình, nàng lạnh nhạt :

— Cảm ơn anh, tôi phải về, chiều rồi. Thật ra Trâm chỉ muốn bắt vào mắt hắn :

— Vợ con một bầy còn lém phém, hưởng gì mấy đứa con trai mới lớn. Thế lúng túng quay vào.

Còn lại một mình, Trâm chậm rãi đi về phía sau trường, xuống đồi. Bóng chiều lằng lằng cuối chân mây. Rừng thông mơ hồ khơi gió. Một cơn lạnh mơ hồ thoáng lên da thịt. Trâm khoác chiếc áo lông lên vai, lắng nghe nỗi điều hiu lên lối vào tâm hồn và niềm băng khuâng quen thuộc với cuộc đời cô đơn buồn và đẹp của mình mỗi chiều ở trường về. Dưới chân đồi, những làn khói lam thối cơm, chiều từ ngôi nhà trắng của Trâm thoang thoảng bay lên, lẫn trong màu xám đục của trời chiều. Phút đó, những tiếng học trò đã lắng ; bao vẻ xôn xao nghịch ngợm đã chìm. Niềm vui lằng lằng trong tâm hồn Trâm qua những lúc giảng bài cũng biến mất. Tất cả như một làn sóng dạt vào bờ một thoáng rồi trở về với biển khơi mênh mông. Trong những chiều hiu quạnh như chiều nay, chỉ còn có mình Trâm đối diện với chính mình, với niềm cô độc xót xa giữa tòa nhà hai tầng vắng lạnh. Như chiều hôm qua, chiều hôm kia, bao nhiêu buổi hoàng hôn yên lặng đi qua, Trâm lại thấy cần một cái gì phá tan thế giới im lìm này. Một tiếng cười geco trong yên lặng. Một tia mặt trời thấp sáng hoàng

hôn. Một người vui nhỏ bé cho quăng đời buồn tẻ hiện tại. Cũng như nàng cần đốt lửa đêm đêm trong lò sưởi dù mỗi sáng mai thức dậy phải nhìn thấy tro tàn. Một khuôn mặt trẻ con hồn nhiên đến vô tội thấp thoáng hiện ra giữa vùng tranh tối tranh sáng của tiềm thức. Mái tóc mềm dịu. Hai con mắt đen nhỏ. Hàng răng trắng đều, nụ cười trẻ con. Về Minh, Trâm chỉ nhớ có thể. Trâm kiểm điểm lại hình dáng và cử chỉ nó trong ba lần gặp. Lần thứ nhất ngỡ ngác, rụt rè ở nhà nàng. Lần thứ hai có vẻ người lớn và « ra gì » hơn ở văn phòng. Lần thứ ba, chiều nay trong giờ cấm túc. Khuôn mặt nó ngược lên phía nàng như một nhấc nhỏ, thúc giục : « thế nào, cô có nhận lời em không ? »

Trâm bước xuống bậc thềm đá trước

nhà. Nổi phen vân : « có nên cho nó ở trọ nhà mình không ? » đã biến thành một quyết định.

Con bé ở đón chủ ở cửa :

— Cô về muộn quá, thức ăn nguội rồi, Trâm để tính :

— Cũng được, ăn xong, may sửa soạn căn phòng gần thang lầu, tắm dưới cho cô, quét dọn và lau kỹ cửa kính.

— Để làm gì vậy cô ?

Trâm cong một ngón tay cốc vào đầu con bé :

« Để làm gì. Sẽ ra sao. Ai biết được. Buồn sẽ xuôi về đâu còn tùy theo cơn gió. »

(còn tiếp)

HOÀNG ĐÔNG PHƯƠNG

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐĂNG CHỮ LAM TẠI THUY-SÉ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY ◊ LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTREME-ORIENT

11, Đường Nguyễn Huệ — Téléphone 20.821 — SAIGON

kiếp người

hữu phương

Chợt buồn nhớ chị xót thương
thân con người quá đoạn trường, thế sao ! ?
ba năm da thịt mòn hao
còn tro xương cốt đi vào tồn sinh

●
nghĩ đau da thịt chính mình
nào trời đất có chứng minh sự đời
trộn bình sinh vượt biển khơi
sóng ngầm gió chuyển thân người lật lay

●
những hoài bão vùi tâm tay
quy người xuống đó đang cay trong hồn
trước phương phi mặt béo tròn
hóa ra xương xẩu tuổi còn xanh xao

●
mà nay người ở phương nào ?
nét phai mờ chỉ ử dàu thời gian
nắm tro hài cốt hoang tàn
hồn đâu hơi chị ? ngỡ ngang phù sinh !

Còn nao mấy lòng

Đồng-Đa gò cũ còn trơ
Mà người phương ấy bây giờ nghĩ sao.



Xé mây, một ngọn Cờ Đào
Quét tan hơi thui, chuyền màu Núi Sông.
Xuống mồ, mộng : chủ dân Hồng,
Một Sầm-Nghi-Đồng, mấy dòng sử tanh.
Bề dân là sự đã đành,
Nhưng ai ngờ đến : tan tành giờ đây.
Ách xưa không nặng vai gầy,
Mà tâm hồn ấy thành tay-sai người.
Nghĩ theo ai, làm cho ai,
Biến dân Hồng-Lạc ra loài dở dang ...



Vải xưa (1) dệt Mộng ngang tàng,
Cháu con giờ có ngõ ngang nhìn nhau ?
Đồng-Đa gò đầy cỏ đau ?
Rạch-Gầm (2) sông ấy còn nao mấy lòng ?

22 tháng chạp năm quý mão, 1964

NGUYỄN-NGU-Í

(Có những bài thơ ...)

(1) Nguyễn-Huệ được gọi là người anh hùng áo vải cờ đào; một trong mộng lớn của Người là chống lại tinh thần nô lệ ngoại bang.

(2) Trước khi đại thắng quân Tàu do vua Lê ngoài Bắc rước về, ở gò Đồng-Đa, Nguyễn-Huệ đã đại thắng quân Xiêm do chúa Nguyễn trong Nam mời về, tại sông Rạch-Gầm.



SAO RỤNG

truyện dài của

● TRUNG DƯƠNG

(Xin xem từ BK 170)

Một lần vào Tự do nhảy với một người bạn, tôi tình cờ gặp Ngà. Lần đầu tiên thấy Ngà trang điểm và phục sức dạ hội. Dưới ánh đèn mờ ảo của vũ trường, Ngà đẹp một vẻ đẹp quý phái, sang trọng. Ngà đi với Nam, anh trai nàng và Thoa. Ngoài ra còn có hai người đàn ông khác, Hùng, fiancé của Thoa và Phú, theo lời giới thiệu của Nam, là người yêu của Ngà. Tôi nghe giới thiệu rồi như quên sự có mặt của mọi người tôi chỉ nhìn vào đôi Ngà, Phú Tự nhiên tôi thấy ghét Phú lạ. Đó là một gã con trai ngoài 20, khá đẹp trai, hơi gầy, đứng thấp hơn tôi vài phân song không phải là không cao. Tôi chỉ mơ hồ thấy một sự thất vọng tràn ngập tâm hồn. Tôi muốn quay ra khỏi vũ trường, đến một chỗ vắng vẻ nào đó để thả hồn mình tự do với những suy tư, buồn bã tuyệt vọng. Nhưng tôi không có quyền bỏ thằng bạn, tôi lại càng không có quyền rời

bọn Ngà ngay sau khi được giới thiệu.

Ngà chỉ ra nhảy mỗi khi dàn nhạc chơi Slow hay Tango. Nàng nhảy với Nam nhiều hơn là với Phú vì thực ra Phú nhảy kém và vụng về. Mỗi lần Phú và Ngà nhảy với nhau, tôi tưởng như vũ trụ quay cuồng. Tôi giận Phú ôm Ngà quá sát và có những bước đi quá kém cỏi thay vì bay hươm như Tango và dịu dàng như Slow. Tôi nhìn xem mọi người nhảy. Tôi không thiết gì đến việc nhảy, ngay cả những lúc dàn nhạc chơi những nhạc điệu mà tôi ưa thích nhất. Người bạn có vẻ ngạc nhiên về thái độ của tôi. Mọi lần tôi quấy phá, không phải vì bản tính hiếu động mà chỉ vì muốn trút sự bức bối, sự bần học vào điệu nhạc điên cuồng. Nhưng hôm nay tôi ngồi bất động.

Mắt tôi vẫn không rời những bước chân của Ngà. Những lúc Ngà đi

Tango với Nam thì thật là tuyệt. Trông nàng bay bướm như nàng tiên với hai tà áo phấp phới như hai cánh bướm trong ánh đèn mờ ảo của vũ trường. Tự nhiên tôi muốn được ôm nàng trong vòng tay và dẫn nàng đi những bước nhạc gợi cảm.

Khi dàn nhạc thổi bản *Jalousie*, điệu Tango, tôi cảm thấy một sự thúc đẩy mạnh mẽ trong tôi, tôi không do dự đến bên Ngà và khẽ nói :

— Chị Ngà có phép Ánh mời chị bản này ?

Ngà cười nhìn Phú rất nhanh. Vì thấy Phú có vẻ không bằng lòng. Trước khi Phú có phản ứng, tôi đã phác một cử chỉ giục giã, giọng nói hơi xúc động :

— Có lẽ nào gặp nhau ở đây mà chị Ngà lại từ chối Ánh một bản không nhảy ?

Tiếng *trompette* vờn lên như tha thiết van lơn. Tôi cúi đầu xuống thấp chút nữa, đôi mắt nhìn thẳng vào hai vì sao long lanh sáng ngời đôi mắt của Ngà.

Chị Thoa giục Ngà trong khi đứng dậy theo lời mời của *fiancé* của chị :

— Thôi Ngà ra nhảy với Ánh một bản đi ?

Ngà chớp nhanh đôi mắt quay lại nói với Phú một câu cho hân an lòng :

— Anh ngồi đây với anh Nam nhé ?

Phú không đáp trong khi Ngà đứng dậy. Tôi đứng tránh sang một bên nhường cho nàng đi trước và chúng tôi tiến ra *piste*. Ngà ngừng lại đợi tôi. Tôi đưa một tay ra đón lấy bàn tay mềm

mại của nàng, một tay ôm ngang lấy thân hình bé nhỏ của nàng. Ngà nhảy thật đẹp. Tôi ngậy ngất ôm nàng trong vòng tay như khi nhấp phải men rượu. Tôi thêm được siết chặt lấy nàng vào người tôi nhưng tôi lại không dám. Tự nhiên tôi muốn khóc. Mái tóc của Ngà cọ sát vào cằm tôi gây cho tôi một cảm giác nhột nhột, dề-mê. Tôi cúi xuống hôn nhẹ lên mái tóc đó mà không biết là mình đang làm cử chỉ đó. Tôi buột miệng :

— Chị Ngà hôm nay đẹp như một thiên thần !

Ngà cười trên vai tôi, không nói. Tôi yêu sự im lặng kín đáo ấy.

— Ánh không ngờ chị Ngà có người yêu rồi đấy !... chị Ngà... ác quá !

Ngà hơi ngược nhìn tôi, hồi sau một phút do dự :

— Sao lại ác ? Có người yêu có phải là phạm một tội không ?

Tôi cười, làm ra vẻ đùa cợt :

— Tùy theo vị trí của mỗi người chiêm ngưỡng chị. Đối với anh Phú thì nhất định chị đã làm một việc thiện. Đối với những người khác tất nhiên là không. Chị đã phạm một tội ác tày trời !

Ngà cười thành tiếng rồi thì thầm :

— Nếu thế thì tôi còn biết làm sao nữa ? Tôi sẽ sám hối khi chết.

— Nhưng làm sao mà sự sám hối của chị có thể làm cho những trái tim đã chết một lần sống lại được ?

Ngà không đáp, cười bằng mắt. Tôi nói lỏng vòng tay để có dịp nhìn sâu

vào đôi mắt Ngà, đôi mắt như hai vì sao sáng trên nền trời của sóng nhạc, của ánh sáng vũ trường, của những bước Tango bay bướm tha thướt gọi cảm, Ước gì mọi người xung quanh chúng tôi biến mất, cả anh chàng Phú khó chịu kia, để tôi và Ngà sống bên nhau như thế này; và ước gì điệu nhạc sẽ kéo dài vô tận để giây phút tôi ôm nàng trong tay đừng chấm dứt.

— Tôi không ngờ Ánh biết nhảy.

Tôi đáp :

— Ánh cũng không ngờ chị Ngà lại nhảy đẹp như thế.

Và tôi hạ giọng, hơi bức tức :

— Cũng như Ánh không ngờ chị Ngà đã có người yêu.

Thấy Ngà im lặng, tôi thấy mình có vẻ vô lý, nhạt nhẽo. Tôi hỏi :

— Hình như Tango và Slow là hai điệu favorite của chị Ngà ?

Ngà không đáp, chỉ gật đầu một cái nhẹ và cười. Tôi yêu cái gật đầu nhẹ và nụ cười lặng lẽ đó vì chúng đã biểu lộ trọn vẹn sự dịu dàng của Ngà. Ngà kín đáo nhưng không có cái vẻ giữ ý giả tạo như ở những người con gái quá nề nếp khác. Tôi vẫn nghĩ rằng sự kín đáo của nàng do ở con người dịu dàng của nàng, hơn là do một môi trường kiến phát sinh từ luân lý xã hội đối với giao tiếp giữa một người con trai và một người con gái.

Bản nhạc gần chấm dứt. Tôi dìu Ngà đến gần chỗ ban nhạc chơi và yêu cầu chơi tiếp bản Tango Bleu. Tôi cúi xuống nói với Ngà :

— Ánh thích nhất bản này. Ánh xin

tặng chị Ngà, thiên thần của đêm hôm nay đối với riêng Ánh.

Ngà mỉm cười, đẹp mơn ả.

Bản Jalousie vừa chấm dứt, ban nhạc chơi tiếp luôn bản Tango Bleu. Tôi thầm nghĩ bản Jalousie thật thiết, van lơn đã đưa tôi đến bản Tango Bleu êm dịu nhẹ nhàng như một dòng nước xanh đẹp. Tôi mỉm cười với ý nghĩ đó. Ngà ngược nhìn tôi rất nhanh mỉm cười. Tôi thấy tôi trong đôi mắt nàng. Tôi thấy tôi yêu nàng và đồng thời một niềm đau buốt nhói trong tim tôi. Chúng tôi im lặng nhảy suốt bản nhạc. Giây phút im lặng đó đối với tôi sao ngán ngủ, thần tiên, có pha ít nhiều chua xót, ghen ngào. Sau bản đó, tôi đưa Ngà về bàn rồi chào mọi người và đến dự thẳng bạn ra về. Người bạn hơi ngạc nhiên. Nhưng rồi nó đoán hiểu một phần nào nên thông cảm. Chúng tôi trả tiền rồi ra khỏi tiệm nhảy.

Chúng tôi im lặng đi bên nhau như thế qua hết đường Catinat và rơi vào cái trống không của con đường Duy Tân. Cuối cùng thằng bạn tôi lên tiếng hỏi về Ngà :

— Con bé nom được đấy chứ ? Ai thế mày ?

Tôi nhận bừa :

— Chị họ tao !

— Tên gì ?

— Ngà.

Ngừng một lát, người bạn tôi khẽ hỏi :

— Mày yêu rồi phải không ?

Tôi gật đầu thú nhận không khó khăn.

Tôi mừng là bóng tối của con lộ đã không cho thằng bạn tôi thấy đôi

mắt rơm rớm ướt của tôi. Nó hỏi tiếp :

— Lâu chưa ?

— Lâu. Nàng có người yêu rồi.

Im lặng một lúc, thằng bạn tôi tiếp sau cái cười nhẹ :

— Thôi, dầu sao mày cũng nên sung sướng mà yên trí vì đây là một mối tình vô vọng, vô vọng là không hy vọng, và tình trạng không hy vọng là tình trạng thoải mái, siêu thoát. Mày sẽ không phải khắc khoải vì mong mỏi, vì đợi chờ !

Tôi cười thành tiếng trước ý tưởng ngộ nghĩnh của thằng bạn. Nó cười theo tôi và tiếp :

— Tao cũng đã một lần yêu như vậy. Nhưng đây không phải là chị họ tao mà là một bà, mẹ thằng bạn tao. Tao khóc khi khám phá ra là mình yêu. Nhưng tao lại thấy sung sướng và mãn nguyện.

Tôi tò mò hỏi nó :

— Chắc bà ta đẹp lắm ?

— Đẹp và dịu dàng, như một người mẹ.

Nó tiếp tục tâm sự với tôi :

— Tao mồ côi mẹ. Bố lấy vợ. Tao sống lang bang, như mày thấy. Có thời gian tao sống ở nhà một thằng bạn thân. Tao thấy mẹ nó, tao yêu. Tao ghen với người đàn ông có cá may mắn được làm chồng bà — dĩ nhiên là ghen thầm. Tao nghĩ rằng mình đã đi trễ tới cả một chuyến tàu thế hệ ! Thằng bạn tao cũng biết là tao yêu mẹ nó. Nhưng nó không giận tao, mà lại có vẻ cảm động và thương tao. Tao không lạ khi mày yêu

chị mày. Ngà hẳn phải hơn tuổi mày ?

— Nàng 21.

Thằng bạn tôi rút một điếu thuốc châm hút một hơi rồi truyền sang cho tôi :

— Có những thằng con trai vẫn yêu những người lớn tuổi hơn chúng nó. Chỉ tại cô đơn và bơ vơ.

Tôi không đáp, yên lặng hút thuốc. Tôi nhìn bóng 2 đĩa trên mặt đường nhựa vắng ngắt. Tự nhiên tôi thấy tâm hồn ấm cúng hẳn lên. Giọng thằng bạn tôi :

— Những người tuyệt vọng là những người sung sướng. Chúng mình phải nên sung sướng vì đã được tuyệt vọng.

— Tao sợ rằng cái ý tưởng của mày chỉ có tính cách làm đom. Tôi ngắt lời nó.

Thằng bạn tôi khoát một cử chỉ :

— Tao có cảm mày đau khổ vì tuyệt vọng đâu ? Nếu đau khổ được thì cứ đau khổ, cũng như nếu khóc được thì cứ khóc. Mọi sự sẽ vợi đi sau đó nhiều lắm.

Đêm hôm ấy tôi ngủ lại nhà thằng bạn. Dù sao nó cũng hơn tôi 3 tuổi. Nó hai mươi. Nhưng những đau khổ do cuộc đời côi cút làm nó lớn và trưởng thành trong ý nghĩ.

Trong sự vắng lặng của đêm thật sâu, tôi cảm thấy một nỗi buồn khổ dậy lên trong tôi. Mối buồn thật nặng nề. Nó không chỉ bao trùm trong nỗi thất vọng của tình yêu của tôi đối với Ngà. Nó bao trùm cả cuộc đời : Nó chính là cuộc đời, cuộc đời đang vây quanh

tôi. Tôi nghĩ đến bố tôi, mẹ và các em tôi, đến cái thằng tôi. Tôi còn nghĩ nhiều nữa, nhưng ý nghĩ mông lung, vất vưởng... Tôi quàng tay ôm lấy người bạn nằm bên và khe khẽ thở dài...

* *

Tango trở thành bản nhạc mà tôi yêu thích nhất bởi vì Ngà đã yêu Tango, và tôi, tôi yêu nàng. Tôi không quên được tối đầu tiên gặp Ngà ở vũ trường. Lần đầu tiên tôi được ôm nàng trong vòng tay và cũng là lần đầu tiên tôi thú nhận với lòng mình là tôi đã yêu nàng, yêu tha thiết. Đó là mối tình đầu của tôi, của một thằng con trai mới lớn nhưng tâm hồn đã mang những vết tàn phá của sự trưởng thành. Một mối tình có tính cách thiên liêng và cao cả của thứ tình mẫu tử. Nhưng ngay khi thú nhận đã yêu, tôi đối diện ngay với một sự lang dờ đã tiềm ẩn từ lúc nào trong tình yêu của tôi. Tình yêu tôi không cả kịp sống và thở hút lấy một không khí của thế giới loài người, chẳng khác nào một đứa trẻ chết ngay khi vừa đủ hình hài để nhìn ra chào đời, khiến nó chưa kịp nhìn thấy thứ ánh sáng mà nó mong đợi đã chín tháng trời. Vì nó đã chết ngay khi còn ở trong bào thai mẹ nó. Tình yêu tôi đấy.

Vào những đêm không ngủ, tôi dơ hai bàn tay còn trắng của mình và nhìn rất lâu vào chúng trong bóng tối. Tôi ý thức một cách rõ ràng hơn bao giờ hết về đôi bàn tay còn hổ đỏ của mình: Không sự nghiệp, không tình yêu. Tôi hiểu rằng mình còn trẻ và bây giờ chưa phải là lúc những cái đó đến với tôi. Tôi không phải là hạng thần đồng. Nhưng tôi đã yêu và tình yêu của tôi

là tình yêu vô vọng. Người con gái tôi yêu lúc này sẽ không trở lại bao giờ nữa khi tôi đủ tuổi để được quyền có người yêu cũng như sự nghiệp.

Tôi vẫn đến dạy lũ em Ngà mỗi tối. Việc này do Ngà yêu cầu vì nàng muốn giúp tôi. Thoạt tiên tôi một mực từ chối vì không muốn nhận sự giúp đỡ. Ngà nói:

— Nếu Ánh không dạy, ba má tôi cũng kiếm người để dạy tội nhỏ.

Cuối cùng tôi nhận lời. Dạy các em Ngà, tôi hiểu biết hơn về gia đình nàng. Ông bà cụ thân sinh ra Ngà đã già. Ông cụ cao lớn, trên khuôn mặt và dáng người vẫn còn phảng phất những đường nét của một thanh niên, nếu đừng có cái vẻ mệt mỏi của một người bắt đầu cảm thấy thấm mệt sau khi đã dự vào một cuộc hành trình dài nửa thế kỷ. Tôi nghĩ có lẽ ngày còn trẻ, ông cụ đẹp trai lắm. Bà cụ Ngà, trái lại, người nhỏ bé và hiền hậu. Ngà giống mẹ ở dáng người. Ngà có hai người anh sống ở bên Pháp đã có gia đình. Họ lấy vợ đầm và nhập tịch với cuộc sống ở bên ấy. Rồi đến anh Nam, chị Thoa, Ngà và bốn đứa em còn nhỏ, một trai ba gái. Nam đang theo học năm thứ hai ở trong Quân-y. Thoa học trường Pháp. Ngà theo ban văn chương tại một trường nữ trung học công lập. Khi gia đình tôi dọn đến, nàng đang sửa soạn thi Tú Tài phần I. Một gia đình tương đối ấm cúng khi nhìn bề ngoài. Nhưng tôi không ngờ lại có một cuộc khủng hoảng xảy đến cho gia đình nàng, đã biến đổi cuộc sống mọi người, nhất là của Ngà.

Nhưng ngày về sau những lần sang dạy học lũ em Ngà, đôi khi tôi thấy Ngà và ông cụ ngồi nói chuyện với

ít nhiều sự nghiêm trọng nơi phòng khách. Tôi linh cảm thấy một cái gì đó sắp xảy ra cho Ngà, và như thế không khỏi ảnh hưởng tới đời sống tinh thần của tôi, bởi vì, tôi đã coi những buổi tối sang dạy học cho em Ngà để được nhìn thấy hình dáng thân yêu của nàng làm nguồn vui. Tôi trở về trong bản khoăn nghi ngại. Cũng có những lúc tôi có ý định viết cho Ngà một lá thư bày tỏ tình yêu của tôi. Để làm gì khi mà tôi biết chắc chuyện Ngà có thể yêu tôi không thể xảy ra? Tôi cũng không biết tại sao mình lại có ý định đó? May đó chỉ là ý định tôi không thực hiện. Tôi nghĩ, cứ để nguyên Ngà sẽ vẫn coi tôi như một người em của nàng, và sự thân mật giữa chúng tôi không bị mất. Nhưng biết đâu khi nàng biết là tôi yêu nàng, nàng sẽ có thái độ khác, hoặc là lạnh mặt tôi và trở nên lạnh nhạt. Tôi sẽ chỉ là kẻ thừa mỗi bắt bóng mắt. Vì thế, tôi đành câm nín, để những lần gặp Ngà trở về, tôi day dứt với sự trống trải trong tâm hồn. Nhiều đêm nhớ nàng, tôi ra sân ngồi nhìn ánh đèn từ phòng khách nhà Ngà chiếu ra. Tôi biết nàng ngồi ở chỗ nào trong vùng ánh sáng ấy. Tôi thuộc cả từng cuốn sách, lọ hoa, chiếc đèn với vị trí của chúng trên chiếc bàn học kê gần bên cửa sổ của nàng. Nàng thức rất khuya. Nhiều lúc tôi ngạc nhiên thấy nàng thức suốt sáng. Tôi không tin là nàng thức để học. Ngà không phải là người con gái sinh ra để chỉ có học, vì nàng đẹp và nàng không được quyền học ay làm gì, ngoài quyền đẹp và dịu dàng — tôi có cảm tưởng như vậy. Một đôi khi giữa cái vắng lặng mênh mông của đêm tối, tôi nghe có tiếng

nhạc Tango văng lên nhẹ nhẹ mơn-trơn từ căn phòng khách ấm cúng nhà Ngà. Có lần tôi hỏi vì sao nàng thức đêm như thế. Ngà cười nói với tôi, giọng hơi mơ màng :

— Chỉ có đêm khuya con người mới hoàn toàn được sống cho riêng mình, được nhìn và đối diện với chính mình. Tôi không muốn bỏ qua giây phút đó.

Câu nói của Ngà làm tôi nghĩ nàng là một con người có một nội tâm rất vững và mạnh mẽ. Điều đó mặc cho sắc đẹp của Ngà giá trị vô song dưới cái nhìn của tôi. Vẻ đẹp của nàng không chỉ là một lớp áo ngoài lờ lợt mà bên trong rộng tuếch. Tôi nói những ý nghĩ đó với Ngà, và kết luận :

— Một con người dù đẹp đến đâu mà không có chiều sâu, không có những suy tư của tâm hồn thì cũng chỉ như bông hoa đẹp rực rỡ nhưng lại không có hương thơm. Thật là vô vị và đáng chán.

Ngà nghe tôi nói, chỉ cười lặng lẽ. Nhưng trong cái nhìn của nàng, tôi thấy một sự hài lòng. Ngà bảo tôi :

— Anh đã lớn trước tuổi với những nhận xét già dặn !

Ngà rất tế nhị, khác hẳn với những con người sống ở miền Nam vốn dĩ hồn nhiên và chất phác giản dị. Càng ngày tôi càng thấy tình yêu của tôi đối với Ngà trở nên đậm đà. Tình yêu đó với những cố gắng đè nén của tôi từ trạng thái sôi nổi đã lắng xuống dần dần và như ngấm vào những thớ thịt, mạch máu của tâm hồn tôi. Tôi nghĩ rằng đó cũng là nhờ ở

Ngà. Về đẹp dịu dàng và sự tế nhị đã dẫn đường cho mối tình của tôi, từ trạng thái bông bột đến trạng thái trầm tình, bền bỉ.

Phú vẫn đến thăm Ngà thường xuyên. Hẳn tỏ vẻ không ưa tôi. Riêng tôi, tôi thấy bớt ghét hẳn hơn hôm gặp hẳn ở vũ trường ; không hiểu vì sao ! Nhưng tuy thế tôi vẫn không khỏi cảm thấy một sự ghen tuông nhẹ nhẹ khi thấy Ngà có cử chỉ dịu dàng đối với Phú cái dịu dàng tôi vẫn ca ngợi và thêm khát. Hẳn thường đến vào buổi chiều thứ bảy, ở chơi cho mãi tối mịt mới về.

Nhưng từ ngày bắt đầu những cuộc nói chuyện có tính cách nghiêm trọng giữa cha con Ngà mà đôi khi tôi bắt gặp ở phòng khách, Phú ngược hẳn những cuộc đến thăm. Ngà trở nên ít cười nói. Mỗi lần thấy tôi nàng chỉ gật đầu chào. Nhưng những lúc về sau này tôi ít gặp mặt nàng. Ông bà cụ Ngà có vẻ buồn rầu. Lũ em nàng học với tôi trong một bầu không khí im lặng. Căn nhà đối với tôi vẫn có vẻ ấm cúng vì tiếng cười nói của những cô gái đang yêu, của những đứa trẻ hồn nhiên nay bỗng trở nên im lìm, nặng nề như khi có người ốm nặng, đang hấp hối vậy. Tôi ngạc nhiên, lạc lõng trong bầu không khí kinh hoàng. Chỉ thỉnh thoảng trong bầu không khí đầy vẻ hấp hối có tiếng cười phá lên của chị Thoa trong khi nói chuyện với người hôn phu của chị ở phòng khách. Nhưng tiếng cười ấy cũng không kéo dài mà bị cắt quãng do chủ nhân của nó chợt ý thức về sự vô ý của mình. Vì thế tiếng cười của chị Thoa nghe lạc lõng và xa lạ như mộ

niệm vui tình cờ vừa lóe lên đã vội tắt ngấm ! Tự nhiên tôi thấy thương hại cho chị. Nhưng tôi càng thắc mắc hơn về Ngà. Cái gì đã xảy ra cho Ngà chẳng. Tôi thắc mắc, nhưng lại không dám hỏi ai mặc dù đối với gia đình nàng, tôi cũng đã là chỗ quen biết thân. Và lại, trước vẻ ngơ ngác của tôi, mọi người trong gia đình đều có vẻ như trốn tránh một sự giải thích.

Một buổi tối, khi tôi vừa bước chân vào phòng khách nhà Ngà để làm cái phận sự thường xuyên là kèm bọn trẻ học, tôi nghe có tiếng khóc nức nở, tiếng khóc của một người già, của bà cụ Ngà. Tôi chợt rùng mình vì tiếng khóc đó nghe khô khan, thê thảm như tiếng khóc của một đám ma nó gợi cho tôi một hình ảnh của sự chết chóc. Có lẽ mọi người đều ở trong nhà. Phòng khách vắng hoe. Tiếng bà cụ :

— Ngà ơi, chỉ vì thương má mà con không kể đến thân con... Sao con không để cho má chết đi có được không?

Tôi giật mình và cảm thấy bồn chồn, lo lắng. Tôi vẫn đứng như chôn chân ở giữa phòng khách. Ngà đã làm sao ? Tôi không dám vén bức màn ngăn buồng khách và nhà trong để đi thẳng vào buồng học. Nhưng tiếng Ngà tỉnh táo đã làm tôi cảm thấy an tâm :

— Con đã nói với má đừng buồn, khóc nữa mà sanh bệnh, con không muốn má bệnh. Con tin rằng ông Duy là người tử tế. Ông thương con đã lâu và đòi cưới mấy lần, nhưng tại con không chịu... Nhưng bây giờ sự thế đã như thế và mọi sự đã coi như xong. Con sắp lấy ông, ông giàu và thương

con, vậy đáng lẽ má nên mừng cho con mới đúng chứ ! Thôi má cười đi cho con vui, má !

— Nhưng con có thương ông Duy đâu ? Sao con không để má ngồi tù vì nợ nần đi ? Bề nào má cũng khổ tâm cả ! Để con hy sinh lấy người, con không thương, má an tâm sao đành ?

— Khổ quá ! con đã nói với má nhiều lần là tuy không thương ông Duy, nhưng con mến ông. Thành vợ thành chồng rồi thế nào tình yêu lại không đến ?

Hình như nàng cười, và tiếp :

— Ngày trước ba với má lấy nhau có cần phải thương nhau đâu mà ba má về sống với nhau rồi sanh chúng con cũng êm ấm vậy chớ có sao đâu ? Vậy má hơi đâu mà lo cho con sẽ phải khổ sở kia ! Và lại, ông Duy thương con lắm, mặc dù ông lớn tuổi !

— Nhưng sao má cứ thấy không an tâm khi thấy con đành lòng hy sinh mối tình đầu của con với thằng Phú để lấy ông Duy kia l...

— Tất cả đối với con không thành vấn đề ! Con chỉ cốt sao gia đình mình được tan rã. Mà nghĩ rằng con đành tâm ngồi nhìn má tù tội vì nợ nần cơ bạc, nhìn ba nhất định đòi tự tử ? Má thử nghĩ xem rồi gia đình nhà mình đi đến đâu ? Chắc chắn là chúng con sẽ mỗi đứa một nơi và sống cơ cực. Mọi người sẽ khổ sở. Bây giờ chỉ một mình con có thể cứu vãn gia đình khỏi tan rã bằng cách lấy ông Duy. Một mình con khổ, con không than vãn, con chỉ xin má một điều là má cứ an tâm, nếu má thực tình thương con. Má thương con không má ?

Bà cụ nức lên :

— Má thương con lắm chứ l...

— Vậy má cười đi cho con vui. Con không muốn phải suy nghĩ. Má cười đi, má ? Má cười đi...

Ngà nói những câu cuối cùng bằng một giọng run run và tôi nghe tiếng khóc nức lên của nàng. Bây giờ lại đến phiên bà cụ vỗ về con :

— Cúi kia ! Cúi kia ! Ngà... Con biểu má cười, rồi má cười, sao con lại khóc, hả con ?...

Ngà nói qua tiếng khóc :

— Tại con thấy má cười được nên con sung sướng quá... con khóc... đấy thôi... má vui thiệt nghe má ?...

Tiếng bà cụ meo máo, yếu ớt :

— Con ơi... Ngà ơi... Má vui lắm... hu hu... má vui lắm... má thương con lắm...

Tiếng khóc của hai người bây giờ hòa vào nhau, một nghẹn ngào, một nức nở...

Tôi bàng hoàng rời nhà Ngà. Bây giờ thì tôi hiểu tất cả, hiểu tất cả. Tim tôi thất lại. Thay vì về thẳng nhà, tôi bỏ đi lang thang qua các đường phố. Vừa yêu Ngà, tôi lại vừa thấy xót thương cho nàng đậm đà. Nếu có cách nào, nếu tôi là em Ngà thật sự để tôi có thể gục khóc trong lòng nàng cùng với nàng. Tôi thêm được chia sẻ với nàng. Trước niềm đau khổ vĩ đại của nàng, tôi thấy mình bé nhỏ và bất lực. Tôi cứ đi lang thang như thế, phố này quá phố khác, cảm giận một cách vô lý trước sự vô tình của mọi người, của phố phường, của xe cộ. Hai bàn tay tôi nắm chặt trong túi quần, tôi muốn hét lên với mọi người :

— Trời ơi ! Hãy ngừng đi cuộc sinh hoạt của các người để mà mặc niệm trước sự hy sinh của người con gái mà tôi yêu ! Các người sao vô tình một cách tàn nhẫn ? Có ai dám hy-sinh như nàng ? Có ai dám quên mình đi để mà cứu vớt một gia đình sắp tan rã cho đừng tan rã ?

Buổi tối hôm ấy, tôi đi cho đến khi không thể đi được nữa. Tôi tìm vào một công viên nhỏ ở một góc đường, rồi nằm xuống trên một chiếc ghế đá và thiếp đi. Tôi mơ thấy Ngà với khuôn mặt đầm nước mắt. Nàng khóc trông đẹp hơn cả hôm ở vũ trường rất nhiều. Đôi mắt như hai vì sao sáng ướt nước trở nên long lanh và đẹp náo nức. Tôi muốn chạy ôm lấy nàng để thực hiện điều tôi mong muốn là gục khóc trong lòng nàng, để cùng nàng chia sẻ nỗi đau khổ của nàng, nỗi đau khổ mà tôi đem so với của tôi thì của tôi không bằng đến một phần mười của nàng. Nhưng tôi ôm huyệt nàng. Tôi ngã xoài ra mặt đất. Tôi tỉnh dậy và thấy mình vừa bị ngã xuống đất. Tôi ngồi dậy. Trước mặt tôi một người con gái đang đứng nhìn tôi. Tôi kêu lên hốt hoảng :

— Ngà ! ...

Đứa con gái cười thành tiếng khiến tôi tỉnh hẳn cơn hôn mê.

— Em là Tuyết mà !

Nó cúi xuống nâng tôi dậy :

— Anh ngủ mê rồi !

Nó đỡ tôi ngồi trên ghế rồi ôn tồn hỏi :

— Anh không có nhà à ?

Có lẽ nó vừa bất gặp đáng vẻ thư

sinh ở tôi. Tôi biết nó vừa ước lượng xong tuổi tôi, nên nó hỏi :

— Chắc hôm nay có chuyện lục đục gia đình phải không ?

Nó hỏi như một người quen biết đã lâu và hiểu rõ về tôi cũng như về gia đình tôi. Tôi nhìn nó rất lâu. Đó là một người con gái ngoài 20, mặt khá xinh và chất đầy phấn nên có vẻ già. Nó mặc một chiếc áo dài hoa to như cái mẹt, loại rẻ tiền.

— Hân ông cụ « bố » lắm chứ gì ?

Tôi gật đầu bừa. Nó cười :

— Thôi, về với em đi rồi mai hết giận, hãy về nhà. Nhé, anh nhé ?

Rồi không đợi tôi gật đầu, nó lôi tay tôi đứng dậy. Tôi lảng lạng theo nó, đầu nặng và nhức như búa bổ. Nó vẫy một chiếc xích lô máy mà cả giá tiền rồi kéo tôi lên. Nó đưa tôi vào một xóm nhỏ tối tăm lầy lội. Tự nhiên tôi cũng muốn quên tất cả. Tôi muốn đầu óc mình trở nên trống rỗng. Tôi thầm nghĩ giá mình điên được thì sướng quá. Trong khi đứng đợi đứa con gái mở cửa một căn nhà lá lụp xụp, tôi ôm choàng lấy nó định hôn. Nó gỡ tay tôi ra và la oai oải :

— Gượng đã nào, ông tướng ! Làm gì mà vội thế ?

Nói xong nó cười khúc khích cái cười rất rẻ tiền. Thấy nó cười tôi lại muốn bạt tai nó. Nhưng rồi nó cũng mở xong cửa. Tôi theo nó vào nhà. Nó vừa khép xong cánh cửa và sờ soạng định vặn công tắc đèn thì tôi ôm choàng lấy nó và đè nó xuống giường. Tôi muốn làm một động tác mạnh để có cảm tưởng mình đang dự vào một

cuộc cưỡng hiếp. Nó kêu lên :

— Rách áo người ta bây giờ ! Có đời một lát không nào ?

Tôi làm như không nghe thấy gì và cứ làm theo ý thích tàn bạo như một ngọn lửa phá hoại đang bùng cháy trong tôi. Trong khi lo bảo vệ cái áo dài, đứa con gái đã thực sự vật lộn với tôi như khi một người con gái cố bảo vệ lấy cái tiết trinh của mình. Cũng trong lúc đó tôi nghĩ đến cái thân phận khốn nạn và bị rẻ rúng của con người. Tôi thấy chán nản. Và lợm giọng. Tôi nhìn đứa con gái tháo bỏ dần những mảnh áo quần trên thân mình mà cảm thấy bạc nhược không một chút thêm muốn. Tôi móc túi đưa nó những đồng tiền còn lại rồi mở cửa đi ra trước đôi mắt mở to ngạc nhiên và câu hỏi ngơ ngẩn tiếc rẻ của nó :

— Anh không... làm gì sao, anh ?

* *

Rồi một người đàn ông đứng tuổi, to béo với một lối phục sức giản dị thường lui tới nhà Ngà trên chiếc xe Mercedes màu đen. Đó là ông Duy, nhân vật cần thiết của gia đình Ngà. Ông Duy có vẻ là một con người bất thiệp, không kiểu kỳ mặc dù tôi nghe nói ông là một người có thể lực. Nhưng đối với tôi, hay đúng hơn dưới cái nhìn của tôi — cái nhìn đó cũng là kết quả của những suy đoán do từ những sự kiện tôi được biết sau hôm nghe hai mẹ con Ngà khóc, và do tình yêu của tôi cho Ngà nữa — ông Duy là người đã làm Ngà đau khổ, người đã mang đến cho đời Ngà một sự thay đổi lớn lao. Tôi ghét ông.

Tôi ghét con người địa vị và giàu có ở ông. Tôi ghét và thù ông là đáng khác. Càng ghét ông, tôi càng thấy rõ sự bé nhỏ và bất lực của mình. Tại sao tôi, không thể làm gì cho người tôi yêu và tôn thờ ?

Có nhiều lúc đứng bên nhà nhìn chiếc xe của ông Duy đỗ ở trước cửa nhà Ngà tôi chỉ muốn làm một động tác gì mạnh, như một sự phá hoại đối với chiếc xe của ông, để cho bỏ ghét. Ngay trong sự thù ghét, tôi cũng thấy mình bé nhỏ và bất lực. Tôi chỉ là thằng bé con, một thằng bé con với thái độ cộc cằn khi bị người ta cướp đi của mình thần tượng mà mình vẫn tôn thờ, sùng bái. Tôi nhìn rất lâu ông Duy nhưng lúc ông đến. Hình như tôi không chịu nổi ý tưởng Ngà sẽ thuộc về ông Duy. Tôi nghĩ mà thấy xót xa, thương cho Ngà. Ngà có khác nào một nàng Tiên lơ đãng mất đôi cánh nên phải đầy đọa dưới trần và lần đầu tiên tiếp xúc với cảnh trần thế. Chao tôi là phũ phàng. Đối với tôi điều đó còn phũ phàng hơn nữa vì có khác nào người ta đem thần tượng của tôi ra mà nhạo báng, mà cười cợt, mà trần tục hóa ! Càng nghĩ tôi càng thấy lòng căm phẫn xối xục. Nếu người lấy Ngà là Phú, tôi cũng đỡ căm giận hơn mặc dù tôi cũng chẳng ưa gì Phú. Nhưng đằng này... Có lẽ tâm trí tôi không bao giờ quên rằng Ngà lấy ông Duy không vì thương yêu mà chỉ vì cần tiền để giúp gia đình, cái gia đình sắp bị tan rã, điêu đứng, tang thương ! Tôi có cảm tưởng Ngà đang dự vào một cuộc xử án mà chính nàng là bị cáo, một bị cáo vô tội bị kết án tử hình. Bây giờ đây

nàng đang sấm hối. Nàng đang sấm-hối. Tôi rùng mình tôi tưởng lại tiếng khóc nào nề của bà cụ Ngà hôm nào tôi bất chợt nghe thấy khi vừa bước chân vào phòng khách nhà nàng. Tiếng khóc của người đàn bà già sao nghe chết chóc thê thảm như trong một đám ma bên xác người chết. Hôm ấy Ngà đang hấp hối, hấp hối trong tâm hồn. Và bây giờ thì nàng đã chết thực sự, chết trong tâm hồn...

Nhưng rồi tất cả những buồn bã cũng qua đi trong gia đình Ngà. Người ta lại trở lại vui vẻ để sửa soạn cho một đám cưới sắp tới — không, cho hai đám cưới, một của Thoa với Hùng và một của Ngà với ông Duy.

Sau khi những đám mây xám qua đi Thoa xuất hiện với sự vui vẻ và tỏ ra yêu đời hơn cả. Nàng cười nói tíu tít mua sắm áo cưới, chọn hàng để sửa soạn cho đám cưới của nàng. Tự nhiên tôi ghét Thoa. Tôi thấy nàng ích-kỷ. Một người con gái đẹp nhưng rộng-tuếch và không tình thương.

Tuy nhiên, tôi không khỏi thương hại nàng. Cuối cùng tất cả, Thoa vẫn là một cô gái không có lỗi gì ngoài sự tầm thường và rất đáng thương! Ngà cũng bớt buồn hơn. Nàng tỏ ra thông cảm với người con gái đáng thương ở Thoa và cố tránh cho những người trong gia đình những day dứt trước sự hy sinh của nàng. Ngà làm tôi quý trọng nàng hơn!

Đám cưới Thoa đến trước. Vui vẻ hoàn toàn. Thoa rực rỡ và tươi như một đóa hoa. Chồng nàng là một kỹ-sư, vẻ mặt có thực thà hơi ngờ-nghếch một cách tức cười. Anh ta như

chìm đi bên Thoa. Tôi không dự đám cưới của Thoa mặc dù được mời. Tôi đang nghĩ đến Ngà. Ngà không có mặt trong đám cưới của chị. Về sau tôi được biết nàng đi Pháp với ông Duy. Ông Duy đi công cán gì đó ở bên Pháp và Ngà nhân dịp đó sang chơi và thăm hai người anh có gia đình ở bên đó.

Rồi Ngà và ông Duy trở về. Nàng mang theo cả một va li quà. Nàng không quên chia phần cho tôi một cây tháp Eiffel nhỏ đựng trong một hình cầu trong suốt; có những mảnh trắng nhỏ linh động. Dốc ngược hình cầu lên những mảnh trắng tụ lại ở đầu ngọn tháp rồi dựng hình cầu lại vị trí cũ của nó, những mảnh trắng rơi lả tả như những bông tuyết trắng nom thật đẹp. Tôi nhận, nhìn vật tặng, rồi nhìn Ngà, lòng vô cùng xúc động và sung sướng vì Ngà đã nghĩ đến tôi, dù nghĩ đến chỉ để mua đồ tặng. Ngà nói kèm theo nụ cười:

— Tặng Ánh và xin kèm theo một lời chúc cho Ánh có ngày đặt chân tới Paris, xứ quyến rũ của những gì quyến rũ nhất trên đời!

Nàng vẫn coi tôi như một người em trai. Nàng kể với tôi về Paris:

— Kể đẹp thì đẹp thực nhưng Ngà không thấy ưa. Đây Ánh xem, mới 15 ngày mà chị đã nhất định đòi về. Chị thấy nhớ nhà, nhớ Việt-Nam, nhớ Saigon. Paris xa lạ đối với chị đến nỗi chị khóc đòi về cho bằng được. Chị nghĩ rằng mình sinh ra để sống ở đây và chết cũ g ở đây.

Chị là cây của đồng bằng. Công

của đồng bằng lại trở lại với đồng bằng.

Tôi nhìn Ngà rất lâu. Tôi thấy tình cảm của nàng thật đẹp, đáng quý và tâm hồn nàng tràn ngập tình thương.

..

Đám cưới Ngà và ông Duy cử hành ngay sau khi họ ở Pháp về độ một tháng. Tôi từ chối đến dự. Chỉ có bố mẹ tôi sang dự hôm ấy. Tôi đứng bên nhà, tại một chỗ khuất để nhìn Ngà rực rỡ, quý phái và sang trọng trong tấm áo cưới màu trắng tinh bạch với tấm « voan » trắng muốt phủ từ đầu đến chân. Tôi lặng đi mà nhìn theo từng bước chân nhẹ nhàng tha thướt của Ngà. Tôi liền tưởng đến buổi tối ở vũ trường Tự-Do, cái buổi tối tôi được ôm Ngà trong vòng tay để dìu nàng đi những bước Tango bay bướm nhẹ nhàng và thướt tha. Tôi mơ hồ thấy mình mở rộng vòng tay ôm lấy bóng dáng tưởng tượng của Ngà. Tôi khóc lúc nào không hay và tôi để mặc cho những giọt nước mắt lăn trên má không buồn cả lau đi. Qua làn nước mắt tôi chỉ nhìn thấy cái bóng trắng của Ngà nhỏ dần, nhỏ dần rồi mất hút trong lòng chiếc xe huê-ký kết toàn hoa trắng mà tôi có cảm tưởng đó chính là chiếc xe tang đưa tình yêu của tôi, mối tình chưa kịp thành hình đã rã tự bào thai, đến nơi an giấc ngàn thu ! Tôi bàng hoàng, khổ sở. Tôi quay vào, đứng nhìn rất lâu ngọn tháp Eiffel trắng toát như có tuyết phủ, nằm gọn trong lòng hình cầu trong suốt : hình ảnh duy nhất của Ngà tôi còn lưu lại.

..

Tôi im lặng ngồi bên mẹ tôi trong

chiếc xe Taxi. Chúng tôi đang ở trên đường đến thăm và cảm ơn vợ chồng Ngà. Nhờ có họ tôi đã được thả sớm. Tôi nghĩ giá mẹ tôi đừng chạy chọt gì cả, nhất là đừng nhờ vả vợ chồng Ngà, điều mà tôi không muốn vì trước sau thế nào tôi cũng được thả, và tôi đủ sức để sống qua những trận đòn của những buổi hỏi cung. Thật tình tôi không muốn có buổi đến thăm này một chút nào. Tuy thế, trong thâm tâm tôi cũng muốn được nhìn lại Ngà sau một thời gian xa cách lâu như thế. Tôi muốn nhìn nơi Ngà sống, tôi muốn được nhìn bóng dáng của Ngà, tôi muốn được nhìn lại vẻ đẹp của Ngà, cái vẻ đẹp liệu có gì thay đổi sau khi Ngà đã sinh đẻ ? Tôi ngồi miên man nghĩ, nửa khó chịu về buổi đến thăm, nửa mong đợi, thú vị.

Chiếc Taxi rẽ vào đường Nguyễn-Văn-Trương rồi ngừng lại trước một căn biệt thự xinh xắn. Chúng tôi trả tiền xe và bước xuống. Mẹ tôi bấm chuông. Được một lát, một người đàn ông giúp việc chạy ra mở cửa cho chúng tôi. Vợ chồng Duy có nhà cả. Người đàn ông giúp việc đưa chúng tôi vào căn phòng khách sang trọng, bày biện ngăn nắp và trang nhã. Tôi ngồi xuống chiếc ghế bọc đệm xanh, đưa mắt nhìn khoảng vườn nhỏ trước nhà. Tôi cảm thấy tâm hồn trống rỗng và buồn nản. Tự nhiên tôi thấy buổi đến thăm nhạt nhẽo, vô nghĩa. Tôi nhìn mẹ tôi. Bà ngồi thu mình trong chiếc ghế Salon rộng, trông bà thật bé nhỏ giữa vẻ sang trọng quý phái của căn phòng khá hĩnh hục nhà Ngà. Tôi thấy tim tôi đau nhói. Bất giác tôi nhìn xuống đôi tay gầy guộc và đen đui

của mình. Tôi muốn đứng dậy ra về. Tôi không chịu đựng nổi một sự so sánh đang có trong tôi, nó cho tôi nhìn thấy cái thấp kém bé nhỏ của mình. Mẹ tôi không hiểu được tôi. Tôi đang muốn trốn tránh những gì bắt tôi phải đối diện với sự trống rỗng ở trong tôi. Tôi khổ sở nghĩ đến cái bất lực trước tình yêu của tôi đối với Ngà. Tuy thế tôi vẫn ngồi như bị dán chặt trong lòng chiếc ghế Salon và chỉ đứng dậy khi bắt tay ông Duy và gật đầu chào Ngà. Ngà vẫn không thay đổi, nàng đẹp hơn nhưng đối với tôi bây giờ sao mà cách biệt ! Tôi nhìn ông Duy. Ông ta không đáng ghét như trước nữa. Ông vẫn thế, tôi biết. Chỉ có tôi thay đổi, thay đổi trong tư tưởng và cách nhìn đời. Ông nói chuyện nhã nhặn, bất thiệp, không kiêu kỳ. Tôi lơ mơ thấy mình có cảm tình với ông. Ông nói với tôi :

— Tôi hiểu tâm trạng của các anh bây giờ. Trẻ vẫn vậy, luôn luôn tỏ ra tha thiết bảo vệ những gì mình cho là đẹp và cần thiết cho con người. Nhưng cũng chính vì thế mà các anh đã thiếu suy xét để mọi việc rút cục trở thành một trò đùa chỉ vì quá cuồng nhiệt !

Tôi không phủ nhận nhưng nhận xét của ông Duy. Tôi chỉ ngồi im lặng nghe. Tôi không thấy tha thiết với việc phát biểu ý kiến của mình. Một mồi và chán chường.

Nửa chừng câu chuyện, mẹ tôi đòi xem mặt đứa con gái của Ngà. Ngà cười rồi đứng dậy vào bế con ra. Đứa bé gái giống cha nhiều hơn mẹ. Mẹ tôi dơ tay đón con bé. Nó vội ôm lấy mẹ nó và đòi mẹ nó đứng dậy. Tôi thầm nói :

— Một cô Ngà con !...

Ngà bế con ra vườn, đến bên hồ nước con giữa vườn. Tôi nhìn bóng nàng và con nàng in trên mặt nước hồ lay động nhẹ.

Cuộc sống của nàng có vẻ hạnh phúc và đầy đủ. Tôi đọc thấy niềm yêu đời tha thiết trong ánh mắt của Ngà và cái khung cảnh xung quanh nàng, tuy Ngà có vẻ gầy so với độ trước.

Ra khỏi nhà Ngà, tôi thấy buồn và muốn được sống một mình. Tôi nói với mẹ tôi :

— Mẹ về trước. Con đi lại đằng này...

Mẹ tôi nhìn tôi, hơi ngơ ngác. Tôi nói tiếp :

— Con sẽ về trước bữa cơm tối...

Nói xong tôi quay lưng bỏ đi như người chạy trốn. Tôi đến nhà một thằng bạn thân gần đấy mượn chiếc xe đạp và đạp về phía xa lộ.

Qua khỏi chiếc cầu dài nhất bắc qua sông Saigon vài cây số, tôi xuống xe rồi dắt theo con đường để tìm vào những cánh đồng ngát mùi thơm của lúa chín.

Tôi quăng chiếc xe vào vệ ruộng và ngồi xuống trên bờ đê, mặt hướng về phía mặt trời đang lặn. Gió mơn man trên những cánh đồng lúa. Gió mơn man trong tâm hồn tôi. Nỗi buồn của tôi như vợi đi. Tôi thấy mình không suy nghĩ.

Tôi ngồi như thế cho đến tối. Bóng tối như làm cho không gian trải rộng đến vô tận. Nhưng vì sao bắt đầu mọc. Tâm hồn chơi vơi trong một

trạng thái khó tả, tôi ngược nhìn bầu trời bao la với những vì sao lấp lánh như những hạt kim cương dính trên chiếc áo dạ hội màu đen của một người đàn bà. Tôi bắt nấp sự thành khẩn trong tôi khi ngược nhìn bầu trời vũ trụ, khiến tôi cảm thấy rưng rưng như muốn khóc. Thành linh một ngôi sao rụng khỏi bầu trời, tạo thành một vết sáng rồi lặn tẽ tắt ngấm trong cái mệnh mong của vũ trụ. Thêm một sự đổi thay. Một thế giới vừa đi vào hư vô

trong cái phẳng lặng, bình thản của vũ trụ. Tôi không kịp cầu xin gì cả vì không thấy rõ mình muốn gì, hay đúng hơn vì tôi muốn tất cả : tôi có quá nhiều ước vọng, những ước vọng của một người trẻ tuổi nhiệt thành một cách mệt mỏi trước thềm cuộc đời.

Đêm về sâu như lòng vũ trụ...

Sài Gòn 22-9 63.

TRUNG-DƯƠNG

ĐỌC VÀ CỐ ĐỘNG :

Tự Do

Nhật báo tranh đấu dành tự do cho dân tộc, xây dựng dân chủ cho quốc gia và cải tiến xã hội.



Chủ-nhiệm : PHẠM-VIỆT-TUYẾN — Chủ bút : NG DUY-CẨN

Thư-ký Tòa-soạn : NGUYỄN-TRỌNG — Quản-lý : TRỮ-NGÔN

Báo quán : 25 27-29 Võ Tánh — Saigon. H.T. số 653. D.T. 25.521

Sổ Xuân

NGƯỜI VIỆT TỰ DO

MỘT SỐ BÁO GỒM 80 TRANG BÀI VỚI HÌNH ẢNH



- Những cây bút đặc sắc nhất của làng văn làng báo đều tập trung trong *XUÂN NGƯỜI VIỆT TỰ DO* : Mạc Đỗ, Đinh Hùng, Thạch Lê, Tham Nam, Hoàng Anh Tuấn, Văn Quang, Song Hồ, Tường Linh, Trần Lê Nguyên, Cẩm Thi, Nguyễn Đạt Thịnh, Mai Thảo, Mạc Thu, Tô Kiều Ngân, Kiên Giang, Xuân Phụng
- Minh họa trình bày của các họa sĩ Ngọc-Dũng, Hiếu Dệ, Ngân-Hà

SINH HOẠT

Triển lãm Hội họa của sinh viên Mỹ thuật

NGUYỄN-NGU-Í *thuyết*

ĐÂY là lần đầu mà sinh-viên trường Mỹ-thuật được phép tổ chức một cuộc triển lãm, và tự nhiên là được luôn phép dự triển lãm. Chúng tôi nói « được phép » vì dưới chế độ cũ, Kỉ-luật nhà trường đã tỏ ra khắt khe về điểm này: còn ngồi trên ghế nhà trường, sinh viên không được phép gởi tranh dự triển lãm, vì nhà trường ngại rằng nếu tác phẩm mà non kém thì làm mất thanh danh nhà trường, còn như may mà thành công, thì tác giả có thể cho mình đã thành tài, không chịu trau dồi nghệ thuật đến nơi đến chốn. Bề nào cũng

chẳng có lợi cho nhà trường ! Nên có một vài sinh viên đã « lên » dự các cuộc triển lãm dưới một danh hiệu khác...

Cho nên khi trường được nhà Mỹ-thuật Học - vụ cho phép mở cuộc triển lãm Hội họa trong khuôn khổ tuần lễ Giáo - dục, Mỹ - thuật, Âm-nhạc và Kịch-nghệ — từ 23-1 đến 30-1-1964 — thì ta có thể nói một luồng gió hân hoan và hăng hái thổi mạnh vào trường.

Anh chị em sinh viên sốt sắng góp tranh, được 105 tấm ; trong số này, có tranh các cựu sinh viên để tỏ tình thân hữu và đoàn kết trong dịp ra mắt « công khai » này. Ban đại diện sinh viên cùng hội đồng giáo sư của trường họp nhau để chọn tranh triển lãm, có sự tham gia ý kiến của các anh chị em sinh viên trong trường.

Sau đó, để tỏ tình đoàn kết với báo chí, ban đại diện có tổ chức một cuộc gặp gỡ thân mật tại trường để nhờ các đại diện báo chí giúp thêm ý kiến đối với sổ tranh đã chọn. Tiếc rằng ngày ấy — thứ bảy 18-1-64 — lại nhằm ngày họp báo quan trọng của ông tân tổng-trưởng Thông tin nên sổ kí giả đến dự tiệc trà chỉ có 6 người; một điều đáng tiếc thứ hai là sự vắng mặt ban giám đốc nhà trường.

Điều đáng để ý là, nếu anh chị em không được ban giám đốc nhà trường giúp đỡ bao nhiêu, thì trái lại, ban giám đốc nhà Mỹ thuật học vụ đã nâng đỡ anh chị em rất nhiều. Điều này an ủi và khuyến khích ban tổ chức đã đề cả nhiệt thành và cố gắng cho cuộc triển lãm đầu tiên này được kết quả tốt đẹp.

Và đó là cảm tưởng chung của quan khách và khán giả trong buổi lễ khai mạc cuộc triển lãm, 18 giờ ngày 23 tháng 1 tại Câu lạc bộ báo chí Sài-Gòn.

66 bức tranh (trong đó có 14 bức của cựu sinh viên (1) gồm có 8 bức họa, 15 tấm bột màu và 43 tấm sơn dầu cùng 1 điều khắc phẩm đã nói lên sự cố gắng của anh chị em ngoài giờ học tập ở nhà trường cùng ý chí muốn lấy cái học cổ điển ở học đường làm nền để dựng những tác phẩm bộc lộ, ý tình của thế hệ mình, với những lời diễn tả mới. Người ta có thể nói các xu hướng của nền Hội họa đều có đại diện ở đây, từ cổ điển cho đến trừu tượng.

Giới phê bình đã tỏ ra thông cảm sự cố gắng và vươn lên của lớp họa sĩ trẻ này, khao khát kiếm tìm và nhiều thành tâm thiện chí nên họ đã dành những lời nhận xét, giới thiệu đầy cảm tình và cho đây là một cuộc triển lãm đầy ý nghĩa và nhiều hứa hẹn.

Và phải chăng người thưởng ngoạn cũng đồng tình, nên ba ngày sau lễ khai mạc, đã có 11 bức mang mây chữ: « Đã có người mua ».

Chúng tôi không thể dừng bút nếu chẳng ghi lại những lời tâm huyết của lớp người muốn hiến đời cho nghệ thuật, như dịp công khai ra mắt đồng bào lần thứ nhất:

* *

« Cánh cổng của bức tường cao đã mở sau chín năm khép kín !

« Chúng tôi kính cần mời quý vị bước vào một vùng đất nhỏ có trồng hoa. Không dám gọi là khu vườn vì mảnh đất nhỏ nhắn của chúng tôi chỉ có vừa hơn sáu mươi đóa hoa hương sắc chưa mấy đậm-đà. (...)

« Điều mà chúng tôi hằng thiết-tham mong đợi nhất là được tiếp-nhận những cái nhìn ưu-ái, những lời khuyến khích thân-tình, những sự nâng-đỡ đầy nhiệt tâm của quý vị, của các bậc đàn anh, của những người bao giờ cũng nghĩ đến một đám trẻ sau mình đang vượt chông gai để tiến bước.

« Xin đặt lòng tri-ân lên trên tất cả ».

(1) Còn 52 bức là công trình của 31 sinh viên còn học, 7 nữ và 24 nam.

Đệ nhất đại hội Văn nghệ của sinh viên Âm nhạc và Kịch nghệ Saigon

Cũng trong khuôn khổ tuần lễ Giáo-dục Mỹ-thuật, Âm nhạc và Kịch nghệ, đại hội văn nghệ lần thứ nhất của sinh viên Âm nhạc và Kịch nghệ Saigon được tổ chức tại trường quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ liên tiếp trong hai đêm 25 và 26 tháng 1 năm 1964.

Ban tổ chức đã khéo lập chương trình để khán giả được dẫn đưa — phần Nhạc cũng như phần Kịch — từng giai đoạn.

Trước hết, là ngành Quốc nhạc cổ truyền.

Ban hòa tấu đã đưa ra trên hai mươi sinh viên nam nữ với đàn tranh, đàn kìm... để trình bày bản ra mắt: *Khổng-Minh tọa lầu*; hai thứ đàn này, khi hòa với nhau, khi một thứ im để thứ kia lên tiếng, đã giúp cho người thính giả cảm thụ được phần nào cái cảnh « gặp gỡ » giữa Tư-Mã-Ý và Khổng-Minh trước thành không bỏ ngõ.

Sau hai bản cổ nhạc. Người ta chờ bản cổ nhạc thứ ba với cái tên gọi cảm: « *Trần thủ lưu đồn* », nhưng lại được nghe đến một bản Tân nhạc, đơn ca: *Tiếng xưa của Dương-Thiệu-Tước* để bắc cầu qua ngành nhạc Tây-Phương.

Người xướng ngôn viên đã sợ xuất, quên cho thính giả biết vì sao phải bỏ mục này trong chương trình.

Ban nhạc trường Mùa trình tấu nhạc phẩm *Granada*, gây xúc động cho thính giả.

Hai nam nữ sinh viên đồng diễn tấu vĩ cầm và dương cầm, hai nữ diễn viên trình diễn hai điệu hát chèo, rất được hoan nghênh.

Nhưng cái đỉnh của đại hội là phần dành cho ngành kịch nghệ. Chương trình ghi thứ tự: một màn hát bội, một màn cải lương, một màn thoại kịch. Người xem thấy rõ ban tổ chức muốn (1) đưa khán giả bước qua ba giai đoạn của ngành kịch nghệ, từ xưa tới nay. Tiếc rằng vì lý do kỹ thuật, thứ tự phải đảo lộn, nhưng không đảo lộn ngược lại, để khán giả ngược dòng thời gian, mà lại phải đi từ thoại kịch (*Thành-Cát Tư-Hãn*, màn II, của Vũ-Khắc-Khoan) trở về với hát bội (*Lưu-Kim-Đỉnh sát từ môn*) để trở lại với cải lương (*Khi người diên biệt yêu*).

Sinh viên ba bộ môn đã tỏ ra rất mực tận tình. Riêng các vai Lưu-Kim-Đỉnh, Người Diên, Thành-Cát Tư-Hãn, Sơn-Ca, Giang-Minh tỏ ra có nhiều triển vọng.

NGUYỄN-NGU-Í k

(1) Đêm đầu là một màn trong « *Khi người diên biệt yêu* »; đêm sau là một màn trong « *Cái hết của Giang-Sư* », đều của Nguyễn-Thành-Châu.

Biến cố ngày 30/1/64

Trong đêm 29 rạng ngày 30-1-64, tại Thủ - đô, đã xảy ra một biến cố mà nhiều báo đặt cho cái tên là « biến cố trăm lạng », hoặc « chính đồn lại nội bộ Hội đồng Quân nhân Cách mạng ».

Người cầm đầu biến cố quan trọng này là trung tướng Nguyễn-Khánh, tư lệnh vùng I chiến thuật kiêm tư lệnh quân đoàn I với sự đồng lòng của trung tướng Trần Thiện Khiêm, tư lệnh quân đoàn III, cùng một số đồng tướng tá khác.

Đặc biệt biến cố này là không đổ máu.

Chiều ngày 30, dân chúng được biết quyết định của Hội đồng Quân nhân Cách mạng : chấm dứt nhiệm vụ của ủy ban chấp hành Hội đồng Quân nhân Cách mạng thành lập ngày 1-11-1963 vì đã tỏ ra bất lực trước tình thế khẩn trương trong và ngoài nước, và cử trung tướng Nguyễn Khánh đảm nhiệm chức vụ chủ tịch.

Và theo bản tuyên cáo của tân chủ tịch Hội đồng Quân nhân Cách mạng ra ngày hôm ấy, thì động lực chính cuộc lật đổ chế độ họ Ngô, là « muốn thực hiện cuộc Cách mạng toàn diện để xây dựng một chế độ dân chủ thực sự, tăng biện pháp hữu hiệu chống Cộng-sản, bảo đảm mọi công dân một cuộc đời tự do sung túc ».

Nhưng ba tháng sau ngày đảo chánh, lòng mong muốn của dân và quân không được thỏa mãn. Vì thế Quân đội phải đứng lên lần nữa.

Các tướng : Trần-Văn-Đôn, tổng trưởng bộ Quốc phòng kiêm tổng tư lệnh Quân đội Quốc gia, Lê-Văn-Kim, tổng tham mưu trưởng, Tôn-Thất-Địch, tổng trưởng bộ Nội vụ, Mai Hữu-Xuân, tổng giám đốc nhà Cảnh sát kiên đô trưởng Sài-Gòn,

Sách Báo Mới

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Glác hồ** : thi phẩm của Hoài-Luân, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách gồm 39 bài thơ dài 92 trang giá bán 50đ.

— **Xuân Hiên Hữu** : giai phẩm xuân 1964 do một nhóm văn nghệ sĩ thực hiện. Sách dày 80 trang, giá bán 15đ.

— **Nắng mai** : giai phẩm xuân Giáp Thìn, do sinh viên cán sự và học viên tá viên điều dưỡng Huế phụ trách. Giai phẩm dày 84 trang. Giá bán 15đ.

— **Chiều hương mới** : diễn đàn của sinh viên Dalat, tập mùa xuân 64. Sách dày 116 trang, giá bán 20đ.

Trân trọng cảm ơn các tác giả, nhà xuất-bản trên đây và xin ân-cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa.

thiếu tướng Nguyễn-Văn-Vỹ, thiếu tá Trần-Đình-Lan (hai ông này ở Pháp về sau ngày 1-11-63) và thủ tướng Nguyễn-Ngọc-Thơ bị bắt giữ. Trung tướng Dương-Văn-Minh làm cố vấn tân H Đ Q N C M.

Nhưng hôm sau ông Nguyễn-Ngọc-Thơ được trả lại tự do và cùng toàn thể Chánh phủ đưa đơn từ chức và được chấp nhận.

Trong khi chờ đợi Chánh phủ mới, thì thủ tướng và các tổng, bộ trưởng cũ được ủy nhiệm xử lý thường vụ.

Hội đồng Nhân sĩ vẫn được lưu giữ.

Trong bài tuyên ngôn đọc tại cuộc họp báo đầu tiên chiều 31-1-1964, tại bộ Tổng tham mưu, tân chủ tịch H Đ Q N C M có cho biết lý do cuộc thanh trừng nội bộ như sau :

« . . . trong 3 tháng qua, guồng máy chính quyền đã không thực hiện được sự đại đoàn kết trong dân chúng và hàng ngũ Quân-đội mà trái lại đã gây chia rẽ và quá

chậm chạp nên không theo kịp đà tiến của cuộc Cách-mạng và đáp ứng nhu yếu của cuộc chiến tranh chống Cộng sản ».

« Hơn nữa, một số cán bộ đã có thái độ không xứng đáng lãnh đạo cuộc Cách-mạng, đã chỉ lo vụ lợi hoặc hưởng vui thú riêng trong lúc các chiến sĩ mỗi ngày phải hi sinh ngoài trận địa, một số khác lại tỏ ra tinh thần nô lệ, dọn đường cho chính sách Trung-lập bán nước hoặc mền tiếc chế độ thời nát của họ Ngô ».

Khuyết điểm của Chánh quyền cũ là không đặt trọng tâm công tác vào nông thôn, trái lại « đã áp dụng những biện pháp lệ tề không đường lối, không hệ thống đúng với tầm quan trọng của vấn đề.

Và sau cùng « Chính sách căn bản và mục đích tối hậu của Quân đội vẫn là thực hiện Tự Do Dân Chủ, theo đúng tinh thần cuộc Cách Mạng 1-11-1963 ».

6-2-64

Nguyễn-Ngu-Í (ghi)

Phát hành ngày 4 Tết (16-2-64)

VĂN số tân niên

- **Tiểu luận :** Nữ tính trong thơ Bà Huyện-Thanh-Quan
— Bốn bài thơ chưa ai biết của Hồ-Xuân-Hương ?
- **Truyện ngắn đặc sắc :** Hồ - Hữu - Tường — Như Phong
Cô Minh-Đức — Thế Nguyên v.v...
- **Thơ :** Đỗ Tấn - Viên Linh — Trần Văn-Nam — Trần-Tuấn-Kiệt v.v..
- **Kịch :** Đặng Tiến

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khoẻ mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. \$ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại-lộ Hàm - Nghi

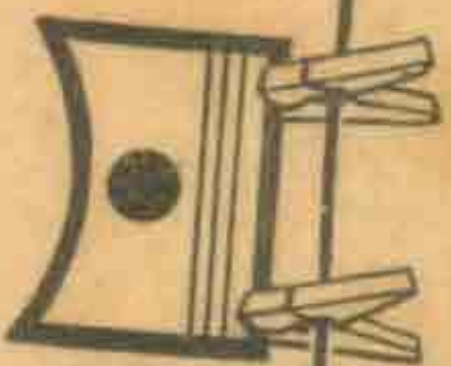
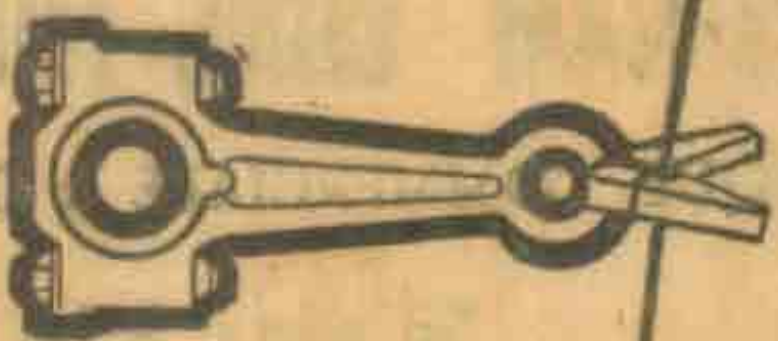
Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NGÀNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo
 - ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập
-

ĐẢM-NHIỆM tất cả **NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG**
— **CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU** —



hơn 50 năm tại Việt - Nam



TRONG GIA-ĐÌNH EM-AM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

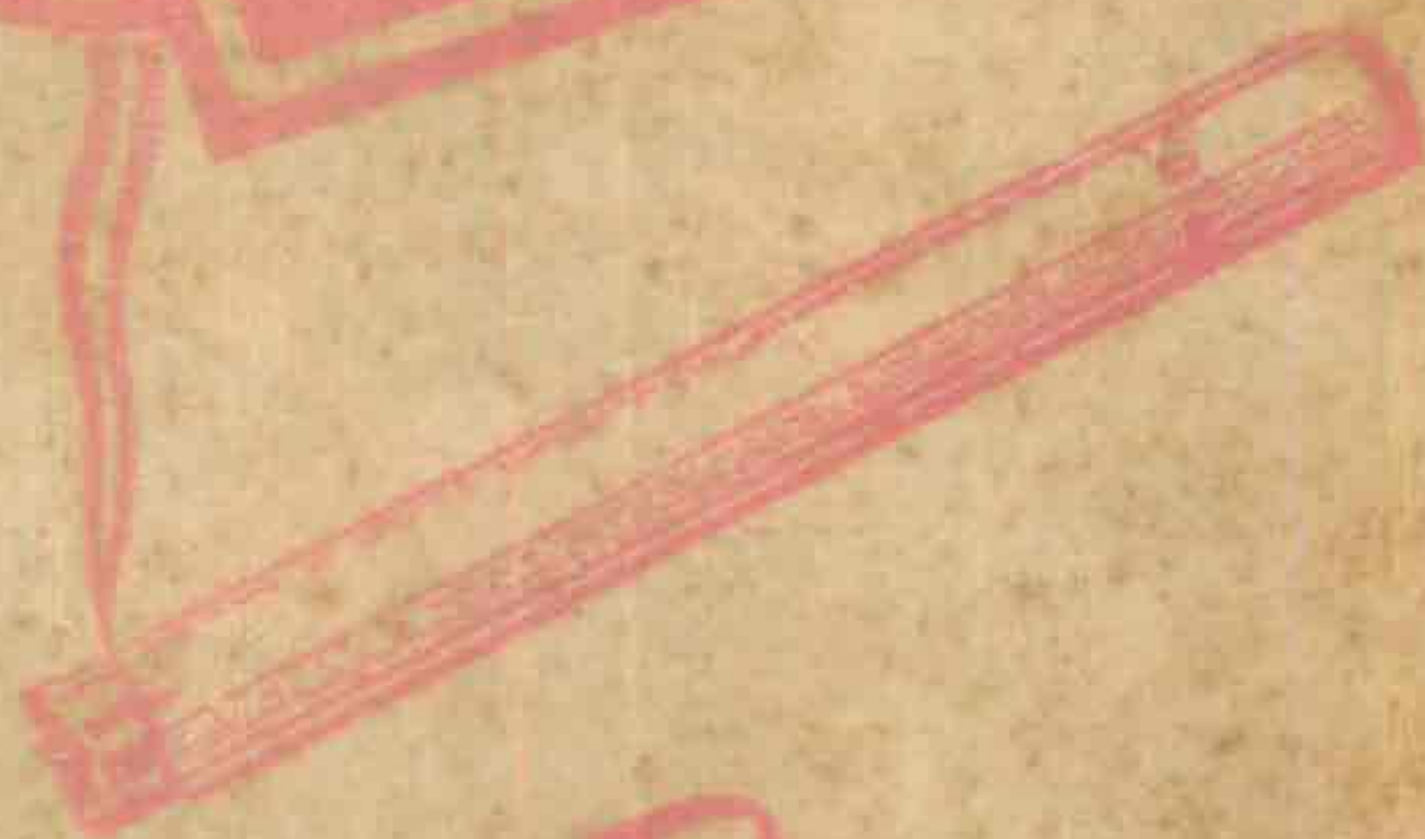
KHẤT MỆT

Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-COP"

Chai "HÒA TIỀN !



Cigarettes

VIRGINIE